

ĐÌNH LINH THỜI LẠ VÀ NXB VĂN MỚI

đình linh

thư lạ

truyện ngắn

VĂN MỚI

thư lạ

Thư Lạ [A Strange Letter]

Collection of short stories by Đinh Linh (Dinh, Linh, 1963-)

Translated from English into Vietnamese by Phan Nhiên Hạo
(Phan, Nhien Hao)

Stories were selected from the two books by Linh Dinh:
Fake House (stories). Seven Stories Press. New York, 2000,
Blood and Soap (stories). Seven Stories Press. New York, 2004,
and from other unpublished works.

Van Moi Publisher

P.O. BOX 287

Gardena, CA 90248

Phone: 310.366.6867

Fax: 310.366.6967

Email: kimanquan@yahoo.com

Website: <http://www.vanmoi.com>

Copyright © 2007 by Linh Dinh and Hao Nhien Phan

All right reserved. No part of this book may be reproduced in any
form, by any means, without the prior written permission of the
author and the translator.

Printed in the U.S., first edition, 2007

.

Đinh Linh

Thư Lạ

tập truyện ngắn

Phan Nhiên Hạo chọn và dịch từ nguyên bản Anh ngữ

Đinh Từ Bích Thúy viết lời bạt

Nhà xuất bản Văn Mới
Gardena, California, 2007

Mục lục

Một Chuyến Bay / 09
“!” / 15
Elvis Phong Chết Rồi / 25
Bọn Thất Bại / 31
Boo Hoo Hoo / 35
Chợ / 45
Cảnh Đẹp Cali / 51
Giết Người Hay Tự Tử / 59
Stewart Crenshaw / 65
Hai Nhà Trí Thức / 75
Hai Nhà Vua / 83
Nhạc Tây / 87
Ông Nội Ngoại Hạng / 103
Lối Thoát Hiểm Hoả Hoạn / 107
Những Kẻ Không Còn Ở Giữa Chúng Ta / 115
Thư Lạ / 123
Saigon Pull / 129
Thị Trấn Cổ Quan Tài Bí Ẩn / 139
Tỉnh Trưởng Tỉnh Cực Bắc / 147
555 / 153
Tới Nơi Đã Ngủ / 161
Động Vật Học / 173
Tên Tù với Cuốn Tự Điển / 179

B Ậ T

Đinh Từ Bích Thuý / 185

Một Chuyến Bay

Vợ tôi sụt sịt, “Làm sao mình biết máy bay nào mà lên”? Nàng trông già xụ khi lo lắng. “Ra phi trường người ta sẽ chỉ mình, em à”. Chính tôi cũng không chắc. Chúng tôi từng đi ghe, rất nhiều ghe, nhưng chưa từng đi máy bay. Chúng tôi cũng từng đi xe đò xuyên Việt.

Vợ tôi bỏ vô bao ni-lông buổi, chuối, ya-ua, trứng luộc, gà chiên. Thêm lọ thuốc aspirins, hai chai nước.

“Bay chỉ một tiếng thôi mà”, tôi nhắc nàng.

“Người ta nói sao anh nghe vậy hả? Hồi mình đi xe đò, họ nói chừng một ngày, cùng lắm là hai, vậy mà lúc nào cũng mất vài tuần, có khi vài tháng”!

Dường như chỉ hôm qua chúng ta còn đẩy xe lên đồi. Hôm trước còn bò dưới đất. Ôi chao, phương tiện giao thông phát triển mau lẹ!

Trên đường đến sân bay chúng tôi phấn khởi với bao dự đoán, cảm xúc mới lạ. Trước đây, với chúng tôi, phi trường không biểu tượng sự giải thoát hay phiêu lưu, mà chỉ là sự tàn nhẫn của hứa hẹn sống còn. Nó như một cánh cổng lỏng lẻo muôn đời chốt chặt, được dựng lên chỉ để bêu rếu chúng tôi, bằng những âm thanh tiệt tưng, như được đồn đãi, yếu ớt vọng đến từ bên kia.

Hôm nay khác. Hôm nay chúng tôi lên đường. Chúng tôi sẽ bay thoát khỏi đây. Chẳng bao lâu chúng tôi sẽ khởi hành. Từ “khởi hành” thật êm tai. Từ “đến nơi”, mặt khác, khiến

chúng tôi kinh hoảng; quá tập trung vào việc lên đường, chúng tôi quên mất mình sẽ đến một nơi khác. Điểm đến chẳng quan trọng, quan trọng là khởi hành.

Chúng tôi tiến vào khuôn viên kỳ diệu của phi trường chẳng gặp rắc rối lớn. Đúng là người ta chỉ máy bay cho chúng tôi. Nhưng trước hết, họ xét coi chúng tôi có mang theo dao và sách. Họ gửi giấy và cố nặn những chiếc răng trám. Họ thay phiên dòm vào những kẽ hở. Quả là phép lạ họ đã không lột truồng chúng tôi trước khi cho phép lên máy bay. Chuyện đó có xảy ra, chúng tôi cũng vui vẻ chấp nhận. Họ giải phóng chúng tôi khỏi những chiếc ví, dĩ nhiên. Một gã giật tẩm vé máy bay mới cứng, giả vờ xé vụn. Mấy người bà con xung quanh thút thít, bất tỉnh.

Chúng tôi chưa bao giờ thấy bên trong máy bay. Khoang máy bay này phải lớn cỡ thuyền Nô-e. Sự kinh ngạc thuyền giảm phần nào khi tôi thấy các bạn đồng hành. Phần lớn luộm thuộm trong quần áo quê kệch, mới may hôm qua, đặc biệt giành cho chuyến đi: áo vét bên ngoài đồ bộ hoa, áo thun và váy mặc ngược... Hy vọng vợ chồng tôi nhìn không đến nỗi ngáo cổ đó. Không phải ai cũng xứng đáng với số phận may mắn, vậy mà tất cả đều có mặt.

Bước đi trên thảm mịn, những chiếc ghế êm ái xung quanh, chúng tôi coi như đã đổi đời. Chúng tôi hết sức ngưỡng ngừng nhưng tràn trề hy vọng. Sang trọng này chẵn chẵn chỉ khởi đầu cho nhiều sang trọng hơn trong tương lai. Những nhựa cứng, đèn dịu, nhựa mềm. Nếu bị nhốt cả đời trong máy bay, chúng tôi cũng không buồn. Chúng tôi cảm thấy tuyệt đối an toàn. Bất khả xâm phạm. Ngay cả phi cơ nổ tung trên trời hay đâm đầu xuống biển, chúng tôi cũng đạt được mộng lớn rồi. Dĩ nhiên chúng tôi còn nghi ngờ. Làm sao một vật to thế này bay lên được?

Trước khi kịp nhận thức mọi chuyện, chúng tôi đã bị buộc vào số phận mới. Người đàn ông phía trước bật lưng ghế, ngả đầu lên đùi tôi. Tôi cưỡng lại thôi thúc tự nhiên muốn vuốt ve chiếc trán nhăn, hệt như trán ba tôi. Một âu yếm sai

lầm có thể dẫn đến hậu quả thảm khốc, tôi tự nhủ. Người đàn ông mặc bộ vét bóng và có vẻ viên chức nhà nước. Đúng ý chàng, mở tờ báo, tôi thấy hình ông ta nơi trang nhất đang cất bằng khánh thành. Cả trên giấy và trong đời, ông nhe răng dọa tôi. Vợ tôi không chú ý đến đe dọa vừa tái sinh. Sau nhiều năm, lần đầu tiên lâng lâng, nằng cười rúc rích, lột một trái chuối.

Một phụ nữ đồng phục nâu chỉ dẫn chúng tôi trong trường hợp máy bay rơi. “Giày của quý vị sẽ chìm nhưng nón quý vị sẽ nổi”, cô ta thông báo. “Nhưng đừng làm xấu hổ chúng tôi”, cô ta bất ngờ găm giữ, gằn giọng vốn the the, “khi xuống máy bay”.

Vợ tôi lột trái chuối thứ hai. Tôi xơi cánh gà, ya-ua, trứng luộc. Tôi tợp nhanh một ngụm từ chai whiskey bé tẹo mua ở quầy lưu niệm phi trường. Bất ngờ phi cơ găm lên trên đường băng. Vợ tôi bịt tai kêu thét. Máy bay nhấc đầu. Lên rồi! Không tin được! Chúng tôi thoát rồi! Thật thoát rồi! Trong cơn nôn nao dữ dội, tôi mửa tươi lên chiếc đầu lộn ngược đang gối trên đùi mình.

Từ trên trời, thành phố chúng tôi nhìn tuyệt đẹp. Dưới đất nó chỉ là một hầm phân.

Mặt trời rạng rỡ trên sông bạc. Nhà cửa bé xiu. Người ta bé xiu. Đau khổ của họ cũng bé xiu.

Tất cả chiến tranh và bệnh tật dưới đó. Tất cả bất hạnh dưới đó. Sau cùng, chúng tôi ở trên mây. Quả đất thật sự tròn. Chỉ điều đó thôi cũng đủ khiến ta ngây ngất. Sau cùng, chúng tôi bình yên. Nhiều người vỗ tay, vài người không cầm được nước mắt. Tôi ôm chặt vợ. Suốt hai mươi lăm năm có lẽ, lần đầu tiên chúng tôi hôn nhau.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *A Plane Ride*)

“ ! ”

Báo Công Nhân ngày 10 tháng 10 năm 2000 đăng bản tin đáng chú ý về một bác sĩ giả. Một ả Ngô Thị Nghê nào đó thực hành y khoa suốt mười năm với mảnh bằng mà ả đoạt được, người ta đoán, bằng việc sát hại chính khổ chủ mảnh bằng đó. ả có đầy đủ thiết bị y khoa, bộ áo choàng trắng, ống nghe, bô ỉa, ống chích, một đồng thuốc, nhưng tuyệt đối không có kiến thức y khoa trường học. Thậm chí ả chưa học hết lớp 8. Tuy vậy, tỷ lệ bệnh nhân tử vong của ả, so với những bác sĩ khác, không cao hơn, và ả còn được bào chữa bằng chính vài bệnh nhân, sau khi chuyện bị phanh phui, về việc cứu mạng họ. “Vị bác sĩ nhân ái”, một ông già nói.

Có quá nhiều lừa bịp thời nay đến nỗi chuyện giả mạo trên chẳng gây chú ý đặc biệt. Ngày nào cũng có tướng thuật chuyện luật sư giả, kiến trúc sư giả, giáo sư giả, và những nhà chính trị giả làm ăn không giấy phép. Đáng chú ý nhất gần đây, tuy vậy, là trường hợp Hồ Mười, người bị buộc tội giáo viên Anh ngữ dỏm. Sau khi tổng hợp kỹ lưỡng nhiều nguồn báo chí, tôi xin xếp đặt lại câu chuyện như sau:

Hồ Mười sinh năm 1952 ở làng Kỳ Đồng. Gia đình hần sống bằng nghề làm pháo cho đến khi pháo bị cấm vì chiến tranh. Chẳng bao lâu sau đó, bố hần nghiện rượu bỏ nhà ra đi. Mặc dù lúc đó chỉ sáu tuổi, Hồ Mười đủ trí khôn để thề sẽ không bao giờ nhắc đến tên bố. Mẹ hần nuôi nấng đứa con bằng nghề gánh nước và gánh phân bắc ban đêm, một nghề

cực nhọc gây lưng đã làm bà ta lùn mất vài phân. Thỉnh thoảng bà làm bánh khúc bán trong những ngày hội.

Làng Kỳ Đồng nổi tiếng vì hội mừng Năm tháng Giêng, tưởng niệm một vị tướng truyền thuyết của một vị vua thần thoại chống lại một kẻ thù có thực cách đây hai ngàn năm. Ngày hội bao gồm trò bắt vịt, con trai đấu vật, con gái thi làm bánh khúc, và cho đến khi bị cấm bởi chiến tranh, một cuộc rước pháo.

Những người từng chứng kiến rước pháo mô tả quang cảnh con trai, con gái, và những tên bóng múa may những hình nộm thú vật và bộ phận sinh dục cắm trên ngọn tre, giữa đám khói và tiếng nổ đinh tai của hàng triệu quả pháo.

Nhưng niềm vui hội hè chỉ đến mỗi năm một lần. Thời gian còn lại, người ta phải đương đầu với buồn chán và lo lắng đời thường. Hầu hết thanh niên bị động viên vào bộ đội, gởi đi xa và chẳng bao giờ trở về. Những chiến tranh chưa bao giờ trực tiếp đến làng Kỳ Đồng.

Khi Hồ Mười lên mười, mẹ cho hắn đến trường. Hắn rất chậm nên phải mất một năm mới học xong bảng chữ cái. Hắn chẳng bao giờ làm được toán cộng trừ. Tệ nhất là môn địa lý. Chẳng thể nào thuyết phục nổi hắn rằng có hàng trăm quốc gia trên thế giới, mỗi nước với một ngôn ngữ khác nhau. Mỗi từ trong vốn ngôn ngữ của hắn là chân lý, đến nỗi hắn nghĩ sẽ phạm tội ác chống lại tự nhiên nếu gọi bò hay chim bằng tên gì khác.

Thầy giáo của Hồ Mười là nhân vật rất phức tạp gốc Hà Nội. Người duy nhất trong vòng bán kính năm mươi dặm từng đọc báo hoặc sở hữu một cuốn sách. Người thậm chí tự coi mình là nhà thơ lúc nhàn rỗi. Y không lấy làm phiền chuyện phải dạy dỗ lũ ngốc trong làng, vì chính việc này đã tránh cho y bom mìn mà những người cùng trang lứa phải đương đầu. Buổi tối y thường đọc tiểu thuyết Nga trong căn phòng tù mù. Y thấp lùn, gầy gò, và có thói quen nhắm nghiền mắt, mở chu ra mỗi khi tập trung tư tưởng. Cũng lạ là y chẳng hấp dẫn nổi

bất cứ cô gái nào trong cái làng hầu như vắng hẵn thanh niên này.

Mỗi khi bước mình đám học trò, tay thầy giáo thường phát ra một tiếng kêu “!” mà chẳng ai hiểu ý nghĩa hay thứ tiếng gì, nên nó luôn bị bỏ qua như cái nhảy mũi hay hắng giọng.

Lúc mười hai tuổi, chuyện sau đây xảy ra đã thay đổi đường hướng cuộc đời Hồ Mười. Hắn đang trên đường từ trường về nhà thì trông thấy đám đông vây quanh ba người đàn ông cao hơn người thường ít nhất hai cái đầu. Những người đàn ông nước ngoài da hồng hào, gần như đỏ, tóc màu cam sáng hoặc vàng trắng. Họ thân thiện đến độ cho phép mọi người kéo những chùm lông rậm rạp trên cánh tay. “Thật là những sinh vật tuyệt vời”, Hồ Mười nghĩ trong khi nhìn chăm chăm. Một trong những người đàn ông thấy Hồ Mười và bắt đầu nói gì đó. Những tiếng nói nhanh, gần như nguyên rủa, nhưng ông ta mỉm cười trong khi nói. Mọi con mắt đổ dồn vào Hồ Mười. Vài người bắt đầu phá lên cười và hắn cũng muốn cười nhưng không được. Bỗng nhiên hắn đỏ mặt và cảm thấy căm ghét những người nước ngoài. Nếu có súng hắn đã bắn bọn này. Không nghĩ ngợi gì, hắn phun ra tiếng “!” rồi bỏ chạy.

Về đến nhà tìm Hồ Mười vẫn đập mạnh. Cảm giác kích động của việc phát ra từ kỳ diệu đó, một từ mà hắn không biết nghĩa, tràn ngập tâm hồn. Hắn nhớ lại cái nhìn kinh ngạc trên khuôn mặt người đàn ông khi từ ấy thoát khỏi miệng hắn. Hắn lập lại “!” vài lần và mỗi lần đều cảm thấy sức mạnh của nó.

Nhiều năm sau Hồ Mười vẫn nghĩ về vụ này. Hắn nhớ đã bị chọc giận bởi một tràng tiếng nước ngoài, rồi hắn dùng một từ nước ngoài để trả đũa. Trong đầu hắn, tiếng nước ngoài đồng nghĩa với quyền lực khủng khiếp. Hắn không bao giờ suy ra rằng chính ngôn ngữ của hắn cũng là một ngoại ngữ đối với người ngoại quốc.

Chuyện xảy ra biến Hồ Mười thành nhân vật tiếng tăm. Người trong làng kể lại một cách hãnh diện chuyện một người trong bọn họ, một đứa trẻ mười hai tuổi, đã “dám đương đầu với người nước ngoài”, mắng thẳng vào mặt tên đó bằng ngôn

ngữ của hắn. Nhiều người ngạc nhiên vì óc thông minh của đứa trẻ biết ngoại ngữ. Họ thậm chí đề nghị thầy giáo dạy cho “thần đồng” toàn bộ từ nước ngoài trong những cuốn tiểu thuyết Nga của y.

Người thầy giáo chẳng bao giờ có thời gian làm điều này. Y bị động viên vào bộ đội chẳng bao lâu sau đó, đi Nam, rồi không bao giờ còn được nghe nói đến. Về phần Hồ Mười, hắn đã đi đến sự tự tin rằng, nếu có cơ hội, hắn có thể học nhanh chóng bất cứ ngoại ngữ nào. Một cơ hội như vậy đã đến với Hồ Mười sau khi chính hắn bị động viên vào bộ đội.

Tiểu đoàn của hắn đóng quân ở cao nguyên Trung phần, dọc dãy Trường Sơn, bảo vệ đường tiếp vận. Họ ít khi chạm mặt kẻ thù, nhưng nếu có đụng trận, bao giờ Hồ Mười cũng lẩn trốn thảm hại. Hắn thường co rúm lại và phải bị đá đít để xung trận, đứng theo nghĩa đen. Nhưng điều mà các đồng chí của hắn cho là hèn nhát thật ra không phải là sự sợ hãi đau đớn thể xác, mà là nỗi kinh hoàng rằng hắn sẽ không có cơ hội hoàn tất thiên mệnh đời mình.

Chiến tranh bỉ ổi, Hồ Mười nghĩ, không phải vì cướp đi cả ngàn sinh mạng mỗi ngày, già, trẻ, những trẻ chưa kịp ra đời, nhưng vì chiến tranh có thể kết liễu những kẻ sinh ra với thiên mệnh như hắn. Mặt khác hắn hiểu rằng chiến tranh đem lại bài học cho kẻ sống sót. Chiến tranh là trường đại học của người lao động. Nhận thức như vậy, hắn cảm thấy gần như biết ơn.

Hồ Mười mê tín (hay cảm hứng) rằng nếu chiến tranh tiêu hủy một cuốn sách khỏi mặt đất, đó sẽ là mất mát còn lớn hơn việc phí phạm hàng ngàn nhân mạng. Giá trị của một xã hội được đo bằng số lượng sách mà xã hội đó sản xuất. Một niềm tin như vậy, từ người chưa bao giờ đọc sách. Hồ Mười đã trông thấy quá ít sách, hắn không phân biệt được cuốn này với cuốn kia; chúng đều bình đẳng như nhau trong đầu hắn. Hắn không ngờ chiến tranh lại là động lực chủ yếu của sách. Chiến tranh là trường đại học của kẻ sĩ.

Vào khoảng năm 1970 hay 1971, sau cuộc đụng độ ngắn ngủi, đơn vị hấn bắt được một lính Mỹ và giữ tên này khoảng ba mươi ngày. Tên tù binh bị giải đi cùng với tiểu đoàn của Hồ Mười cho đến khi ngã bệnh rồi chết (tên này không bị thương nặng). Tên tù binh được cung cấp cùng khẩu phần tặc phàm như người khác nhưng thức ăn không hạp với y. Một lần họ còn cho y thêm thit đười ươi đỏ, nghĩ rằng món này sẽ giúp y hồi phục.

Lúc người tù binh rơi vào cơn mê sảng, mặt y tái nhợt nhưng mắt long lên. Y lảm nhảm hàng giờ liền. Chẳng ai chú ý đến y ngoài Hồ Mười. Trong cuốn sổ tay nhỏ xíu hấn cố ghi lại càng nhiều càng tốt tất cả những lảm nhảm của tên tù binh. Những ghi chú ký âm này trở thành tài liệu học Anh ngữ của Hồ Mười sau chiến tranh. Tôi đã nhìn thấy những trang sổ tay, đầy dẫy những câu chạy suốt góc này đến góc kia. Đây là một câu tiêu biểu: *"hoo he hoo ah utta ma nut m pap m home"*.

Cuốn sổ tay cũng đầy những phác họa chân dung người Mỹ. Mỗi chân dung được dùng như minh họa cho ý nghĩa những từ chỉ chít xung quanh. Nhưng tài nghệ họa sĩ của Hồ Mười quá tồi nên những khuôn mặt phác họa bao giờ cũng như nhau, khuôn mặt một người đàn ông trẻ, không tính cách, đã hoàn toàn mất liên lạc với thế giới bên ngoài.

Hồ Mười hy vọng đơn vị sẽ bắt thêm ít nhất một lính Mỹ nữa để hấn tiếp tục bài học Anh ngữ, nhưng tiếc thay, tên này đã không hiện hữu.

Mặc dù toàn bộ vốn liếng Anh ngữ chỉ gói gọn trong cuốn sổ tay, Hồ Mười vẫn không nản chí. Người tù binh Mỹ chắc hẳn phải dùng tất cả từ ngữ trong ngôn ngữ mẹ đẻ của y, hấn lý lẽ, trong những đêm mê sảng. Còn những từ nào chưa biết thì sẽ được diễn dịch ra từ những từ đã biết.

Từ ngữ cũng như những con số, hấn suy diễn, một hệ thống khép kín với hệ số nhỏ những quy luật tổng quát. Và những từ dàn trải trên giấy cũng giống một bức tranh buồn chán, đơn điệu. Nếu sớm muộn người ta cũng có thể hiểu

được nguyên tắc bố cục bức tranh kỳ quặc nhất, tại sao không thể làm điều tương tự với từ ngữ?

Khởi đầu mọi sự có vẻ hỗn loạn, nhưng chẳng có gì hỗn loạn cả. Người ta có thể đọc được mọi điều: những con kiến bò trên mặt đất, mụn trứng cá trên mặt, cây trong rừng. Mọi bề mặt đều có thể được giải mã. Toàn bộ thế giới, nhìn từ máy bay, chỉ là một bề mặt cong oằn.

Người ta có thể tưởng mình đang vẽ tranh trừu tượng, nhưng chẳng có tranh trừu tượng nào, chỉ có những hình thể được (hay bị) trừu tượng hoá. Mỗi mặt phẳng nằm ngang là một phong cảnh bởi vì chúng biểu lộ chân trời. Mỗi màu sắc đều có những liên hệ chung và riêng. Màu đỏ có thể gợi kinh hoàng trong nền văn hóa này, hay hứng khởi trong nền văn hóa khác, nhưng màu đỏ vẫn là màu đỏ, vẫn là máu. Màu xanh lục luôn gợi đến hình ảnh cây lá và áo dài xanh xinh đẹp.

Hồ Mười cũng tin rằng tất cả những gì chế tạo bởi con người đều có thể được sao chép: chiếc ghế, khẩu súng, một ngôn ngữ, với điều kiện người ta có vật liệu, như hấn có vật liệu là cuốn sổ tay với các ghi chú ký âm. Nếu người ta có thể tháo ra rồi lắp lại các bộ phận chiếc đồng hồ thì người ta cũng có khả năng chiền xào các ký tự âm thanh thành món mới, và như vậy rốt cuộc sẽ tạo nên không chỉ ngôn ngữ, mà cả nền văn chương.

Vào thời điểm bị bắt, Hồ Mười đang dạy Anh văn vài trăm học sinh từ vỡ lòng đến trung, cao cấp, mỗi tuần ba đêm. Suốt hai mươi lăm năm, hấn đã truyền thụ cho học sinh hàng triệu từ vựng. Hấn kiên nhẫn giải thích sự rối rắm và không đồng nhất nội tại của văn phạm tiếng Anh. Hấn thậm chí đưa thơ và truyện ngắn bằng tiếng Anh (viết bởi chính hấn và các học sinh lớp cao cấp) cho học trò đọc. Tuy vậy, lúc bị thẩm vấn tại đồn công an, vị giáo sư Anh văn của chúng ta cho thấy y thiếu ngay cả những kiến thức căn bản nhất về ngôn ngữ này. Hấn không biết động từ *“to be”* hay *“to do”*. Không biết rằng động từ Anh ngữ có thì quá khứ. Hấn chưa bao giờ nghe tên

Shakespeare và không biết rằng dân Úc và dân Anh cùng nói tiếng Anh.

Trong thứ tiếng Anh chế tạo bởi Hồ Mười, không phải chỉ có năm mà đến hai mươi bốn nguyên âm. Các sắc thái phát âm mới này buộc học sinh phải luyện tập lỗ tai thắm âm của một nhạc sĩ xuất sắc nhất. Có vô số từ cho “đau đớn” và “tre” nhưng không có từ tương đương cho “phó-mát”. Mọi tính từ có thể được dùng như động từ. “*Tao sẽ nóng mày*” chẳng hạn, hay “*Đừng dỗ tao*”. Có hàng đồng đại từ nhân xưng, mỗi từ dùng chính xác cho từng quan hệ giữa người nói và người nghe, mà ngay cả những học sinh thông minh nhất cũng không thể nắm vững hết.

Hoàn toàn ngẫu nhiên, vài từ trong thứ tiếng Anh chế tạo bởi Hồ Mười trùng hợp y chang tiếng Anh thật. Trong hệ thống của hắn, mèo cũng được gọi là mèo; xe máy kéo cũng là xe máy kéo; một bông hồng, có lẽ không tránh khỏi, cũng là một bông hồng.

Một vài sáng chế khá kỳ lạ của hắn bao gồm từ “*cái mền*” để biểu nghĩa người chồng; “*cái chậu*” để biểu nghĩa người vợ; “*cây kim dùi*”: đưa con trai; “*vòi nước rỉ*”: đưa con gái.

Sự mê muội của Hồ Mười tuyệt đối đến độ, sau khi bị tuyên án hai mươi lăm năm tù vì tội “lừa bịp nhân dân”, hắn đã yêu cầu được phép mang vào tù bộ từ điển Anh ngữ và từ điển từ lóng Anh, hai bộ sách do chính hắn biên soạn, “để tiếp tục cuộc đời học tập”.

Nghe đồn các cựu học trò của hắn tụ tập tiếp tục học tiếng Anh. Bị công an theo dõi, bọn họ phải nhóm học ban đêm trong các hầm ngầm dưới đất, thấp đèn dầu. Những âm tiết kỳ lạ này, được mang đi bởi cơn gió thất thường, quét qua khắp đồng quê.

Nhưng sao họ vẫn tiếp tục? Người ta có thể hỏi. Họ không biết đang học một thứ ngôn ngữ sai lạc sao?

Là một ngôn ngữ toàn cầu, trong thời điểm hiện tại, đối với các học sinh này, tiếng Anh đại diện cho thế giới. Họ cũng biết Việt Nam, trong thời điểm này, không nằm trong thế giới.

Bám víu vào thứ tiếng Anh giả mạo cũng là cách khẳng quyết một thực tại khác.

Một thứ tiếng Anh dỏm còn tốt hơn không có tiếng Anh nào, thậm chí tốt hơn tiếng Anh thật, vì nó chẳng liên hệ thực tại Anh hay Mỹ nào.

Hoo he hoo ah utta ma nut m pap m home.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh “!”)

Elvis Phong Chết Rồi

Tôi nhớ rõ ngày 30 tháng 4 năm 1975. Tôi đang ngồi trong tòa soạn *Rock Việt*, nhìn ra đại lộ Nguyễn Huệ. Có thể nghe tiếng nổ từ xa và tiếng súng thật gần. Điều kỳ lạ là không tiếng còi báo động nào. Rồi khung cửa sổ, tôi nghĩ ngơ lơ mơ nhưng chẳng làm gì. Ngày hôm đó, tôi bỗng tin vào định mệnh và muốn được *dính lú* đến lịch sử, một ý tưởng rỗng tuếch, hoa mỹ. Tôi mở radio, đài Mỹ, có lẽ một biểu hiện hoài nhớ quá sớm chẳng. Ai đó đang hát “Tôi Mơ Giáng Sinh Trắng”. Thật bệnh hoạn, bệnh hoạn! Ốc khôi hài Mỹ. Cách đó vài góc đường, người ta đang cầu xé, đâm đạp nhau trèo lên những chuyến tàu cuối cùng rời Sài Gòn. Lẽ ra tôi phải ở trong số họ. Xe tăng Cộng Sản đang âm âm tiến vào, và tôi, với tư cách nhà phê bình nhạc Rock hàng đầu Việt Nam, sẽ bị quay chín.

Trong khi đang ngấm tình trạng vô chính phủ ngoài đường, điện thoại reo. Một giọng hoảng loạn hét vào tai tôi: “Elvis Phong tự tử rồi!”. Á đần bà cúp máy trước khi tôi kịp hỏi thêm. Tiếc thương một lúc—Elvis là bạn tốt của tôi—tôi bắt đầu cười khùng khục. Một động thái lố lác, tôi nghĩ. Vào cái ngày mà nền âm nhạc chấm dứt, Elvis phải chết.

Nhằm giúp người nước ngoài và những kẻ dốt nát hiểu rõ, tôi phải khẳng định lại điều hiển nhiên này: Elvis Phong là nhân vật vĩ đại nhất trong lịch sử nhạc Rock Việt. Y tạo ra cuộc cách mạng ở Việt Nam. Thậm chí phát minh cả trang phục. Y thường mặc sơ mi hở cổ khoe bộ ngực phẳng nhẵn

nhụi, áo vét viền tua, gài khuy đính kim cương giả, ngay cả khi trời nóng bốn mươi độ. Cả một thế hệ theo gương Elvis Phong. Y định nghĩa thế hệ. Elvis chính là Việt Nam.

Ôi thế hệ của tôi, những năm đó! Quá nhiều chuyện xảy ra và quá nhiều chuyện quên lãng: lính Mỹ và Đại Hàn nghênh ngang trên đường phố, phản lực và trực thăng, rượu whisky nhấm nháp trên ghế bar chân cao, váy mini và tóc ngắn, Elizabeth Taylor và Lý Tiểu Long trên màn ảnh rộng, phim “Hành Tinh Loài Dười”, pháo kích bữa bãi vào các tỉnh lỵ, biểu ngữ tuyên truyền căng giữa hàng me, những tên trốn quân dịch mặc đồ đàn bà, những xác chết với khuôn mặt hạnh phúc nhìn người đọc từ trang báo lem nhem, sức nặng quả lựu đạn trong bàn tay vô cảm, việc du nhập món pizza vào tầng lớp thượng lưu...

Ngay từ đầu, Elvis đã là một với thời đại. Sự nghiệp của y song hành và phản chiếu chiến tranh Việt Nam. Cuộc chiến đã tạo nên y, khiến y viết nhạc, khiến y ca hát. Trong một phỏng vấn trên Rock Việt ngày 22 tháng 6 năm 1967, Elvis Phong tuyên bố câu nổi tiếng: “Tiếng âm ỉ của hận thù cung cấp nhạc nền cho tình ca của tôi”. Những buổi trình diễn, Elvis thường nói với đám khán giả đang la gào: “Tôi viết những ca khúc tan vỡ cho tất cả các bạn, những kẻ tan vỡ”!

Tan vỡ, có thể, nhưng không ai chối cãi được sức mạnh ghê gớm những bài hát này. Suốt sự nghiệp âm nhạc, Elvis đã viết hơn trăm bài lừng danh. Y bắt đầu được biết đến năm 1963, thời điểm các thầy chùa tự thiêu và tổng thống Diệm bị ám sát, bằng bài “Nhịp Mưa” (The Rhythm of the Rain) và “Thổi Vào Gió” (Blowing in the Wind).

Năm 1965, lúc thủy quân lục chiến Mỹ đổ bộ lên bãi biển Đà Nẵng, Elvis viết “Vua Xa Lộ” (King of the Road) và “Bắt Được Cưng Rồi”! (I Got You Babe!).

Năm 1967, khi địa đạo Củ Chi bị phát hiện, Elvis cho ra đời các tác phẩm “Chào Ông, Chào Ông” (Good Morning, Good Morning), “Một Ngày Trong Cuộc Đời” (A Day in the Life), và “Trét Cái Lỗ” (Fixing a Hole).

Năm 1968, cuộc tấn công Mậu Thân khiến 64 ngàn người chết, 120 ngàn người bị thương, 630 ngàn người vô gia cư, Elvis cho ra mắt tác phẩm được xem như tuyên ngôn âm nhạc, một tập hợp khổng lồ những bài hát mê hồn có tựa đề “Album Trắng” (The White Album). Màu trắng, như ta biết, là màu tang tóc của người Việt.

Một số bài đỉnh cao trong album vĩ đại này là: “Cuồng Diên” (Helter Skelter), “Trở Lại Nước Nga” (Back in the USSR), “Tôi Quá Mệt” (I am So Tired), “Trong Khi Ghi-ta Tôi Khe Khẽ Khóc” (While My Guitar Gently Weeps), “Ob-La-Di, Ob-La-Da”, và “Hạnh Phúc Là Một Cây Súng Ấm” (Happiness Is a Warm Gun) .

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Elvis Phong Is Dead*)

¹ Trong nguyên bản, tựa những bài hát được viết bằng cả hai thứ tiếng Việt và Anh như trên. Đây là tên (tiếng Anh) những bài Rock and Roll nổi tiếng thập niên 60 và 70 ở Hoa Kỳ, đến nay vẫn còn phổ biến trên các đài Classic Rock. Điều thú vị là tên những bài hát này, trong tiếng Việt, khiến người đọc liên tưởng đến tên vài bài hát có thật ở miền Nam trước 1975.

Bạn Thất Bại

Phần lớn sự nghiệp đời mình tôi là tên thợ sơn say sưa không sở hữu nổi chiếc thang. Nồng nổi vì đâu?

Tôi đoán chơi với bọn thất bại giúp tôi thấy mình đỡ thất bại. Tôi có vấn đề, chắc rồi, nhưng không đến nỗi đáng thương như thằng đếch này thằng đéo nọ.

Nói chính xác, thế nào là một thằng thất bại? Không tiền? Không nghề ngỗng? Không em út?

Jack nghiện giày. Hắn thích “mua” những đôi giày da về trùm mền ôm ấp. Giày đàn ông, đàn bà, không thành vấn đề. Tôi thấy cả tá giày trên giường hắn. “Sao bữa bãi vậy”? Tôi hỏi.

Jim có bộ sưu tập đồ sộ những con khủng long bằng nhựa. Hắn cho rằng khủng long đi dạng háng như mang giày cao gót, điều này làm hắn nứng.

Joe sưu tầm sự kiện bắn thủ làm trò vui cho vài tên bạn hiếm hoi. “Tụi mày biết không, một số đạo sĩ ăn xác chết hỏa táng”? “Tụi mày biết không, Jeffrey Dahmer thích chơi vô vết thương mở miệng”?

Jerry giữ danh sách tất cả phụ nữ từng cười với hắn. Một danh sách khác liệt kê những trường hợp phụ nữ đụng tay hắn.

Jeff cao ráo, đẹp trai. Mặc dù bề ngoài hoàn toàn bình thường, hắn rất rách và không kiếm được em nào. Tất cả vấn đề nằm ở chỗ, hắn không phát âm được chữ “w”. Không thể

nói “weather”, “war”, hay “wine”. Không “whips” hay “wherewithal”. Thay vì nói, “Would you like some wine”? Jeff nói, “You need a bottle”?

Bị hạn chế ngôn ngữ, Jeff hài lòng với vai trò kẻ quan sát. Nếu vẽ được, Jeff đã thành họa sĩ. Thay vào đó, hắn chụp hình. “Tao có một sở thích tình dục kỳ lạ”, Jeff nói. “Thấy đàn bà ngáp là tao hứng. Đêm nào tao cũng mơ lặn vào một cái miệng há hốc”. Trên tường, Jeff treo cả trăm bức hình Polaroids chụp những người đàn bà đang ngáp.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Losers*)

1 “Would you like some wine?”: “Muốn uống chút rượu không?”; “You need a bottle?”: “Cần một chai hả?”

Boo Hoo Hoo

Mặc dù đánh mất kính sát trùng tối qua ở New Haven, Paradox¹ không để lộ chuyện đó với ai trong ban nhạc. Hắn là ông bầu lưu diễn và chủ chiếc xe van, một cục sắt phế thải dùng kiểm cơm - *Công Ty Nâng Cấp Nhà Cửa Paradox*. Mỗi lần đổi lần đường, hắn cắt ngay đầu xe thiên hạ. Lần sau cùng, một chiếc Honda Civic nhấn kèn kinh hoảng, và Frank, ngồi cạnh, thò cánh tay thịt ra làm dấu tục tũ trước mặt người lái xe, một bà già da đen. “Lên kiếng đi”, Karen hét.

Thời tiết tháng mười một lạnh và mưa phùn. Karen cố chớp mắt, đầu ngoẹo sang bên, má áp cửa sổ. Cô nàng có đôi mắt ảo não khôi hài trên khuôn mặt tươi vui. Khi nhắm mắt, khuôn mặt thật hạnh phúc. Karen chơi guitar rất ngẫu. Thườn người trên ghế giữa sát Karen là Tyler, ca sĩ chính. Tay trống Orlando nằm rúm ró phía sau. Frank chơi bass.

Paradox lại nôn nao. Những mạch máu sau nhãn cầu như đang bị một bàn tay cương quyết giật tung. Tuy vậy, đã quen với thử thách kiểu này, hắn lì lợm chịu đựng. Khi lái xe, Paradox thường neho mắt, hàm răng khấp khểnh, lẩm bẩm một mình: “Xin lỗi”, “Không thể là sự thật”, “Mày là thằng ngu”. Hắn lái xe cho ban nhạc đã lâu nên cả bọn quen nết.

Mùi rượu nồng ngọt toát ra từ lỗ chân lông Paradox trộn với đủ mùi trong xe: một miếng bánh pizza cứng ngắc úp mặt dưới ghế trước, áo da mới của Frank, mùi nước hoa Karen xịt nách thay cho thuốc khử mùi quên mang theo...Suốt bảy ngày

cả bọn liên tục di chuyển, bắt đầu từ Philadelphia, dừng ở Allentown, Scranton, Newark, Hartford, và New Haven.

Đến đâu ta túc nhà người quen đến đó. Tối qua ngủ ở phòng khách nhà đưa em của Tyler. Một thiếu nữ không chồng với đứa bé ba tháng tuổi, căn hộ bốc mùi hộp đựng cứt mèo. Sau châu café buổi sáng cả bọn lên đường. Bây giờ đang hướng đến Northampton, điểm diễn cuối cùng, rồi về nhà. Gần rống túi, cả bọn nhịn bữa trưa.

Đợt lưu diễn không thành công lắm. Ở Allentown ban nhạc bị xếp chơi chung với một ban rock nặng, Valhalla², trình diễn trước chục khán giả. Không bán được áo thun và CD nào. Thành công lớn nhất, cho đến lúc này, là ở Newark, Frank và Tyler được mần em út, và ở Hartford, được radio địa phương phỏng vấn.

Đến Northampton, cả bọn ngất ngư. Tyler nói: “Hy vọng sẽ có chút đồ nhậu”. (Ở New Haven họ được cung cấp cánh gà và hai vai Iron City³, trong khi ban nhạc chính, tụi Crucifux, được đãi bữa chính và salad. “Sang năm đến lượt mình”, Tyler nói.)

“Quán rượu tên gì”? Karen hỏi.

“Auto Da Fe⁴”, Paradox trả lời.

“Tụi nào diễn với mình tối nay”?

“Doctor At Tree⁵”.

Ngoại trừ Paradox, đã bốn mươi bốn và hói đầu, những kẻ còn lại cũng quá ba mươi. Hơi già để thích hợp với nghề này, họ vốn xuất thân từ những ban nhạc vô danh khác. Nhưng có vẻ thời cơ sắp đến: CD mới của họ được phê bình bởi *Village Voice* và *Spin*.

Thậm chí nếu không có kết quả gì cụ thể, họ cũng tiếp tục chơi nhạc. Ít nhất đến tuổi sáu mươi. Đời nhạc sĩ mà. Sao khác được?

Nghĩ lại, dĩ nhiên chơi trong một ban nhạc vô danh thì cứt thật (hơn nữa, đa số những kẻ đến xem mình đều thuộc loại dấn độn), nhưng đã mang kiếp cầm ca, cứ phải chơi nhạc, dù

biết mình quá già cho nghề này và chỉ được trả trăm đô la mỗi đêm, trừ tiền xăng nhớt, chia năm, gần như chẳng còn gì.

Dù sao nổi tiếng cũng tốt hơn. Tyler hay nói, “Khi mình nổi tiếng, ai cũng muốn hợp tác. Danh tiếng như xạ hương. Nó kéo bọn nô lệ về mình”. Hấn thích trích Gertrude Stein: “Nghệ sĩ cần nhất là được khen”.

Có lần hấn triết lý lúc đang phê acid: “Người đời cứ nghĩ danh tiếng là sự bất tử thời gian trong khi đúng ra nó là sự bất tử không gian. Mình không sống mãi nhưng được sống nhiều nơi cùng lúc”.

Tĩa tốt bộ cánh chuẩn bị cho sự nổi tiếng, Tyler trở nên ám ảnh bề ngoài quá đáng. Hấn khá đẹp trai, phong trần, tuy mái tóc lại vàng và dài loăn xoăn hất qua hất lại. Có lần hấn cạo đầu, tưởng sẽ giống tụi skinhead hay tội phạm. Nhưng nhìn vào gương, chỉ thấy một ông Phật, hoặc tay đầu bếp Tàu. Hấn để tóc dài trở lại. Để giải quyết phần mỡ thừa, hấn bắt đầu tập bụng mỗi sáng. Mỗi khi có dịp, Tyler mặc áo cụt tay khoe bắp chuối phải xăm hình chiếc điện thoại đang reng.

Paradox lái xe vào bãi đậu vắng tanh của quán Auto Da Fe. “Xin lỗi”, hấn nói to. Bên trong, hình ảnh đầu tiên đập vào mắt là bức tranh tường vẽ cảnh truy hoan. Những thân thể trần trụi đen trắng vàng quăn lấy nhau, với câu khẩu hiệu sơn đỏ, trắng, xanh: **LÀM TÌNH KHÔNG LÀM CHIẾN TRANH VÌ CHIẾN TRANH XẤU XÍ VÀ TÌNH YÊU DỄ THƯƠNG.**

Quán rượu có hai gian: gian nhỏ với quầy rượu dài và một gian với sân khấu bé xíu. Thời tiết tồi tệ kiểu này may lắm mới kiếm được năm mươi khán giả. Đám khách sau-giờ-làm-việc, những kẻ sẽ say và bỏ về vào lúc ban nhạc bắt đầu chơi, đang ngồi ở quầy rượu quan sát các nhạc sĩ khiêng dụng cụ vào. Một tay tóc đỏ mặc vest chào lớn Karen “Ê”. Hai ba gã phá lên cười. Chủ quán người thấp, nhuộm tóc đen, miệng trễ kỳ quái, đeo kính râm, áo khoác cánh da, bước ra chào ban nhạc: “Doctor At Tree hả”?

“Sluice Gate”, Tyler nói.

Paradox tiến đến tay đàn ông nhỏ thó. Hắn đặt tay phải trước mũi, như chẻ khuôn mặt làm đôi. Hắn nói, giọng đột nhiên nghiêm trọng, “Tôi là Paradox, ông bầu lưu diễn”.

“Hân hạnh, Pierre Docks. Tôi là Pablo”.

“Còn đây là Tyler, Karen, Frank, và Orlando”.

“Chào mừng. Chào mừng. Cứ tự nhiên. Chuyên viên âm thanh tới liền. Tối nay thế nào cũng đông. Uống thoải mái nhé. Quán đãi bia tươi”.

“Có đồ ăn không”? Paradox hỏi.

“Ở đây không bán đồ ăn”.

“Vài bịch khoai tây khô được không”? Paradox kỳ kèo.

Chủ quán quay sang tay bồi rượu, “cho mấy anh này khoai tây khô”.

Trong lúc ban nhạc thử âm thanh, một tay say rượu lò dò đến, gay gắt hỏi Frank, “Ban nhạc tên gì”? Tay say rượu khoảng năm mươi. Mặt đỏ bừng, miệng há hốc.

Frank luôn khó chịu mỗi khi ai hỏi tên ban nhạc. Đã tới đây rồi thì phải biết chứ. “Sluice Gate,⁶” Frank trả lời.

“Chưa bao giờ nghe tên ban nhạc nào đần độn như vậy”, tay say phát biểu, bỏ đi.

“Tao đéo hỏi ý kiến mày”, Frank la theo.

Thử âm thanh xong, Orlando, Tyler, và Karen bỏ ra xe hút cần sa. Paradox và Frank ngồi lại. Vại Sam Adams⁷ trên quầy và trước mặt mỗi người là cốc uống bia.

“Mày biết không, tao dân gốc vùng này”. Frank nhe răng.

Paradox nheo mắt một lúc lâu, rồi vắng ra, “Nòng láng”.

Trong xe van, Karen, phê thuốc, nhắm mắt nằm nghiêng trên băng sau. Mặc dù không đẹp, cô nàng có khuôn mặt không phai tàn dù từng trải, khuôn mặt không già. Nó sẽ trẻ mãi, ngay cả khi vào hòm. “Nhìn nè”, Tyler nói, “tụi nó đánh vần tên ban nhạc sai trên tờ quảng cáo”.

“Đâu”, Orlando lấy tờ quảng cáo. “Sluice Gait.⁸”

“Tao khá thích tên này”, Orlando kết luận. “Họ thông báo tụi The Nguyens sẽ chơi ở đây ngày mai”.

“Mở chút nhạc đi”, Karen nói.

Tyler nhét một băng cassette vào máy.

“Ai vậy”? Karen hỏi.

“Blind Lemon Jefferson.⁹”

“Được lắm. Chưa bao giờ nghe”.

Tyler phê một hơi dài, nói: “Tay này chết vì lỗi trong bảo tuyền sau buổi thu âm”.

“Lúc đó hẳn phê hay sao”.

“Không. Mù”!

“Hiểu rồi: Blind Melon.¹⁰”

“Gốc của cái tên là vậy”!

“Mày thì cái gì cũng biết”!

Chiếc xe van trở nên bong bóng dịu ngọt. Một lúc, Karen nói, mắt vẫn nhắm, “Mày có biết tại sao tinh khí nếm giòn ngọt không?”

“Làm sao tao biết được”, Tyler nói. “Sao tinh khí lại ngọt, Orlando”?

Orlando là dân đồng tính và từng chơi cho ban Pansy Division.¹¹

“Tại bia”, Karen nói.

Cửa quán mở, tay say rượu bước ra. Hắn bước lại chiếc điện thoại công cộng nhưng không gọi. Hắn đứng đó một lúc, trong bóng tối, lưng quay ra đường. Xong việc, lúc quay vào, hắn nhìn thấy chiếc xe van. Nhận ra Tyler, hắn cười, uốn éo môi “địt mẹ mày”. Rồi bỏ vào trong.

“Vậy là sao”? Orlando hỏi.

“Sao vậy? Chuyện gì”? Karen hỏi.

“Một thằng vừa chửi ‘địt mẹ’ Tyler”.

“Thị trấn này đáng mền thật”, Tyler nói. Cả bọn phá lên cười.

Bọn con gái trường Smith and Amhersts đang trình căn cước cho tay gác cửa. Máy hát gào nhạc Nirvana. Frank nhanh chóng

nốc hai cốc Southern Comfort. Một em mấp bước đến. “Xin lỗi”, em mấp máy, “anh chơi guitar trong ban Doctor At Tree”?

“Ừ, đúng rồi”.

“Em thích CD của mấy anh lắm”.

“Cám ơn”.

“Anh ký tờ quảng cáo này cho em được không”?

“Được”.

Cô em đưa viết cho Frank.

“Em tên gì”?

“Susan”.

Frank quay qua Paradox thì thầm: “Thằng chơi guitar của tụi Doctor At Tree tên gì”?

“Làm đéo nào biết được”!

Gửi Susan. Yêu thương. Làm Đéo Nào Biết Được, hấn viết nguệch ngoạc những chữ vòng tròn.

Em mấp đi rồi, Paradox nói, “Dễ thương thiệt”.

“Mày đéo nó”, Frank nói.

Năm phút trước lúc trình diễn, mẹ của Frank xuất hiện. Bà mua ít đồ ăn cho ban nhạc. Bánh mì, xúc xích, phở mát, táo. “Cám ơn, bà Johnston”, Tyler mỉm cười. Frank kéo bà qua bên: “Mẹ làm trò gì vậy”?

“Tao ghé qua chào một tiếng thôi”.

“Nhưng con là nhạc sĩ rock”!

“Mày cần tiền không”?

Frank không trả lời. Bà Johnston nhét tám chục đô vào túi con trai, rồi về.

Ban nhạc bắt đầu bằng “Sucker Punch”,¹² “Sweet and Sour Sue”¹³, “Sweeney Erect”¹⁴. Tyler viết phần lớn lời nhạc. Tạp chí *Spin* gọi hấn là nhà thơ. Bài “Sweeney Erect”, hấn xào vài đoạn của Eliot vào một món lộn xộn. Một bài khác, “Hyacinth Girl”, hấn chôm một đoạn từ “Đất Hoang”¹⁵ rồi hát từng câu đảo ngược:

*“Nhìn vào đêm đen, im lặng
Sống chết, tôi chẳng biết gì,
Hay nói, mắt không thấy chi, tôi không là gì
Vòng tay em đầy, tóc em ướt, tôi không thể...”*

Ban nhạc chơi đầy cảm hứng. Đám đông, phần lớn tới để xem Doctor At Tree, đi ra đi vào.

Paradox vẫn ngồi ở quầy, nốc whisky. Một em ngồi cạnh. Cô nàng gợi chuyện, “Anh thích Sylvia Plath¹⁶ không? Cô nàng có lông mi dài và tô môi tím. Hơi thở tỏa mùi vodka. Paradox hò hét. “Đồ ngu”, “Xin lỗi”!

Trước lúc nửa đêm, ban nhạc kết thúc bằng phiên bản ska bài Boo Hoo Hoo¹⁷ của Strapping Fieldhands.¹⁸ *Boo hoo hoo! Anh yêu em! Boo hoo hoo! Boo hoo hoo!* Tyler đang rên rỉ, đầu lắc lư như con búp bê trong tiệm đồ lưu niệm. Hắn quay qua thấy Karen cười với mình. Hai đứa từng yêu nhau. Nhiều thằng khác đã thử, kể cả Frank. “Boo hoo hoo! Boo hoo hoo”! Đám đông lèo tèo vỗ tay. Cả bọn nhanh chóng dọn dẹp, lên đường.

Tyler, Karen, và Orlando lặng lẽ ngủ. Mùa này cây lá rất đẹp nhưng chẳng thấy gì vì trời tối. Bọn họ đang lái hướng nam trên xa lộ 91.

“Mấy tiếng nữa tới Boston”? Frank hỏi.

“Chưa đầy hai tiếng”, Paradox trả lời.

“Chỉ hai tiếng thôi à”?

“Ừ”.

Chuyện xảy ra lúc gần đến Holyoke. Paradox đọc to một bảng hiệu trên cao, “Dấu chân khủng long”! Người lái chiếc Lexus thấy chiếc xe van đảo qua phần đường của mình nhưng chẳng làm gì được. Tiếng động như vụ nổ.

Ngay trước khoảng khắc va chạm Tyler mơ thấy hấn ngồi trên máy bay chuẩn bị ăn bữa tối. Karen là chiêu đãi viên. Cô nàng hỏi hấn, “thịt bò hay thịt gà, thưa ông”?

“Cả hai”! hấn trả lời.

“Bỏ mẹ rồi”! ai đó kêu lên.

Xấu hổ bởi sự lúng túng của mình, Tyler cố phát ra từ “gà”, nhưng một lần nữa, hấn chỉ có thể nói “cả hai”!.

Chiếc xe van lộn bốn năm vòng trước khi bốc cháy, tông văng ba chiếc ngược chiều. Đầu của Karen hãy còn ngửa ra sau, má áp kính cửa sổ.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Boo Hoo Hoo*)

¹Biệt danh của nhân vật. “Paradox” có nghĩa là “nghịch lý.”

²Thiên đàng cho những anh hùng tử trận người Na-Uy.

³Một loại bia rất rẻ tiền.

⁴Phong trào đốt sống những kẻ dị giáo tại Tây Ban Nha thời trung cổ.

⁵Bác Sĩ Leo Cây.

⁶Cửa kênh.

⁷Một loại bia sang.

⁸Bước kênh.

⁹Một nhạc sĩ Blues nổi tiếng (sinh 1893, chết 1929). “Blind Lemon” có nghĩa là “Chanh Mù”.

¹⁰Một ban nhạc rock đương thời. “Blind Melon” có nghĩa là “Dưa Mù”.

¹¹Sư Đoàn Éo Lả. Chơi chữ Panzer Division, sư đoàn báo đen khét tiếng của quân đội Nazi.

¹²Đám Lén.

¹³Sue Ngọt và Chua.

¹⁴Sweeney Thẳng Đứng, tên một bài thơ của T.S. Eliot.

¹⁵Bài thơ nổi tiếng nhất của T.S. Eliot.

¹⁶Một nhà thơ Mỹ nổi tiếng.

¹⁷Tiếng khóc.

¹⁸Những Tay Làm Ruộng Lực Lưỡng, một ban nhạc rock tại Philadelphia.

Chợ

“Chúng tôi thích sơn móng chân đỏ vì nổi khốn khó luôn bám kẻ ngón chân”. Xuyên qua cánh cửa tối mờ: đằng sau ai đó cởi truồng. Người đàn bà bên phải tôi tựa tựa Nelson Madela.

“Loại cam hột rẻ hơn vì ăn phải nhả hột vào tay, phải rửa tay”.

Đầu người đàn bà mù ngoẹo một bên. Chiếc gậy dò dẫm bên trái rồi phải. Bà ta lầm bầm: “Chị Hai ơi, cho em một miếng gì ăn”!

“Buồn quá, buồn quá, buồn quá
ngày đêm
chẳng có một miếng bánh mì
hai ổ 100 đồng
bán ở ngay đây”!

Dưới tán dù sáu cánh, cả một đội quân hàng rong đằng sau rổ đan, khay thiếc. Bày đủ mọi thứ trên đời.

Dưa tây và khoai mì. Giày da thật và giày da giả; sandals nhựa thật và sandals nhựa giả; hàng lậu tuần qua biên giới; vỏ tôm hùm rỗng trên những bức vẽ đại dương; đủ loại hàng hóa không thực không tên; diệt chủng hay còn chưa kịp phát kiến.

Có cả cá lóc, mực nang, cá ngừ, cá nóc, cá hồi, cá thối, cá voi, ca heo, cá đác, cá phèn, cá phổi, cá chất đầy và cá chầy tràng.

Cộng vào đủ thứ hàng họ là những người mua choáng váng, giận dữ, sướng vui.

Một người đàn bà vẻ mặt rắn đanh. Cơ mặt căng lại. Dáng vẻ của người mới chết. Một bà khác đội sáu nón lá trên đầu, chồng lên nhau. Và đây là một bé gái hình ảnh của sự chăm chú. Tâm điểm của điên khùng và sức sống. Nó muốn hút cả thế giới vào cái cơ thể 54 pounds của nó.

Một thanh niên gầy ốm mặt đầy mụn tím ngử ngời trên đất, miệng há hốc, lưng dựa tường. Cạnh một ba lô giẻ rách. Hai cô gái đi qua, một cô xinh và một cô không xinh. Cô xinh nói, “Nhìn kìa, bồ mày đang đợi mày đó”! Cả hai phá lên cười. Thanh niên mặt mụn bưng tỉnh. Nhìn lên quát: “Lồn điên”!

Hắn tiếp tục chửi thề thậm chí khi hai ả đã khuất.

“Tôi biết con nhỏ này: nó bị lão già làm cho có chữa trong xe. Nó mười bảy tuổi. Lão già bị bắt. Bố nó là tài xế”.

“Và tôi cũng biết nhỏ này: bỏ chồng chạy theo Đài Loan. Bị đá vô bụng xảy thai”.

Những con lươn quấn nhau trong khay thiếc. Loài vật thẹn thùng cả đời giấu mình dưới bùn lần đầu tiên bị phơi bày dưới ánh mặt trời. Chúng còn uốn éo thẹn thùng, như thể đỏ mặt, thậm chí sau khi chết đuối.

Chiếc đầu khổng lồ của người đàn bà mù ngả hẳn một bên. Chiếc gậy dò dẫm bên trái bên phải. Bà lầm bầm: “Chị hai ơi, cho em một miếng gì ăn”!

Một lão già bước lại cho bà 2000 đồng

“Trời phật phù hộ ông”, bà ta nói.

Lão già nhìn vào đôi mắt đục lờ: “Bà mù thiệt, nhưng sao mập quá vậy! Cánh tay đầy thịt”! Lão già nấn vào cánh tay nung núc. “Bà không nên mập quá như vậy, bà ăn xin! Cái nón tả tơi bà đội thì được, nhưng áo trông mới quá, có cả chỉ thêu màu đỏ”!

“Chị hai ơi, cho em một miếng gì ăn”!

“Bà ăn mỗi ngày gấp hai lần tôi! Chất bổ trong người gấp hai lần tôi! Tôi đây hôm qua chỉ ăn có trái chuối, rồi sao”!

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Market*)

Cảnh Đẹp Cali

Thật kỳ lạ, chỉ một cái quần Levy's mới cũng có thể làm ta tự tin hơn, hẳn nghĩ trong khi ngồi cạnh cửa sổ trong quán *Cảnh Đẹp Cali*. Một chiếc quần jeans Mỹ, được trả giá thành thạo từ 30 đô xuống 12 đô ở chợ Bến Thành hôm qua. *Khi mới lên thành phố mình thậm chí không dám trả giá, hẳn nhớ lại. Sợ thật. Mình cứ nghĩ nếu kỳ kèo quá đáng, họ sẽ cho mình là thằng bần cùng, nhà quê ngu dốt. Cả một quá trình, hẳn cười thầm. Mình đang mặc áo thun thể thao Ralph Lauren, mang giày da, cũng mua hôm qua, hàng nhập Trung Quốc gần hết tháng lương. Bất ngờ hẳn nhăn mặt, vẻ bức tức. Trên bức tường vôi vàng là những bức ảnh cầu Golden Gate và vực Grand Canyon. Thôi kệ mẹ, hẳn nghĩ, nuốt trôi bức bội bằng ngụm đá chanh ngọt ngậy. Không đủ cả chanh, hẳn kết luận cay đắng. Hoang phí đôi khi cũng cần thiết, hẳn tự nhủ. Phải hoang phí chỗ này chỗ kia một chút nếu muốn thay đổi mô thức. Một từ rất quan trọng: mô thức. Thật tình cờ mình đã phát hiện từ này ngay trong cuốn tiểu thuyết đầu tiên. Cứ thử nghĩ - hẳn đỏ mặt - cách đây một năm thậm chí mình không biết tiểu thuyết là gì. Bây giờ đọc ít nhất một trang mỗi tối, hẳn mỉm cười. Người ta mắc kẹt trong những lối mòn vì chẳng bao giờ biết đến từ mô thức. Và rồi đời họ tiêu tùng. Thỉnh thoảng tiêu xài quá khả năng cũng là một cách thách thức. Kẹt trong nợ nần, người ta sẽ không tự mãn. Hoặc rơi vào khủng hoảng, hoặc phải quyền biến. Bạn phải thay đổi đời*

mình, hẳn đã đọc câu này đâu đó. *Nhưng sự đổi mới luôn tồn kém, chắc chắn vậy. Toàn nguy hiểm cút nhảm, hẳn nghĩ. Mình chỉ đang diện bảnh để gây ấn tượng với đàn bà.*

Một người đàn bà bước vào quán, hẳn nhੌm người khỏi ghế, nhưng nhanh chóng ngồi xuống. *Em này thậm chí chẳng giống người mình đang đợi chút nào, hẳn cười thầm. Hẳn liếc đồng hồ, nhận ra Lan trễ đã mười bảy phút. Từ cửa sổ lầu ba thế giới nhìn khác hẳn. Từ vị trí này mọi sự dường như không quan trọng. Người ta bé lại và tất cả những khੌn cùng của đời sống tự bốc hơi. Nhưng có lẽ chỉ tại máy điều hòa không khí. Bên kia đường người đàn bà cụt chân đang lướt đi bằng cách nằm sấp trên miếng gỗ gắn bánh xe. Cạnh đầu bà ta chiếc loa phát âm ĩ bài kinh Phật. Thật kỳ quặc mình thậm chí không hình dung được khuôn mặt nàng lúc này. Nhưng chắc tên thì nhớ. Trần Thúy Lan, Trần Ngọc Lan, đại khái vậy. Nhưng nếu ai hỏi mình về bề ngoài của nàng, chẳng hạn tóc dài hay ngắn, có trang điểm không, mình sẽ chẳng nói được.*

Hẳn thanh toán hết ly đá chanh. *Nhiều đá quá, hẳn kết luận cay đắng. Ngồi cách hẳn hai bàn, một cặp da trắng đang ăn món gì đó phung phí: một cái bánh nướng với đủ thứ nhân tú hụ bên trên. Mùi thức ăn thoang thoảng. Những lát thịt trông thật nhưng phỏ mát là đồ dỏm. Hẳn chưa từng ăn phỏ mát. Hẳn vẩy người bồi. “Món gì vậy?” hẳn thì thào.*

“Pizza”, người bồi trả lời. “Đồ Ý đấy, anh muốn thử không?”

Hẳn mỉm cười hài lòng. “Có lẽ để sau. Bây giờ cho chai Tiger”.

“Ở đây chỉ có Heineken và Budweiser”.

“Nói lại coi”.

“Hê-nơ-ken và Bớt-quai-dơ”.

“Cho loại đầu tiên”.

Hẳn rút viết ghi vào cuốn sổ nhỏ “pi dà”, trên cùng trang cạnh những chữ “parrot”, “pistol”, và “pyjamas”. Bây giờ 7 giờ 23 phút tối. Hẳn nhìn hai người da trắng lần nữa rồi phát hiện một điều thật vĩ đại, rằng trước đến giờ hẳn chưa bao giờ ngồi chung phòng với người khác chủng tộc. *Một mô thức mới.*

Hắn thở phào. *Mình có thấy người ngoại quốc nhiều lần trên đường phố, nhưng chưa bao giờ trong căn phòng thế này. Người đàn ông trông lôi thôi, thậm chí lù đù, nhưng người đàn bà thì tuyệt đẹp, cánh mũi nhỏ và cặp môi rất đỏ. Người đàn ông mặc quần Levi's còn mình mặc quần Levy's. Mình chưa bao giờ chạm vào da người khác chủng tộc. Hắn nhận ra mình đang nhìn chăm chú vào tấm áo thun xanh nhạt của người đàn bà. Nhưng sao mình lại ngắm người đàn bà này trong khi đợi bồ?*

“Bạn từ đâu đến”? hắn nghĩ bằng tiếng Anh. Tôi đến từ Manchester. Trời mưa lớn. Bạn có thể đi hay ở lại với tôi. Tôi là người cao nhất trong gia đình. Phòng vệ sinh ở bên ngoài. Tôi khỏe mạnh, bạn bệnh hoạn. Trong vòng một năm mình sẽ rành tiếng Anh. Hắn chắc lưỡi.

Hắn nhìn hình mình phản chiếu trên kính cửa sổ. *“Pi dà”, hắn lầm bầm. Mắt tập trung và môi nghiêm nghị. Từ khi mình tập khép miệng lúc không nói chuyện, mặt mình quý phái và quan trọng hơn. Mỗi tối hít đất ít nhất ba chục cái. Khỏe thì năm chục. Đường phố Sài Gòn không quá đông trong một ngày âm u thế này. Một người bồi khác quay trở lại với chai Heineken. Sau khi rót đầy bia vào ly, tay bồi nhe răng cười: “Dầu thơm Ralph Lauren”!*

Hắn đáp lại với cái hít mũi: *“Nước hoa cạo râu Calvin Klein”!*

Người bồi bước đi, ngoái lại nháy mắt. *Chỗ này khá lắm, hắn nghĩ. Ngoại trừ mấy con thằn lằn trên tường vôi vàng, dĩ nhiên. Cả nước chỗ nào cũng có thằn lằn, nhưng ít nhất cũng nên có chỗ không có loại bò sát màu da người này. Chính phủ nên tìm cách tiêu diệt chúng. Trả tiền cho trẻ bắt thằn lằn bằng dây thun chẳng hạn. Hắn thận trọng nhấp ngụm bia ngoại.*

Hắn gặp Lan tuần trước chỗ quầy bán CD trong tiệm sách, cái tiệm to đùng đường Nguyễn Thị Minh Khai. Hắn đến đó mua cuốn tiểu thuyết thứ ba. Cuốn “Bloodline” của Sheldon qua một bản dịch rất được. Hắn chú ý cô gái xinh xắn đang cầm CD Trịnh Nam Sơn. “Mua đi”, hắn khuyến, “hay lắm”!

Cô gái quay qua hấn mắt long lanh.

“Tôi cũng có CD đó ở nhà”, hấn lấp bắp.

“Em coi cái bìa thôi”, cô gái nói vui vẻ, “Em không có máy nghe CD ở nhà”!

Có lẽ mình đã sai lầm khi hẹn nàng ở tiệm Cảnh Đẹp Cali, hấn nghĩ. Một cô gái nhà không có máy nghe CD có lẽ sẽ hoảng sợ trước một chỗ thế này, sang trọng, sáng trưng, nơi mọi người khắp thế giới tụ tập ăn pizza và uống Heineken. Một chỗ mà những chiếc ghế đều bằng gỗ chứ không phải bằng nhựa. Nhưng lúc đó nàng mặc áo khoác rất nổi và mắc tiền, hấn nhớ lại, một dấu hiệu cho thấy nàng cũng có tham vọng lên đời.

Em chưa đến mà đã tiêu bọn tiền rồi, hấn than thầm. Nhìn ra cửa sổ, hấn nhận ra đường phố bỗng trở nên tối thui. Chỉ còn ánh sáng duy nhất từ đèn xe gắn máy. Nhưng quán này có máy phát điện và bia ngon. Hấn nhấp thêm một ngụm.

Bây giờ là 7 giờ 40. Căn phòng đầy những tên buôn bán chợ đen, những tay ăn hối lộ, bọn mới phát, các quan chức. Trong một góc, người đàn ông Ấn Độ ngăm đen đang ăn món xà lách Hy Lạp. Mới một ngày mà mình đã chen vai thích cách với cả đen lẫn trắng. Hấn tự thưởng bằng cách gọi thêm chai Heineken.

7 giờ 56 phút, một thằng nhóc đánh giầy tiến lại bàn. *Sao lại để một thằng nhóc đánh giầy vào chỗ thế này, hấn nghĩ. Một thằng nhóc lớp ba sức môi đi chân không. Ít nhất cũng không ai nỡ nể mình mua vé số.*

“Đánh giầy không anh”?

“Được”.

Thằng nhóc chui xuống bàn. Nhắm quái gì, hấn nghĩ. Hấn vẫy người bồi và chỉ vào chai bia rỗng.

8 giờ 25, giờ thì chắc nàng sẽ không đến. Ngoài đường điện sáng trở lại. Mình say và mình không thất vọng. Ít nhất cũng có một cơ hội để thử qua Cảnh Đẹp Cali. Chuyện gì cũng có cái may của nó. Nếu mình ở nhà thì đã chẳng học được gì. Cửa sổ phòng mình nhìn thẳng sang cửa sổ phòng

khác chỉ cách con hẻm rộng hai thước. Cảnh Đẹp Cali trở nên âm ỉ với đám hội hè Đài Loan. Những tên đàn ông trung niên cặp với các em vị thành niên người Việt. Hấn ngoắc người bồi kêu tính tiền.

Phiếu tính tiền ghi nhận hấn đã uống ba chai Heineken và một ly đá chanh, hết một tuần lương. Nhắm quái gì, hấn nghĩ. Sự hoang phí đôi khi cũng cần thiết. Đôi lúc tự mình phải thay đổi mô thức. Hấn nhổm người khỏi ghế nhưng lập tức ngồi xuống. Hấn ngo ngoạy những ngón chân mang vớ một lúc rồi chui đầu xuống gầm bàn. Chẳng có gì trên nền nhà ngoại trừ cây tăm xỉa răng và mảnh giấy chùi miệng bẩn thỉu. Hấn tìm mãi tìm mãi nhưng chẳng thấy vật muốn tìm. Khi ngẩng lên hấn bắt gặp tay bồi - ngài Nước Hoa Cạo Râu Calvin Klein - đang mỉm cười dọn bàn. “Chuyện gì vậy”?

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *California Fine View*)

Giết Người Hay Tự Tử ?

Năm đó ở New York, tôi sống trong căn hộ tiện nghi tối thiểu khu Queens. Chỗ làm cũng ở Queens, nên suốt năm, chẳng bao giờ tôi mò lên Manhattan. Không thể nói tôi biết nhiều về New York, nhưng những gì tôi biết, tôi thật sự ghét. Tôi ghét sống ở New York, và sẽ chẳng bao giờ trở lại New York, dù chỉ một giây. Tôi thậm chí không muốn bay ngang New York, dù chỉ một giây, không bao giờ.

Cửa sổ căn hộ tôi vuông góc với cửa sổ một căn hộ khác. Mỗi tối, tôi thấy tay hàng xóm đứng trong bếp, dưới ngọn đèn vàng, rửa chén, và y cũng thấy tôi, đứng trong bếp, dưới ngọn đèn vàng, rửa chén. Hai cửa sổ gần nhau đến nỗi nếu thò đầu ra, hoàn toàn có thể trò chuyện, nhưng chúng tôi đã không làm điều đó.

Tay hàng xóm dễ thương, bình thường, nhưng lý do chúng tôi không nói chuyện với nhau, ngay cả trong hành lang, là vì y không nói được tiếng Anh.

Đáp lại tất cả những cố gắng đàm thoại của tôi, y chỉ đáp “Yes, Yes” rồi nhanh chóng lắc đi.

Thấy y trong hành lang, tôi hỏi: “Khỏe không ông bạn”?. Y đáp “Yes, Yes” rồi nhanh chóng lắc đi.

Nếu tôi hỏi: “Uống chút bia không ông bạn”?, y cũng sẽ trả lời “Yes, Yes” rồi nhanh chóng lắc đi.

Thẳng hoặc y nói một câu gì đó bằng tiếng Anh, tôi có cảm tưởng y tập câu đó cả tuần trong đầu trước khi mở miệng.

Tay này chắc dân nước ngoài, mặc dù tôi không đoán được y đến từ nước nào. Có lẽ từ phía Nam. Có lẽ từ phía Tây. Hay từ phía Bắc. Có thể y không phải dân nước ngoài— có thể y sinh đẻ ở New York—nhưng không chịu học tiếng Anh. Có thể y bị bệnh điên, có thể y là hoàng tử ngoại quốc, tôi chịu không nghĩ ra.

Thật ra y rất cố gắng học tiếng Anh. Đó là lý do vì sao tôi còn nhớ y.

Cách học tiếng Anh của y, tuy vậy, hơi bất thường. Lúc đầu tôi chẳng hiểu chuyện gì xảy ra. Một buổi tối, khoảng 6 hay 7 giờ, sau bữa ăn, tôi nghe tiếng y la lớn, lập đi lập lại: “giết người hay tự tử”, “giết người hay tự tử”. Tôi thấy y ngồi ở bàn ăn trong bếp, đọc to những từ trên, rồi lập đi lập lại: “Đâu là chỗ nguy hiểm nhất trên thế giới”.

Chẳng mấy chốc, tôi hiểu ra y đang đọc một mẫu chuyện từ tờ báo lá cải New York. Y có cách riêng. Tên điên, hay vị hoàng tử ngoại quốc này, tỏ ra rất nguyên tắc. Vị hoàng tử điên ngoại quốc bắt đầu câu chuyện: “Một du khách đã bị đâm chết trong Central Park tối qua”.

Rồi y dừng lại tra tự điển từ mới. (Thậm chí đến giờ tôi vẫn nghe tiếng lật sách xột xoạt). Vì chẳng biết được mấy từ, y gần như phải tra tự điển tất cả.

Rồi y đọc từng từ rõ to cho chính y (và cho cả tôi, nằm trên giường cách y chỉ vài thước, đang cố dỗ giấc ngủ). Y la to: “Một! Một! Một! Một! Một!”

Rồi thì “Du khách! Du khách! Du khách! Du khách! Du khách”!

Rồi thì: “Đã! Đã! Đã! Đã! Đã”!

Rồi thì: “Bị đâm! Bị đâm! Bị đâm! Bị đâm! Bị đâm”!

Rồi thì: “Đến! Đến! Đến! Đến! Đến”!

Rồi thì: “Chết! Chết! Chết! Chết! Chết”!

Vân vân.

Để phát âm đúng giọng và tự nhiên, y cũng lập đi lập lại nguyên câu nhiều lần: MỘT DU KHÁCH ĐÃ BỊ ĐÂM ĐẾN CHẾT TRONG CÔNG VIÊN CENTRAL PARK TỐI QUA.

MỘT DU KHÁCH ĐÃ BỊ ĐÂM ĐẾN CHẾT TRONG
CÔNG VIÊN CENTRAL PARK TỐI QUA.

MỘT DU KHÁCH ĐÃ BỊ ĐÂM ĐẾN CHẾT TRONG
CÔNG VIÊN CENTRAL PARK TỐI QUA.

Rồi y chuyển sang câu kế tiếp: “thân thể bị đâm nát của
nạn nhân được phát hiện sáng nay bởi một người chạy bộ”.

Toàn bộ quá trình trên được lập lại, từ này sang từ khác,
câu này sang câu khác, đến tận đêm khuya, đôi khi đến sáng.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Murder or Suicide?*)

Stewart Crenshaw

Hơn một thế kỷ sau khi qua đời, Stewart Crenshaw còn gây tranh cãi không ngớt. Bằng một quyết định siêu phàm hay đạo đức giả, Crenshaw đã mãi ghi dấu cá nhân vào lịch sử Hoa Kỳ. Tương tự như Billy the Kid, Tokyo Rose, Muhammad Ali, hay Jeffrey Dahmer, Crenshaw là biểu tượng Mỹ, nhưng trong khi những nhân vật trên đi vào lòng người bằng cách phạm pháp, Crenshaw chưa bao giờ là tội phạm. Mặc dù tự biến mình thành nô lệ, ông chưa bao giờ ngồi tù. Crenshaw chỉ đi ngược lại niềm tin sâu thẳm nhất của thời đại ông, và có thể của cả thời đại chúng ta.

Stewart Crenshaw là một thị trấn mỹ nghệ ở Friarspoint, Mississippi. Tên ông trang điểm (và làm xấu đi) hầu hết các tòa nhà trong vùng. Cửa hàng đồ lưu niệm bán áo thun Crenshaw, râu chìa khóa, roi da, đàn banjo, dây xích, cốc uống café. Tại tiệm ăn Crenshaw, có thể gọi món đặc biệt hàng ngày gồm bắp hầm, nửa chân giò, nước lạnh (giá 3 đô la 95). Khuôn mặt ít tính cách của Crenshaw được bắt tử hóa qua bức tượng đồng bán thân dựng sau tòa án xinh đẹp.

Ngày ngày, xe bus chở cả ngàn du khách (phần lớn từ Mobile, Alabama và Nhật Bản) đến đồn điền Crenshaw. Đa số du khách bỏ qua ngôi nhà đồ sộ, đổ dồn đến túp lều đồ nát ở rìa mảnh đất. Trong khoảng không tối tăm, chật hẹp, thiên hạ chen nhau chụp những tấm hình lờ mờ chiếc mền mà Crenshaw rên rỉ hạnh phúc chui vào mỗi đêm sau cả ngày cực

khổ chặt mía trên đồng dưới cái nóng trăm độ. Thiên hạ xem xét đôi ủng, cây búa, chiếc nón nỉ, mũ ống gỗ, những chiếc đinh, lưỡi liềm.

Một tấm bảng đồng trên tường tóm lược tiểu sử Crenshaw cho những kẻ dốt nát hoặc chóng quên:

Stewart Crenshaw sinh năm 1802 ở Savannah, Georgia. Thân phụ là chủ một công ty thép, Crenshaw lớn lên trong sung túc với mười hai cuốn sách. Năm 1828, cha mẹ chết trong trận hỏa hoạn. Crenshaw bán công ty gia đình, chuyển đến Friarspoint, tậu ba trăm mẫu đất hoang (là nơi quý vị đang đứng đây). Crenshaw xây một ngôi nhà mà y cho là kiểu Georgia, lò hun thịt, kho chứa cỏ, chuồng ngựa, khu nô lệ. Tọa lạc trên gò đất, ngôi nhà nổi bật bởi sự cân xứng, đường nét mạch lạc, góc cạnh bí ẩn. Lối đi trải sỏi râm mát bởi hàng cây bách, mười hai bậc thềm dẫn lên hàng hiên có những cột chống. Dây leo Tây Ban Nha, hoa lan, và những bụi hồng tăng vẻ duyên dáng cho khu vườn.

Tuy không xuất thân nghề nông, Crenshaw thừa biết thứ đất đen trong đồn điền rất lý tưởng để trồng mía. Y mua hai mươi nô lệ, gồm đàn ông, đàn bà, trẻ con, tất cả thuộc một đại gia đình, tốn 700 đô la mỗi mạng. Thế rồi Crenshaw làm chuyện chấn động cả nước. Y nói với đám nô lệ rằng ngôi nhà lớn, và đồ đạc trong đó, thuộc sở hữu của họ. Phần mình, y dọn đến túp lều rìa đồn điền.

Đứng đầu gia đình nô lệ là Ezekiel Moses. Moses không thể hiểu quyết định kỳ quái của Crenshaw. Ông đình ninh Crenshaw đang gài bẫy gì đây. Chỉ cần họ dọn vô ngôi nhà lớn, địa ngục sẽ bắt đầu. Dân da trắng giận giữ khắp thị trấn sẽ nhào đến trói từng người vào cọc quay chín.

Crenshaw trấn an Moses: “Tôi mới tốn 15 ngàn đô la mua các người. Đồi nào tôi để bọn họ đốt tài sản của tôi?”

Moses nhìn vào cặp mắt xanh nheo cười của Crenshaw:

“Nhưng tại sao ông làm vậy?”

“Vì tôi là chủ nhân của các người. Là chủ, tôi có thể đòi hỏi các người trở thành *chủ* của tôi. Tôi có quyền làm nô lệ cho các người”.

“Làm nô lệ không phải là một quyền”, Moses đính chính, cười mỉa.

“Ông sai, bạn tôi. Trở thành nô lệ là quyền duy nhất mà ta có được”.

Moses biết ông đang đối thoại với tên gốc. Lẽ ra ông đã cười vào mặt gã nếu không cảm thấy giận dữ vì gã đang biếm nhạo đồng bào khốn khổ của mình. Moses nhổ nước bọt: “Trò này sẽ kéo dài bao lâu”?

“Đây không phải trò chơi, bạn tôi”.

“Từ giờ ông là nô lệ của tôi”?

“Phải”.

“Vậy chấm dứt ngay việc gọi tôi là bạn”.

Moses đợi thêm một đêm rồi dọn gia đình vào ngôi nhà lớn. Tuần đầu tiên, họ dọn hết vào phòng cạnh bếp. Căn nhà đồ sộ được tiến chiếm từng phòng. Mất gần nửa năm đại gia đình của Moses mới sở hữu toàn bộ ngôi nhà.

Đứng trên hiên nhà mỗi sáng, Moses có thể thấy Crenshaw làm việc đơn độc trên đồng, một hình nhân nhỏ xíu lẩn khuất trong đám mía. Gã đàn ông da trắng chẳng có mấy kiến thức đồng áng. Một trong những con trai của Moses thỉnh thoảng phải chạy ra dạy Crenshaw vài đường căn bản nghề trồng mía. Mặt trời xuống, họ mang cho Crenshaw cơm, đậu, và mẻ gà. Crenshaw cải thiện bữa ăn đạm bạc bằng cách trồng rau dền và bắp cải trên đám đất nhỏ. Mặc dù không ai giám sát, y vẫn làm việc từ sáng đến chiều, ngoại trừ Chủ Nhật.

Tiếng đồn chẳng bao lâu lan xa về hành động kỳ quặc của Crenshaw. Ngày nào đám đông cũng tụ tập trước cổng. Không ai dám trèo qua hàng rào vì Crenshaw đã cảnh báo, rất rõ ràng, sẽ nã đạn lập tức vào kẻ nào dám làm vậy. (Moses cho y mượn súng). Lẩn trong đám đông tò mò và hung hăng là những kẻ vận động giải phóng nô lệ, ca ngợi Crenshaw như thánh. “Ông ta đang cứu chuộc tội lỗi của các người”, họ la lên giữa những tiếng ề à chế giễu. Báo chí cả nước, thậm chí từ Âu Châu, phải đến cả trăm phóng viên, nhưng Crenshaw từ chối tất cả phỏng vấn.

Moses, tuy vậy, không hoàn toàn trầm lặng. Từ chỗ khiếp sợ đám đông sôi sục ngoài cổng, ông quen dần sự hiện diện giập dờ và thú vị của họ. Đầu tiên ông đứng trong phòng ngủ chính tầng hai, quan sát đám người lộn xộn qua khe màn cửa. Rồi ông ra hiên nói đùa với họ. Sau cùng Moses ngồi trên ghế lớn ngay sau rào sắt trả lời câu hỏi.

“Crenshaw là tên gốc, đúng không Moses”?

“Ông ta rất can đảm”.

“Y mất trí”!

“Ông ta là thiên tài”.

“Ông nói vậy là sao”?

“Chỉ thiên tài mới có thể tạo ra mẫu hình mới”.

“Nói lại coi”.

“Mẫu hình mới”.

“Ông đối xử với Crenshaw thế nào”?

“Như con”.

“Y có được ăn uống đầy đủ không”?

“Tôi không để ông ta chết đói”.

“Crenshaw làm gì khi rảnh”.

“Cầu nguyện”.

“Làm gì nữa”?

“Hát và viết”.

“Viết à”?!

“Đúng vậy”.

“Viết gì”?

“Đời một nô lệ”.

“Viết bằng đèn dầu”?

“Bằng đèn cây”.

“Ông cho phép y làm điều đó”?

“Tôi không có gì phải che giấu”.

“Y có hay than phiền”?

“Luôn vui tươi”.

“Nhưng y không thể hạnh phúc”!

“Ông ta cô đơn”.

“Thế y cần vợ”.

“Không, cần nô lệ”.

“Sao ông không mua cho Crenshaw”?

“Crenshaw không tin vào hôn nhân tạp chủng”.

Mặc dù tính tân kỳ của sự kiện da trắng làm nô lệ cho da đen không bao giờ mất hẳn, đám đông cũng thưa dần đến khi chỉ còn hơn chục khán giả mỗi ngày. Có hôm không mạng nào. Crenshaw và Moses mỗi người quay về đời sống đơn điệu riêng tư. Năm tháng trôi qua...

Liệu một nô lệ có thể nghĩ xa vài năm? Rất ít khả năng. Nô lệ thậm chí không nghĩ xa vài ngày. Người ta không thể nhận thức tương lai khi không dự phần hoạch định tương lai. Mỗi sáng thức dậy, Crenshaw cảm thấy kinh sợ, gần như buồn nôn. Đôi khi y nôn hết mớ thức ăn khốn khổ tối qua. Y không thể tin được điều gì đang đợi chờ phía trước. Cả buổi sáng, y chỉ có thể nghĩ đến món bắp nghiền bữa trưa. Vào khoảng đầu giờ chiều, tuy vậy, Crenshaw thường trở nên trầm tĩnh. Mặc cảm tội lỗi, lo lắng, tự thương hại biến mất. Trí óc sáng rõ đến độ có thể sắp xếp mọi chuyện. Trong khoảng nửa tiếng, Crenshaw quên thân phận nô lệ. Nhưng chiều đến y thậm chí trở nên lo sợ hơn cả lúc sáng.

Dưới chiếc mền ngựa ngáy mỗi đêm, quá khứ quay về như một ảo giác kinh hoàng. Nhưng nhúc nhệch đều và bộ phận cơ thể. Savannah hiện ra như con đường sáng ánh đèn, rồi như ngôi nhà mù tối, phòng tầng hầm chật chội. Mười hai cuốn sách y đọc giảm thiểu xuống thành từ “sách”.

Một lần, Crenshaw nghĩ y sẽ bước vào nhà quá lớn, “Trò chơi chấm dứt”. *Ta sẽ dạy tên khốn Moses một bài học!* Nhưng y đã không làm vậy, không phải vì lời hứa với Moses mà vì điều này sẽ hủy hoại chân dung chính y. Nó sẽ khiến câu chuyện trở nên rẻ tiền.

Sống trong ngôi nhà lớn, bước đi trên thảm giữa đám đồ đạc màu gụ, Moses không tự mãn cũng chẳng thấy cần biện hộ. Những thay đổi quan trọng thường đi kèm sự chối bỏ ngược ngùng quá khứ và nhận thức rằng, rốt cuộc, đây mới là sự thật. Nhưng bản chất trầm tĩnh của Moses không cho

phép ông choáng váng chỉ vì một vụ chuyển mệnh như vậy. Mặc dù hiện tại đang được cảm nhận thật hơn, khả tín hơn quá khứ, ông không chắc cái nào là sai lầm. Khi còn là nô lệ, Moses mong mỗi vô vọng rằng ít nhất mình cũng được xem là người. Ông thậm chí cho rằng số phận cá nhân có thể phản ảnh kinh nghiệm nhân loại. Giờ thì ông thấm thía nhận ra, rằng đời mỗi người hoàn toàn vô định, và không biểu tượng điều gì.

Niềm vui đối đời của Moses nặng nề và chua chát vì những thoáng giận dữ. Ông không bao giờ quên rằng, căn bản, về mặt pháp lý, ông vẫn là nô lệ.

Mặc dù sống cạnh nhau, Moses và Crenshaw chẳng bao giờ thăm viếng nhau hay trò chuyện quá vài câu. Bất cứ điều gì người này nói cũng sẽ có vẻ như nhái giễu người kia. Họ hoán đổi đời nhau, nhưng chẳng thể thâm nhập thế giới của nhau.

Lúc còn là nô lệ, Moses thường đi bộ xuyên rừng lén lút gặp gỡ nô lệ các nông trại gần đó. Giờ thì ông bị cột chặt vào ngôi nhà. Thế giới thật ra thu nhỏ lại. Chỉ cần bước ra khỏi cổng ông sẽ là tên nô lệ bỏ trốn và bị săn đuổi như con vật. Không là kẻ hoàn toàn tự do cũng không hẳn nô lệ, số phận Moses và Crenshaw buộc vào nhau.

Trong những khoảng khắc cay đắng hiếm hoi, Moses nguyên rủa Crenshaw đã tước đoạt nơi ông phẩm hạnh và chính nghĩa của người nô lệ, trong khi vẫn là chủ nô của ông. Thật hay giả, Crenshaw cảm nhận đầy đủ thân phận nô lệ. Đời nô lệ của y quá tàn nhẫn, quen thuộc, và hiển nhiên đến độ, dần dần y đi đến chỗ xem nó như tình trạng tự nhiên của con người. Nô lệ đồng nghĩa với đời sống.

Một buổi chiều tháng Tư năm 1861, Crenshaw quyết định chớp mắt sau bữa ăn trưa. Y chưa bao giờ trốn việc. Hình ảnh cuối cùng của y về cõi trần này là một con sáo bay ngang bầu trời không mây. Ý nghĩ cuối cùng của y là, đáng đời mi. Ba bốn ngày sau Moses mới phát hiện xác Crenshaw nằm trên đất.

Moses chết một cách cổ điển hơn. Ông qua đời bởi cơn đau tim rạng sáng ngày 21 tháng Giêng, 1865.

Bất chấp tuyên bố của Moses, người ta không chắc Crenshaw có viết tự truyện nô lệ hay không. Không văn bản gốc nào được tìm thấy. Trong vòng một năm sau cái chết của Crenshaw, cả tá đầu sách được in ra, tất cả đều nhận là tự truyện Crenshaw. Cuốn đồ sộ nhất dày gần ba ngàn trang. Cuốn mỏng nhất năm trang. Vài cuốn có tựa đề như *Túp Lều của Chú Tom*, *Absalom! Absalom!*, *Tự Truyện Malcom X*, *Câu Lạc Bộ Hủy Vận*.

Moses cao giọng phản đối tất cả những cuốn sách ngắn ngủi này như sự nhạo báng cuộc đời bi thảm và kỳ vĩ của nô lệ Crenshaw. Tuy vậy, là một nô lệ thật, ông không có quyền pháp lý đối với tài sản tinh thần của người nô lệ dỏm. Mỗi khi có cơ hội, ông trưng ra một bản viết tay lem nhem bùn đất và tuyên bố rằng đây mới là bản thảo gốc của Crenshaw. Chẳng ai buồn để ý. Có dịp lướt qua nội dung lôi thôi của nó, ai cũng có thể khẳng định, tác giả đích thực là Moses.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Stewart Crenshaw*)

Hai Nhà Trí Thức

Tôi không phiền lòng sự kiện bạn tù của tôi là một “vợ”. Hấn rộng rãi chia với tôi những thỏi chocolate và thuốc lá mà bọn “chồng” mua cho hấn. Tôi cũng không khó chịu việc hấn là trí thức. Tôi cũng trí thức. Trong chốn này, chỉ cần kể được tên thủ phủ hai tiểu bang và đọc bảng chữ cái không vấp, người ta được coi là trí thức. Nhưng chúng tôi trí thức thứ thiệt. Chúng tôi biết cách lý lẽ. Khác nhau duy nhất giữa tôi và hấn: tôi trí thức hữu cơ, hấn trí thức vô cơ.

Tôi nói vô cơ theo nghĩa, logic của hấn không được logic lắm.

Hấn cho biết cả đời bị ám ảnh vì hình dạng những lưỡi kéo: “Tao khoái một số lưỡi kéo đầu tà, một số đầu nhọn. Chúng có thể đâm, cắt, mở toang hoác như miệng”. Hấn đưa hai ngón tay ngang mũi làm động tác cắt, cười tinh quái. Hấn nói cảm thấy ngây ngất được ở chốn này: “Suốt đời tao mong vào đây, dù không biết nó thế nào. Không phải sai lầm đâu, chỉ là một chọn lựa. Người ta chọn số phận mình”.

Vớ vẩn. Tôi đâu chọn vào đây. Không ai chọn vào đây. Lý do đẩy tôi vào tù là một cơn bệnh ngoài tầm kiểm soát. Không ai có thể nói tôi thích tù hơn cuộc sống bên ngoài. Vì kiểu lý lẽ đó, hấn là một trí thức vô cơ. Hấn suy diễn những quy luật phổ quát dựa trên nhầm lẫn cá nhân. Hấn nói thêm: “Biết chấp nhận số phận, thậm chí một số phận quái đản, đầy đau đớn khổ sở của chính mình và kẻ khác, sau cùng ta trở nên thanh thản, thăng hoa”!

Ý tưởng này đến từ tên tù chung thân không có khả năng được ân xá! Chuyện hấn đã làm chắc chắn là tội ác, nhưng

không ghê tởm hơn tôi, hay hầu hết những kẻ trong này. Tôi không lên án hắn. Cũng không mong hắn ăn năn. Điều tôi phản đối là cách hắn nhìn tội ác như một phương tiện khám phá bản thể. “Để hoàn thiện một người”, hắn triết lý, “nhiều kẻ khác phải bị hủy hoại. Điều này cũng đúng với những quốc gia”.

Nếu điều này là sự thật, tôi không hứng thú với kiểu viên mãn đó. Tôi thà làm nửa người đứng đắn còn hơn thành quỷ sứ nguỵên con.

Tôi vào đây vì đã làm tổn thọ mười hai mạng. Tôi không hãnh diện. Tôi lấy làm tiếc việc phải tiêu phần đời còn lại của chính mình trong sở thú bê-tông song sắt, giữa đám nửa người nửa ngợm. (Tôi phục vụ trong quân đội bốn năm, nhưng chuyện đó chẳng nhằm nhò gì so với tù.)

Hàng tuần, trước khi được uống Depo-Provera, một thần dược giúp giảm cơn dày vò tính dục, tôi là kẻ nửa người nửa quái vật, nhưng lúc này quái vật đang ngủ yên trong ruột, nên phần lớn tôi có thể được xem là người.

Tôi tổn thương, kích động và căng thẳng đến mức bất kỳ kích thích nhỏ nào - mẫu quảng cáo đồ lót, tách café, chiếc bánh donut - cũng khiến tôi nghĩ: Máu! Tôi từng nghĩ thân thể mình là lưỡi dao dài, ngày ngày thọc về phía trước tìm kiếm nạn nhân.

Khởi đầu, tôi nhắm mắt giết bừa, như điên, chẳng triết lý, nhưng đến khi nạn nhân thứ sáu hoặc bảy gì đó cầm miệng (Diana? Susan?), khi là kẻ duy nhất còn lại trong phòng, tôi bỗng nhận chân được mục đích. Hơn cả chuyện dứt bóng những mạng sống, tôi quan tâm việc tạo mối liên hệ với nạn nhân thông qua sự làm nhục. (Còn gì gần gũi hơn việc chia sẻ ô nhục). Sau phát hiện đó, mỗi lần chuẩn bị cắt cổ nạn nhân, tôi nói: “Giờ thì chúng ta đã biết bí mật nhau, đã hạ nhục nhau, chẳng còn gì ngoài việc gặp lại kiếp sau. Anh yêu em”.

Quá xúc động bởi tuyên bố tình yêu, mắt tôi đầm lệ. Tôi hôn hàm răng lạnh giá những người đàn bà.

Một sự im lặng kỳ lạ sau mỗi lần ra tay. Có vẻ xác chết đang hút hết tiếng động thế giới vào quỹ đạo phân rã của nó. Ngay khi vừa giết xong, ta cảm tưởng mình là người cuối cùng trên mặt đất. Một cảm giác thanh bình, tuyệt diệu. Người ta từng bịt mắt cả tá nô lệ ném vào vòng đánh nhau cho đến khi chỉ sót lại một mạng.

Sau nạn nhân thứ mười, tôi cảm thấy ngây ngất đến độ tin rằng Thượng Đế sẽ gọi tôi. Tôi chăm chú nhìn chiếc điện thoại, chắc rằng nó sẽ reng. Tôi tin Thượng Đế sẽ chúc mừng tôi việc tham dự trò đùa của ngài. Phụ nữ thông hiệp với Thượng Đế điểm khởi đầu trò đùa bằng sinh sản. Đàn ông ở điểm kết thúc, bằng giết chóc.

Mất của nạn nhân thứ mười một mở trường trường. Tôi hơi run. Trong lớp dạy làm thơ, tôi được học về chủ nghĩa Tượng Trưng và Siêu Thực. Tôi viết: “Mất là cửa sổ tâm hồn. Khi tâm hồn rời chỗ lưu tồn, mất nên nhắm lại”. (Thầy giáo tôi, Mr. William, khen ngợi hiệp vần “hồn” với “tồn”, “sổ” với “chỗ”). Tôi tham dự tất cả những lớp học trong tù. Điều quan trọng là không phung phí thời gian và phải mở rộng chân trời hiểu biết.

Nhưng nhân tố lớn nhất giúp tôi hồi phục sự tỉnh táo là những trao đổi với một bạn thư, tên Julie.

Julie ở Úc. Nàng ba mươi chín tuổi, ly dị, và ung thư vú. Trong quá khứ, khi đau khổ của người khác là nguồn mạch hoan lạc của tôi, sự kiện sau cùng này sẽ khiến tôi ngây ngất. Nhưng giờ đây, tôi chỉ gửi lời an ủi đến nàng. Tôi cũng đều đặn tiêm cho nàng những liều bất hạnh của tôi, phóng đại khi cần thiết, để nàng cảm thấy dễ chịu khi so sánh. Tôi quan tâm Julie đến nỗi để giành lại hầu hết những chuyện tồi tệ nhất của đời sống ngục tù, chỉ chia xẻ khi nàng thật sự xuống tinh thần. Tôi nhạy cảm đến thế.

Tôi cũng lưu ý giữ cân bằng giữa những chuyện kinh tởm và những chuyện thuần túy khôi hài. Chỉ trong thư thứ ba, tôi kể chuyện những tay gác tù phải khám dái và đít tôi thế nào trước khi cho phép vào sân đi dạo. Làm phụ nữ cười là điều

tốt. Nụ cười sáng khoái có thể trì hoãn ung thư. Nhưng tôi thấy bạn đang nhăn. Bạn thấy tôi rơi vào trò tự bốc thơm. Bọn tù chúng tôi vẫn thường được coi là chỉ quan tâm đến mình. Đủ rồi. Tôi phải hít một hơi dài và đổi giọng đơn điệu.

Julie cho phép tôi dòm ngó vào đời sống thường nhật của nàng. Trước nay tôi chưa bao giờ quan hệ bình thường với phụ nữ. Nàng kể chuyện ăn sáng món gì, đọc sách gì. Nàng mô tả chiếc áo choàng đang mặc khi viết thư.

Thư của Julie không mùi. Giấy chẳng có mùi. Tuy vậy, nó đã được chạm vào bởi một phụ nữ, một phụ nữ bằng xương bằng thịt. Vì thế tôi áp chặt lá thư vào mũi hít lấy một cách ngây ngất. Đây là mẫu giấy có mùi tuyệt diệu nhất trần đời. Tôi không ngại thú nhận rằng tôi cũng vuốt ve mảnh giấy lên những bộ phận khác của cơ thể.

Một vài tay trong tù lạm dụng bạn thư bằng những trò đại loại như yêu cầu các nàng ngồi lên máy photocopy, nhưng tôi không phải loại đó. Thực ra, tôi chưa xin Julie tấm ảnh nào.

Julie chưa bao giờ hỏi lý do tù tội của tôi. “Tất cả chúng ta đều có một quá khứ đáng tiếc”, nàng viết, “Em cũng vậy. Ai cũng có quyền giữ bí mật riêng mình. Nếu tất cả bí mật được phơi bày, chúng ta sẽ bị khai trừ vĩnh viễn khỏi xã hội loài người”.

“Nếu gặp em cách đây mười năm”, tôi viết, “anh đã không vào tù”.

Kiếp này tôi sẽ chẳng bao giờ được ôm Julie trong tay. Hẹn kiếp sau. Mặt khác, tôi lấy làm vui vì Julie ở rất xa, tôi sẽ chẳng bao giờ làm được chuyện gì khủng khiếp với nàng. Không phải tôi muốn chuyện như vậy. Julie sẽ không bao giờ là nạn nhân thứ mười ba. Điều quan trọng là trong đời, đàn ông ít nhất phải một lần có quan hệ thành công với phụ nữ. Giờ tôi đã làm được chuyện đó.

Bác sĩ tâm lý của chúng tôi, ông Fang, nói sở dĩ tôi sợ đàn bà là vì trong quá khứ họ đã bắt tôi chiều chuộng, ý tứ, dè dặt, hy vọng, can đảm, tất cả những phẩm chất tôi không

có, không bao giờ quan tâm phát triển. Ông nói: “Tất cả các anh đều sợ đàn bà. Đó là lý do khiến các anh vào đây”.

Trong sâu xa tôi vẫn tin sẽ có ngày thoát khỏi nơi này. Có thể động đất hay một cuộc cách mạng sẽ khiến cửa tù bật mở. Có thể một cuộc xâm chiếm của người hành tinh. Có thể một thiên thạch.

Đôi khi, khoảng trước giấc ngủ, lúc nửa tỉnh nửa mê, tôi mơ thấy đang thả bộ trên đường Pine ở Philadelphia. Nhưng mình không thể thả bộ được, đang ở tù mà! Trong giấc mơ chập chờn, tôi ý thức đang nằm trên giường, dưới tấm mền mỏng ngứa ngáy, nhưng lại thấy rất rõ tiệm café *Last Drop*, đối diện bên kia đường là quán rượu *Dirty Frank*. Nếu thật tập trung, tôi có thể mở cửa *Dirty Frank*, bước vào. Tôi cảm thấy cơn giận khủng khiếp dâng lên, mắt mở to, nhìn thấy đáy giường gã bạn tù.

Một lần, trong tình trạng như vậy, tôi gọi gã bằng những cái tên ghê tởm mà tôi lập tức hối hận. Khi hấn thức dậy, tôi biện hộ vừa trải qua cơn ác mộng.

Gã bạn tù của tôi lập gia đình năm năm. Năm năm tuyệt diệu, hấn kể. “Tụi tao làm tình mỗi tuần hai lần, cãi nhau to tiếng mỗi tháng một lần, nấu nướng ngoài trời và đi biển mỗi mùa hè”. Nhưng hấn đã vứt bỏ tất cả chỉ vì bị ám ảnh bởi hình dạng những lưỡi kéo.

“Suốt đời, tao bị thôi thúc không chịu nổi việc phải đâm đàn bà. Chỉ sau khi đâm chết vợ trong khi ả đang ngủ, chẳng vì lý do gì, bằng một chiếc kéo, tao mới nhận ra ham muốn thâm kín được ở tù. Tao muốn được ở giữa những thằng đàn ông. Tao muốn đến phiên mình được đâm để thỏa mãn số phận”.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Two Intellectuals*)

Hai Nhà Vua

Đó là năm 1923, năm đầu tiên của tôi ở Paris, một lần trên xe điện ngầm từ Porte Maillot đến Epinet tôi thấy một người Việt Nam mà tôi nhận ra ngay là vua Khải Định. Ngày nay ông chỉ còn được nhớ đến nhờ cái lăng bê-tông kém thẩm mỹ xây cho chính mình. Khi tôi gặp ông, nhà vua rất gầy, tuy vậy trông vẫn bèo nhèo với những bắp thịt chảy xệ. Khuôn mặt ông giữa màu vàng và xám, như quả chanh bủng. Những năm lưu đầy đã khiến ông mang dáng vẻ lãnh đạm, bị ám ảnh. Trông ông như một quý tộc hút thuốc phiện mỗi ngày một lần, chơi tennis mỗi tuần một lần, và tắm biển mỗi năm một lần. Trên cổ tay mảnh khảnh như que diêm, cổ tay một công chúa, ông đeo chiếc đồng hồ mặt vuông to tướng hiệu LeCoultre rẻ tiền. Đó là một hiện thực khiến tôi vừa xấu hổ vừa nao lòng. Không hề có chiếc nhẫn nào trên những ngón tay xương xẩu. Chuyện khá kỳ cục, tôi nghĩ, đối với một người đàn ông nhiều vợ. Ông không hề nhìn bất cứ ai hay vật gì xung quanh, chỉ nhìn thẳng phía trước. Ông không chớp mắt rất lâu đến nỗi tôi nghĩ có lẽ ông mù. Quay cuồng trong óc ông, không nghĩ ngợi gì, là những ý nghĩ rối bời về đất nước đau buồn. Ông phải biết lịch sử sẽ phán xét di sản của ông một cách đen tối. Người đàn ông này chỉ là nhà vua con rối, được giật dây bởi những thế lực ngoại bang, tuy vậy, tôi cảm thấy một tình cảm dịu dàng, thậm chí gần như ngưỡng mộ, đối với ông. Số phận ông chính là số phận tôi.

Sau cùng tôi rời ghế tiến đến trước mặt nhà vua: “Kính chào bệ hạ! Ngài phải là vua Khải Định”. Mặt nhà vua ánh lên vẻ vui sướng tột độ trong một thoáng ngẩn ngui, nhưng rồi ông trả lời tôi bằng tiếng Pháp: “Je suis désolé, mais je ne comprends pas”! Không thể tưởng tượng được. Một nhà vua Việt Nam vờ không hiểu tiếng Việt! Tuy vậy, tiếng Pháp của ông lại tệ hại khủng khiếp. Ông nói tiếng Pháp với giọng miền Trung đặc sệt khiến để lộ gốc gác ngay lập tức. Phải chăng tiếng Pháp tồi tệ của ông là một cách kháng cự có ý thức chống lại cái vị thế bị hạ thấp của ông? Nên nhớ vua Khải Định chỉ đeo lon đại úy trong quân đội Pháp. Dù sao tôi cũng đã không có thời giờ để phân tích tâm lý ông. Tôi nhìn khinh bỉ xuống cái hình hài vụn vẹo. Bị xúc phạm bởi thái độ kinh tởm của tôi, một vệt đỏ chạy loan lên mặt ông, rồi ông lóc nụ cười nhạo biếm. Không muốn tạo cảnh tượng hai người đàn ông Việt trong hai bộ đồ vét tồi tàn la hét vào mặt nhau làm trò cười trước mặt những người Pháp, tôi lẳng lặng quay lại chỗ ngồi. Tôi cảm thấy xấu hổ đến nổi mắt rướm lệ. Phải nhiều năm sau tôi mới khám phá ra, qua những bức ảnh trên báo chí, rằng người đàn ông tôi gặp trên xe điện ngày hôm đó không phải vua Khải Định mà là Nguyễn Ái Quốc.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Two Kings*)

Nhạc Tây

Bên ngoài cửa kính bar *Fish and Chick*¹, tiếng động trắng của xe gắn máy nổ phình phịch. Bên trong, Skinny and Dercum ngồi cạnh quầy bar, mồ hôi ráo dần bởi hơi lạnh từ máy điều hòa. Kurt Corbain thét gào từ giàn âm thanh nổi. Bây giờ là ngày đầu hè, ngay trước mùa mưa. Skinny say bởi những ly Jagermeister. Hắn la lên: “Tao phát bệnh chỗ này rồi”!

“Tao cũng vậy”! Dercum nói.

“Phải đi khỏi đây”.

“Tụi mình có thể lại bar M.I.G. hay Nixon uống bia nếu mà muốn”.

“Không! Không! Không! Ý tao nói là tao phát bệnh cả Hà Nội này rồi”!

“Mày muốn về New York”?

“Tao không muốn về nhà. Chỉ cần đi khỏi Hà Nội là đủ”.

“Tụi mình có thể đi Sapa”.

“Không, không thích Sapa”. Skinny kéo một hơi thuốc Sông Hương. Hắn ngoái cổ qua vai về hướng mấy gã Do Thái, Hà Lan, Đức, Áo và Pháp đang ngồi phía sau. “Tao chán ngấy trông thấy cái bọn rác rưởi Âu Châu này lắm rồi”!

“Để tao nói chuyện với ông Mai xem sao”.

Với giá năm đô la một ngày, ông Mai đợi Dercum bên ngoài khách sạn Thăng Lợi để chở hắn đi bất cứ nơi đâu. Ông là tài xế xích lô riêng của Dercum. Mảnh khảnh, nước da nâu đồng, ông Mai hơn năm mươi tuổi, và đã lên chức ông.

Có vẻ hơi quá chải chuốt so với nghề nghiệp. Ông diện sơ -mi may tiệm, quần tây polyester, áo khoác cánh da giả. Khác với hầu hết những người đàn ông trạc tuổi, ông Mai không phải cựu chiến binh. Ông đã không được phép phục vụ trong quân đội vì bố mẹ bị Việt Minh xếp vào thành phần phản động, bố ông bị hành quyết trong cải cách ruộng đất năm 1955. Mẹ ông tự tử không lâu sau đó.

Dercum bước ra khỏi tiền sảnh khách sạn và như thường lệ, thấy ông Mai đang thườn người trên xích lô dưới bóng mát tàn cây: “Chào ông”!

Ông Mai nhòe dãi: “Khỏe không, ông Dirt²? Đi đâu đây”?

“Chưa biết nữa. Chắc chẳng đi đâu”.

“Không đi càng tốt. Tôi chỉ việc ngồi đây uống bia”. Ông Mai lại ngả người xuống ghế xe, nâng cốc nhựa đựng bia lên môi. Mắt ông vờn những tia máu đỏ.

Dercum châm một điếu Malboro: “Thằng bạn tôi đang chán Hà Nội”.

“Skin Knee chán Hà Nội”?

“Ừ, Skinny chán Hà Nội lắm rồi”.

“Bảo ông ấy về nước”.

“Nhưng nó chưa muốn về”.

“Bảo ông ấy vào khách sạn Hanoi Hilton³.”

“Thôi nào, đừng nói vậy. Skinny chỉ không muốn thấy bọn rác rưởi Âu Châu”.

“Rác một tuổi”?

“Rác rưởi Âu Châu. Cũng giống như rác rưởi Mỹ”. Dercum cười hiên lành. “Giống như tôi vậy, nhưng dân Âu Châu”.

¹Chơi chữ. Thay vì Fish and Chips, Cá và Khoai Tây Chiên, một món ăn thông thường, thì tên tiệm này là Fish and Chicks, Cá và Ghẹ.

²Ông Mai đọc trệch tên Dirk thành Dirt. Dirt có nghĩa là “đất,” hay những thứ bẩn thỉu, nói chung.

³“Hanoi Hilton” là tên lính Mỹ đặt cho Hỏa Lò thời chiến tranh.

Ông Mai uống cạn ly bia, ợ, bắt chéo chân.

“Bọn tôi muốn đến một vùng quê nào đó, nơi không có Tây hay Mỹ”.

Ông Mai bóp chiếc ly nhựa: “ Bao lâu, xếp?”

“Một tuần”.

“Để làm gì”?

“Chẳng làm gì cả. Bọn tôi chỉ muốn nghỉ ngơi ở một vùng quê nào đó”.

Ông Mai lại bóp chiếc ly, suy nghĩ một lúc rồi bảo: “Chúng ta có thể về quê vợ tôi”.

“Ở đâu”?

“Cách Hà Nội ba trăm cây số”.

“Lái xe mất chín tiếng” ?

“Mười”.

“Đi hướng nào”?

“Hướng Tây”.

“Vùng núi”?

“Vâng”.

“Gần Sơn La”?

“Giữa Sơn La và Yên Châu”.

“Ở đó có khách sạn không”?

“Khách sạn”?!

Dercum gọi điện cho Skinny ở khách sạn Metropole: “Thu xếp xong rồi. Tụi mình sẽ vù đi một tuần”.

“Nghe được lắm”.

“Mày nên mang theo mấy hộp thịt dự phòng”.

“Đừng lo. Tao đã từng xơi cu bò và thịt chó”.

“Thật không”?

“Cả chim sẻ”.

“Mày từng ăn cái quái gì nữa”?

“Mày biết để làm gì”.

“Tụi mình sẽ mang theo bảy két bia. Mỗi ngày một két”.

“Tao mong lắm”.

“Tao sẽ mang theo giấy đi cầu”.

Dercum Sander và Skinny, tên thật là Dave Levy, gặp nhau ở đại học Columbia. Dercum chẳng bao giờ hoàn tất đại học, hần bỏ học sau năm thứ hai. Đầu tiên hần làm nghề đưa công văn bằng xe đạp, rồi phụ bếp cho nhà hàng Coute Que Coute ở Midtown, rồi làm nghề giao hàng cho hãng hàng không United, công việc mà nhờ đó hần có cơ hội đi lòng vòng Á Châu miễn phí, rồi bà nội hần mất. Trước khi rời New York, Dercum nói sẽ đi Việt Nam dạy tiếng Anh, nhưng sau tuần lễ đầu tiên ở Hà Nội, hần nghĩ, tại sao cứ phải cảm thấy có lỗi khi không làm việc? Tại sao không cứ chơi tà tà? Sau sáu tháng ở Việt Nam, hần gửi fax cho Skinny: *“Mày phải qua đây ngay. Đây là nơi tới bến. TUYỆT ĐỐI TỰ DO. Không có gì cấm đoán hết. Tao cảm thấy như hồi sinh. Một con người mới. Tao rất mong gặp mày. Tao cứ nghĩ về mày suốt ngày đêm. Tao nói thật. Chẳng có gì khả thi ở New York. Giờ đây tao nhìn thấy quá khứ của mình trong một thứ ánh sáng mới. Mày phải qua đây ngay”*.

Phải mất ba ngày ông Mai mới thu xếp xong chuyến đi. Dercum và Skinny chia đôi phí tổn tiền mượn xe jeep, sáu trăm đô một tuần, bao xăng nhớt và tài xế. Đoàn sẽ gồm Dercum, Skinny, người tài xế và ông Mai.

Để tránh xe cộ, cả bọn quyết định khởi hành sáng sớm. Đúng năm giờ sáng chiếc xe đến trước khách sạn Thắng Lợi. Đó là một chiếc Jeep Cherokee. Cả bọn bắt đầu chất đồ lên. Dercum nói với ông Mai: “Toàn bộ chỗ bia này là để cho ông đấy”.

Ông Mai nhìn mấy két bia chất đầy thùng xe lắc đầu nhăn nhó: “Không đủ”.

“Không đủ”? Dercum vờ ngạc nhiên la lên. Mọi người cười, trừ tay tài xế, một người đậm chắc có râu quai nón, quần jeans áo thun, trước ngực in hàng chữ “Mountain Everest is the highest mountain in the world”, sau lưng là hàng chữ “Solo Fucker”.

“Làm một lon không”? Dercum hỏi ông Mai.

“Nhất định rồi”. Dercum đưa ông Mai lon bia. “Một lon cho anh tài xế luôn”.

Dercum đưa lon bia cho người tài xế.

“Cảm ơn, *mate*”! người tài xế nói.

“Ông Mai, nói với anh tài xế chúng tôi không phải dân Úc”.

“Mấy người này không phải dân Úc”.

“Tôi là Dercum”. Dercum bắt tay người tài xế.

Ông Mai xía vô: “Dirt”.

“Thật ra là Dirk”.

“Dirt”, người tài xế nói.

“Còn đây là Skinny”.

“Skin Knee”.

“Anh tên gì”?

“Long”¹. Nhìn gần, Long chỉ khoảng ba mươi mặc dù bộ râu quai nón và vẻ cau có khiến anh ta trông già hơn nhiều.

“Dài”?

“Long”.

Skinny nhìn Dercum với ánh mắt tinh quái. “Dài cỡ nào”?, hấn buộc miệng. Dercum phá lên cười. Long nhìn ông Mai, mặt lạnh lùng.

“Đừng để ý”, Dercum nói.

“Tao muốn uống một lon”.

“Tao đâu biết mày có thể uống bia lúc năm giờ sáng”, Dercum nói khi đưa lon Heineken cho Skinny.

“Skin Knee đang thành người Việt đấy”, ông Mai tuyên bố.

Dercum và Skinny ngồi ghế sau. Ông Mai phía trước. Trừ Long, mọi người đều phấn chấn khi xe chuyển bánh. Giờ này, đường phố đã đầy người mọi lứa tuổi: đi bộ, chạy, tập khí công, đá bóng, đá cầu, đánh cầu lông. Họ vượt qua một đội quân nhỏ những người cụt chân đang lăn xe bất cần đời trên đường Lê Hồng Phong. “Vi Xi già”, ông Mai nói. Long nhấn còi ngắt quãng như đánh morse trên tay lái. Máy hát phát ra giọng Louis Armstrong: “What did I do...to be so black and blue”?

¹“Long” tiếng Anh có nghĩa là “dài.”

“Có thích Louis Armstrong không ông Mai”? Dercum hỏi.

Ông Mai không trả lời. Đột nhiên ông có vẻ xa vắng, nghĩ ngợi, như bị quyến rũ bởi vẻ đẹp của thành phố quê hương. Cảnh vật trở nên mới lạ khi nhìn từ chiếc xe lao nhanh.

“Tôi thích nhạc jazz và blues”, Long nói.

Hầu hết xe cộ trên đường chạy hướng ngược lại: mọi người đang đổ vào thành phố từ những làng quê phụ cận. Trong khoảng hai mươi phút, nhà cửa bên đường thưa dần. Long nhấn còi liên tục, vượt qua những chiếc xe gắn máy, xe tải, xe buýt, xe du lịch, lạng lách tránh heo gà, trâu, chó, và người. Sau khoảng ba tiếng, đường xá trở nên gồ ghề. Bốn lần ông Mai quay cửa kính xuống nôn thốc hết cả ba lon bia.

Long nói: “Từ từ thôi cụ”.

Ông Mai rên rẩm: “Tôi không quen đi xe”.

Dercum bảo: “Mình nên tìm chỗ nào ăn trưa, Long”.

Long ngoái đầu về phía sau: “Hai mươi phút nữa, chỗ ăn ngon”. Chiếc xe cán một con chó. Long có thể thấy rất nhanh hình ảnh cái khối đen oằn oại trong kính chiếu hậu.

“Đồng ý”.

“Hai mươi phút”.

“Các cậu ơi, tôi nghĩ bọn mình vừa cán một con chó”! Skinny la lên.

“Mình vừa cán con chó đúng không Long”? Dercum hỏi.

“Không”.

“Cho tôi lon bia được không”? ông Mai nói.

Long tắt chiếc Cherokee vào lề đường. Quán ăn nhỏ với một bàn bi-da lớn chặn phía trước, dưới tấm bạt chống đỡ bằng cột tre. Cả bọn đi ngang tủ kính đựng rượu và thuốc lá ngoại, bước qua con chó vàng đang ngủ, bước vào căn phòng sáng sủa thoáng mát. Trên bức tường màu vàng chanh, những tấm quảng cáo chụp hình phụ nữ da trắng ôm những chai bia khổng lồ. Bàn thờ đặt trên góc cao: khung hình lộng bức ảnh phục chế chân dung một sinh viên sĩ quan đẹp trai, mặt thanh tú, mắt nai; chiếc ly cát cắm đầy chân nhang, đĩa quít, đĩa gà luộc. Góc cuối phòng, một bà cụ rất già, ngồi thu mình bất

động trên chõng tre trước màn ảnh tivi khổng lồ, xem hài kịch. Cả bọn ngồi trên những ghế đẩu nhỏ bằng nhựa cạnh bàn thấp. Họ là những thực khách duy nhất trong quán. Cô gái phục vụ bước ra từ bếp: “Hôm nay bọn em có cá rô chiên và thịt lợn rừng”.

Ông Mai gọi: “Mang ra đi, em gái. Và đậu hủ chiên, rau muống luộc, hai tô canh”.

“Mấy người này nước nào vậy bác?”

“Mỹ”.

“Trông cứ như Nga”.

“Dân lại cái đấy”.

“Lại cái”!

“Nhanh lên em, chúng tôi đói rồi cả người”!

Cô gái trở vào bếp.

“Ông nói gì với cô gái”? Skinny hỏi ông Mai.

“Cô ấy bảo trông các ông giống người Nga. Tôi bảo các ông người Mỹ”.

Dercum hỏi: “Đây là đâu”?

“Thảo Nguyên”.

Long nói với ông Mai: “Hai người này là dân đồng tính thật à”?

“Tất nhiên”!

Một bầy trẻ con rúc rích ngoài cửa nhìn chòng chọc Skinny và Dercum. Skinny cười với chúng: “Hù”! Đứa can đảm nhất trong bọn tách lên, trong tiếng reu chọc của những đứa đứng sau, gào lên câu tiếng Anh “I love you” rồi bỏ chạy. Cả đám tản ra, gào to: “I love you! I love you”!

Trừ Skinny, tất cả đều rửa răng bằng tăm sau bữa ăn. Cô gái phục vụ lau bàn qua loa bằng miếng giẻ, đẩy những mẫu xương cá nhỏ xuống nền gạch hoa. Cô mặc sơ-mi hồng bệch bạc điểm hoa đỏ và chấm đen nhỏ. Chiếc nơ vàng tươi trên tóc. Long bảo: “Em gái, có muốn lên núi với bọn anh không”?

“Toàn ma quỷ với bọn man rợ trên ấy”! Cô gái mỉm cười bỏ vào bếp.

Lúc ở đại học, Skinny và Dercum chưa bồ với nhau. Cả hai đều trốn chạy sự thật không chịu nổi rằng họ thích nhau, bằng cách cố gắng làm những người đàn ông bình thường. Họ cặp bồ với phụ nữ, đôi khi hai ba cô một lúc. (Lúc làm tình, đôi khi Skinny nghĩ, *duyên vật của nó đã ở trong đó*). Nhưng cả hai vẫn giữ quan hệ tình cảm gần gũi, an ủi nhau sau mỗi lần thất bại trong quan hệ yêu đương. Lúc Dercum rời Việt Nam, Skinny bắt đầu công khai tình trạng đồng tính luyến ái. Dercum hãy còn chưa quyết định. Tình cảm của hai người chỉ viên thành trong căn phòng của Skinny ở khách sạn Metropole một ngày sau khi hắn đến Việt Nam.

Chiếc xe leo dốc vững vàng. Đoạn đường hầu như chỗ nào cũng tẻ, lổn nhổn đá dăm, nhựa đường và bụi. Họ băng ngang nông trường chè, rừng trái vả, những đồng ngô và thuốc lá. Họ đi qua những thị trấn người Kinh với nhà cửa làm bằng gỗ và đá rửa; những bản người Thái Đen trâu bò nằm dưới chân nhà sàn; một ngôi làng người Khơ Mú lều tranh vách nứa. Thị trấn nào của người Kinh cũng có ít nhất một quán cà- phê trưng bày “karaoke”. Họ gặp một toán người Hmông. Một người đàn ông trong bọn vác khẩu súng kíp. Đàn bà bện lông ngựa vào tóc thành những búi khổng lồ. Một lúc lâu, cả Skinny và Dercum chẳng nói lời nào. Long nhìn kính chiếu hậu: hai người đàn ông ngái ngủ tựa vào nhau.

Ông Mai hỏi: “Anh lái xe bao lâu rồi”?

“Mới một năm”.

“Công việc có vẻ tốt đấy nhỉ”.

“Thì đi đây đi đó”.

“Và gặp người nước ngoài”.

Long cười: “Có những người nước ngoài cao cấp, nhưng cũng có lắm bọn không chịu nổi”.

“Như bọn nào”?

“Tuần trước tôi lái xe cho ba tên Hàn Quốc. Bọn chúng rất khó chịu”.

“Bọn Mỹ thì sao”?

“Thật ra cũng không tồi. Phần lớn đều cho tiền boa”.

“Còn phụ nữ”?

“Gì cơ”?

“Có gặp em nào không”?

Long cười khoái trá: “Vài em”.

Ông Mai có ý chờ đợi. Long tiếp tục: “Phần lớn đi du lịch với chồng hoặc bồ. Có mấy bà lớn tuổi, mấy bà theo đạo đi thành từng cặp, nhưng thỉnh thoảng cũng gặp một em độc thân”.

Ông Mai lại chờ đợi. Long kể tiếp: “Ví dụ cách đây vài tháng, tôi lái xe cho ba người New Zealand: một cặp tình nhân và một cô độc thân, cả ba đều là sinh viên. Tôi đưa họ lên Sapa, cả bọn lấy hai phòng ở khách sạn Auberge. Tên em là Hillary. Cô nàng cặp bồ với tôi suốt một tuần”.

Về mặt đau đớn, ông Mai không tìm được tiếng nuốt nước bọt.

“Tôi san bằng tỉ số chút đỉnh, bác biết đấy”.

“Ồi”, ông Mai thở dài, “tôi già quá, đã lên chức ông rồi còn gì”.

Có em này. Người Mỹ. Tên Becky. Sau hôm đưa nó đi Hạ Long, suốt một tháng, tuần nào tôi cũng đến khách sạn của em ở Hà Nội ba bốn lần. Em Becky này cuồng dâm nhé. “Tao không phải người yêu của mày”, nó nói, “chỉ sinh lý thôi”. “Tốt”, tôi bảo. Tôi biết nó ngủ ít nhất với ba bốn thằng. Bao nhiêu cũng không đủ. Thật điên cuồng. Nó hỏi tôi: “Tao có xinh không”? “Xinh lắm”, tôi bảo. Mà nó xinh. Không hẳn xinh lắm, nhưng cũng xinh. Một đêm nó bảo tôi: “Tao là một cô gái rất xấu xí, rất xấu xí”. Nó khóc vì chuyện đấy, thế có điên không.

“Có lẽ ở Mỹ người ta không cho cô ta là đẹp”.

Long nhún mày. Y không biết có nên tức giận.

“Anh biết đấy, cũng đại loại như mấy cô Việt Nam mà anh thấy cặp với Tây. Mình thấy mấy cô này xấu nhưng bọn Tây lại cho là xinh. Nhiều cô còn được chứng cho là những người đẹp nhất thế giới đấy”. Ông Mai đưa mắt về phía sau: “Ít nhất hai tên này”, lão hạ giọng, “là chưa làm

bằng hoại chị em Việt Nam trong trắng với những ô nhiễm vật chất đế quốc suy đồi của bọn chúng”!

“Ha ha”!

“Thật sự thì hai tên Mỹ này có vẻ không thích bọn da trắng khác. Chúng bảo tôi đưa đến chỗ nào không có người Mỹ”.

Long mừng vì câu chuyện đã đi khỏi đề tài đời sống tình dục của anh ta. *Lão Mai già này tởm thật*, Long nghĩ. “Nhưng cả nước chỗ nào bây giờ lại không có Mỹ”.

“Thật thế”.

“Không bọn sống thì cũng bọn chết”.

“Đúng thế”.

“Thế sao bác biết là không có tên Mỹ nào ở làng Muồn”?

“Tôi đã lên đấy ba lần. Quê vợ tôi đấy mà”.

“Thế sao bác gái lại ở Hà Nội”?

“Tôi bắt cóc bà ta đấy”.

“Ha, ha”!

“Thật ra thì bà nhà tôi phục vụ trong quân đội. Nên mới được ở Hà Nội”.

“Ra thế”.

“Trong gia đình tôi, cựu chiến binh được thưởng huy chương là phụ nữ”!

“Ha, ha”!

“Này, thế mà lại tốt đấy. Nếu bà vợ tôi mà ở gần gia đình, họ không cho tôi lấy bà ấy đâu”.

“Thế bây giờ họ đối xử với bác thế nào”?

“Như cửt ấy”!

“Ha! Ha”!

“Dừng lại chút”.

Long dừng xe cho ông Mai bước ra. Dercum mở choàng mắt, nhìn thấy chiếc gậy của Long, quên mất đang ở đâu, hoảng hốt, trấn tĩnh, rồi nhắm mắt lại. Long nghĩ, *Một khái niệm lạ thật: Mỹ lại cái!!! Nhưng bọn họ trông rất...rất...rất...gồ ghề! Rất đàn ông! Những lông lá, mồ hôi dềnh dàng ấy. Xem nào, có lẽ tên Skinny thì không như thế... Bọn đồng tính có*

được phép phục vụ trong quân đội Mỹ không? Lẽ nào lại có bọn đế quốc lại cái? Ông Mai trèo vào xe. “Tôi thấy đỡ hơn nhiều”.

Xe chuyển bánh, ông Mai bảo: “ Anh biết không, có một con ma Mỹ ở làng Muồn đấy”.

“Thật à”?

“Bà vợ tôi kể, năm 69, một máy bay bị bắn rơi ở làng Muồn và người ta tìm thấy một chân của tên phi công trong rừng”.

“ Chỉ cái chân thôi à”?

“Vâng, nhưng rất to. Bà vợ tôi bảo nó cao đến ngang ngực người. Thằng này khổng lồ”.

“Tất cả bọn họ đều khổng lồ”.

“Nhưng tên này khổng lồ thật đấy”.

“Người vùng núi lại thấp bé”.

“Do thiếu dinh dưỡng”.

“Thiếu muối”.

“Thế. Dân làng chôn cái chân đúng vào chỗ họ phát hiện, nhưng đến đêm con ma bắt đầu xuất hiện, gõ cửa dân làng xin nước uống”.

Long nhấp một ngụm Heineken: “Sao ma quỷ lại hay đòi nước uống nhỉ”?

“Không phải tất cả ma đều vậy. Chỉ những con ma mất nhiều máu khi chết thôi”.

“Thế con ma xuất hiện cả người hay chỉ cái chân”?

“Anh bảo sao”?

“Thì khi gõ cửa ban đêm, người ta thấy nó thế nào: một cái chân, hay cả người”?

“Anh không biết thật à”?

“Không, tôi không biết”.

Ông Mai cao giọng: “Khi chết, ngay cả khi chỉ còn mỗi lỗ đít, anh cũng luôn trở lại như một người đầy đủ”.

“Tôi không biết thật”.

“Đấy là vì anh lớn lên ở thành phố”.

“Bác nói đúng. Chẳng có ma quỷ nào ở thành phố”.

“Cũng có vài con, nhưng không nhiều. Không có nhiều ma trong thành phố là vì có điện”.

“Bác kể tiếp chuyện con ma Mỹ đi”.

“Gã tiếp tục quấy nhiễu dân làng, luôn xuất hiện vào ban đêm xin nước uống, thế là họ quay lại chỗ chôn cái chân dựng một miếu thờ nhỏ. Sau đó thì hấn thôi”.

“Dội bom lên dân làng mà được hưởng thế là không công bằng đấy”. Long cười khùng khục.

“Nhưng không thể chấp người chết được. Tôi đã trông thấy cái miếu thờ: có chai rượu và một máy hát”.

“Máy hát à”?

“Vâng, một máy cát-xét mở nhạc Liên Xô”.

“Sao lại nhạc Liên Xô”?

“Là vì họ không tìm đâu ra một băng nhạc Mỹ. Ấy là năm 1989, ở cái nơi “khỉ ho cò gáy”, “chó ăn đá gà ăn muối”.

“Thế ai nghĩ ra trò mở nhạc cho hấn”?

“Chả biết. Nhưng nghĩ cũng có lý. Có lẽ họ suy ra hấn xa quê đã lâu, sẽ cảm kích nếu được cho nghe chút nhạc Tây”.

Dercum gây tiếng động nhỏ. Không mở mắt, hấn hỏi: “Sắp đến chưa, ông Mai”?

“Sắp rồi”.

“Những người Mỹ duy nhất tôi muốn thấy tuần này là hai tay ngồi đằng sau kia”, Long nói, “tôi không muốn thấy bất cứ ma quỷ nào”.

“Yên tâm”.

Nhưng ông Mai đã không giải thích cho Long tại sao con ma Mỹ không thể trở về nhà. Có lẽ ông không biết, rốt cuộc chính ông cũng là dân thành phố.

Khi tên phi công Mỹ bị bắn rơi, thi thể hấn vương vãi xuống ao đầm. Và một con ma, người ở quê biết rất rõ, không thể vượt qua bất cứ vũng nước nào, kể cả những vũng bé xíu, trừ khi thi thể hấn nguyên vẹn. Vì thế tên Mỹ này chẳng đi đâu được. Từ đấy trở đi, làng Muồn là làng của hấn. Việc hấn xin nước chỉ là cái mẹo để được vào nhà. Cho đến khi họ dựng cho hấn ngôi nhà: cái miếu. Cái mà những người nông dân nhìn thấy khi mở cửa cho tên Mỹ đơn giản chỉ là ước

muốn của hắn được trở lại vẹn toàn. Họ để ý, chẳng hạn, quân phục của hắn vẫn nguyên vẹn và không vấy máu.

Xe vượt chiếc cầu ghép bắc qua khe sâu đầy lá, rồi quẹo vào đường ngoằn ngoèo mù bụi, xoắn thẳng xuống thung lũng hẹp. Hai bên đường đầy đặc cỏ voi, những mảnh hoa cúc, xoài, măng cụt, tre, dây bò, và hàng trăm loại dây leo mà ngay cả người địa phương cũng không biết tên. Dòng sông màu đồng ẩn hiện sau tán lá. Những vệt sáng nhạt xuyên qua đám mây xám ẩm đậm, trên trời chiếc điều ai đó đang lượn vòng. Giờ thì cả bọn nhìn thấy người dân làng đầu tiên: một đứa con gái nhỏ đi về phía họ cạnh con trâu bạch tạng. Lúc cả bọn vượt qua, đứa nhỏ ngậy nhìn không vấy tay. Rồi thì đến bản làng: ba mươi ngôi nhà tụm lại, bao bọc bởi nương lúa. Những ngọn núi xung quanh sương phủ mờ.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Western Music*)

Ông Nội Ngoại Hạng

Đây là chuyện có thật về ông nội tôi: bỏ làng đi bộ một ngàn dặm. Ông không định đi xa. Lúc đầu chỉ vài dặm, không ngờ cuối cùng đã đi cách làng ngàn dặm. Cứ vài dặm lại gặp một làng mới, hoàn toàn khác làng trước đó. Đến đâu ông cũng ở lại cho tới khi bị đe dọa hoặc lễ độ yêu cầu rời khỏi làng. Gặp gì làm nấy. Ông từng là thợ hớt tóc, bữa củi, nặn tượng, nô lệ, cho vay tiền, ăn mày, chính khách, cảnh sát, ăn trộm. Ông học phong tục mới, tiếng lóng mới, cách đi đứng mới, cách ngồi ghế, hắt xì, hay gãi mũi. Ông để tóc kiểu mới. Một cách không ý thức, ông học cách che giấu cảm xúc. Ông trở nên nhiệt tình quá đáng trong việc làm vui lòng người khác. Ông cũng trở nên cực kỳ nhạy cảm với từng chi tiết bất thường cơ thể. Ông mang một mớ biệt danh không vui. Đôi lần yêu đương, bị khước từ, khước từ, cầu hôn, cưới vợ, sinh con, thừa nhận và vô thừa nhận, ly dị, hòa giải. Có lần ông bị bắt lính, chiến đấu anh dũng chống lại những kẻ thù mà ông nghi là xuất thân từ làng mình. (Ông bị những kẻ này bắt, thả về trong đợt trao đổi tù binh). Ở một làng khác ông được phong tước nhà thơ công huân mặc dù không biết ngôn ngữ của họ. Cuối cùng ông đến một làng, nhìn quanh cảm thấy nhẹ nhàng vì mình không còn khác biệt. Tất cả lão già đều giống hệt nhau, kinh tởm và bị kinh tởm, ông được đón chào vào hội những kẻ chờ chết.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *My Grandfather the Exceptional*)

Lối Thoát Hiểm Hỏa Hoạn

Mỗi ngày nàng thò đầu ra cửa sổ lúc 7 giờ tối tưới nước những cây nhỏ đặt trên lối thoát hiểm hoả hoạn. Nàng tưới cây bằng chiếc ấm nhỏ rất dễ thương. Tôi sống ngay tầng trên. Tôi có thể thấy đỉnh đầu nàng. Tóc nàng mượt và màu hạt dẻ.

Đôi khi tôi muốn gọi, “Em ơi”! nhưng rồi tôi chẳng bao giờ làm vậy.

Đôi khi tôi nghĩ có thể nàng sẽ ngẩng lên và nhìn thấy tôi, nhưng nàng chẳng bao giờ làm vậy.

Mặc dù làm việc trong một tiệm hoa, *Hoa Tôi Yêu*, tôi không phải dân đồng tính luyến ái. Sếp của tôi đồng tính luyến ái. Tất cả khách hàng đều nghĩ tôi đồng tính luyến ái.

Tôi biết tôi không đồng tính luyến ái vì tôi thường nghĩ đến nàng, người hàng xóm của tôi mỗi lúc tôi xem Tivi. Tôi nghĩ đến nàng lúc tôi quỳ trên sàn nhà. Mặc dù thường không nhớ rõ các giấc mơ, tôi vẫn có thể nói đã thấy nàng nhiều lần trong giấc ngủ.

Tôi có thể nghĩ thấy nàng trong giấc ngủ. Nàng có mùi một đứa trẻ, mùi phấn trẻ con. Không rõ tại sao tôi nghĩ vậy. Tôi chưa bao giờ đến gần nàng.

Có thể bởi đôi bàn tay nhỏ, những ngón bé xíu. Cổ tay nàng mảnh mai. Tôi không thích đàn bà to xương.

Tôi không uống rượu, nên tôi không biết phải đi đâu để gặp đàn bà. Khi ngồi trong bar, tôi có thể thành linh nổi giận

Lần sau cùng trong bar, một người đàn bà lớn tuổi hơn tôi trong bộ đồ vest xanh dương ngồi cạnh. “Tôi từ Florida”, cô ta nói, “làm nghề địa ốc”. Rồi cô ta nói với tôi cô ta rất yêu thích thành phố này, rằng người ở Philadelphia, trái với những gì cô ta từng nghe trước đây, rất dễ thương. Cô ta hỏi tôi đã từng đọc *Thánh Thiện và Tội Lỗi Trong Địa Đàng* chưa. Cô ta kêu rượu cho tôi và nói, lúc bar gần đóng cửa, “Anh rất dễ thương, anh biết không? Một gã rất dễ thương”.

Bạn thân nhất của tôi là sếp của tôi, rất đáng tiếc, nhưng sự thật là vậy, dù tôi không thật sự thích giao du với gã.

Nàng hàng xóm của tôi tên “M Adams”. Đó là tất cả những gì được viết trên hộp thư. Melissa? Marilyn? Mary?

Tên của tôi cũng bắt đầu bằng M. Vậy chúng tôi có một điểm chung. Tên tôi là Mitch.

Tên mẹ tôi là Eve.

Tôi tìm số của M Adams trong danh bạ điện thoại. Đây rồi. Gần như tôi đã không muốn tìm được số điện thoại của nàng. Tôi trì hoãn vài ngày trước khi gọi.

“Hello”? nàng nói. “Hello? Hello”?

Tôi nín thở. Tôi chỉ muốn nghe giọng nàng. Tôi cúp máy.

Giọng nàng mỏng và the thé, như chim bạch yến. Chưa gì nàng đã làm tôi thất vọng.

Cách đây một tháng tôi thấy M đi bộ trên đường với một gã đàn ông. Hắn nhìn rất giống M, và họ không cầm tay nhau, cho nên tôi suy ra hắn là anh trai của M. Về nhà tôi quỳ lên sàn nhà.

Nhưng rồi tôi nghĩ, nhiều người cặp bồ với những người giống họ.

Khi quỳ trên sàn nhà tôi thường trông ra cửa sổ. Có thể thấy mọi người đi lại trên đường phố. Tôi thấy các thiếu nữ, những bà mẹ, và trẻ con. Tôi có thể nghe họ trò chuyện.

Sếp của tôi hỏi, “Mày có bồ không Mitch”? Tôi nói, “Không”. Hắn nói, “Một thằng xinh trai như mày mà không có bồ à”?

Tôi nghĩ đến chuyện mang hoa hồng hay tulip từ tiệm *Hoa Tôi Yêu* về để bên ngoài cửa phòng nàng. Tôi chưa làm. Chuyện đó sẽ không tốn kém gì. Tối nào chúng tôi cũng vứt một số hoa.

Tôi có thể tỏ ra độc đáo bằng cách mang cho nàng một đoá hướng dương.

Có lần tôi đã làm chuyện khá bất thường. Tôi leo xuống lối thoát hiểm hỏa hoạn và nhìn vào căn hộ của M. Nàng đang ngồi trên ghế dài, coi Tivi. Tôi chỉ có thể thấy phía sau đầu nàng, tóc hạt dẻ. Nàng đang coi một show truyền hình mà tôi cực ghét. Đó là thất vọng thứ hai của tôi.

Tôi trở lên tầng trên và quỳ trên sàn nhà. Ở chỗ có nhiều vết bắn tung toé cũ.

Khi thấy M trong tiền sảnh tầng dưới tôi không nhận ra nàng. Có lần nàng chào nhưng tôi vờ không nghe.

Chỉ lời chào thoáng qua, chẳng ý nghĩa gì. Tuyệt đối không nghiêm trọng. Nàng thậm chí chẳng biết tôi, sao chào tôi làm gì? Nàng cũng chào mọi người vậy phải không?

Tôi đã đọc trên báo Post rằng có một gã khoan những lỗ nhỏ trên trần nhà người hàng xóm tầng dưới. Hắn nhìn trộm người đàn bà suốt ba năm cho đến khi bị tóm cổ rồi cho hưởng tù treo.

Tôi không hiểu làm thế nào hắn có thể khoan những cái lỗ trên trần nhà mà không để lại mụn cựa trên sàn nhà người đàn bà. Trừ phi, dĩ nhiên, người đàn bà muốn những cái lỗ trên trần nhà cô ta.

Những cái lỗ trên trần nhà là sự ca ngợi đáng giá nhất. Sau khi đọc bài báo tôi tưởng tượng có rất nhiều lỗ nhỏ trên trần nhà tôi.

Bạn có biết những người điên đôi khi dùng kim chọc lên da thịt? Kể điên cảm thấy bị tù hãm trong lớp da của hắn. Nó như bức màn ngăn cách hắn với thế giới. Đó là lý do tại sao hắn dùng kim chọc lên da thịt.

Và đó là tại sao tôi nhìn ra đường phố khi quỳ trên sàn nhà. Đôi khi tôi mở radio.

Đôi khi nhìn nàng đang tưới cây, tôi cảm thấy một thúc giục gần như không cưỡng lại được muốn nhổ nước bọt lên đầu nàng. Tôi không rõ tại sao, tôi thật sự yêu nàng.

Có lần tôi thấy nàng vuốt ve một bông cúc như thể người ta vuốt ve đầu con mèo. Bất cứ lúc nào say mê của tôi với M có phần phai nhạt, tôi lại nghĩ đến cảnh đó để lấy lại cảm xúc.

Có một đối tượng tình yêu trong đời luôn là điều tốt lành. Tôi không thể xa M vì tôi đã đầu tư tất cả sinh lực vào nàng. Nếu bỏ cuộc, tôi sẽ phản bội chính tôi.

Nhưng như tôi nói, tôi thật sự yêu nàng. Nàng có cách nghiêng đầu như chim hay mèo, cái cách mà tôi yêu mến.

Liệu M sẽ thích tôi nếu biết rõ hơn về tôi? Điều đó còn tùy thuộc nàng có nhạy cảm hay không, sau đây là những phẩm chất của tôi:

Mặc dù không có vẻ ngoài hấp dẫn, tôi là người biết quan tâm

Tôi không có tham vọng bất thường. Tôi không cần thống trị ai, đàn ông lẫn đàn bà.

Tôi ghét tất cả các môn thể thao. Bản chất của thể thao là tạo ra kẻ thắng người thua rõ ràng. Tôi thích bơi lội trong vùng nước xám mờ, nơi chẳng ai thắng thua.

Tôi không ghét mẹ tôi.

Tôi chỉ tập trung sinh lực tình dục vào một người. Tôi không thích chế độ đa thê.

Tôi ghét những kẻ hào nhoáng.

Tôi không đa dâm ngay cả trong ý nghĩ. Thậm chí khi quỳ trên sàn nhà, tôi chỉ nghĩ đến M.

Thật tình tôi thích đọc các tiểu thuyết gia nữ. Nhà thơ yêu thích nhất của tôi là Emily Dickinson.

Tôi biết lắng nghe. Tôi biết chú ý đến phụ nữ.

Chẳng có gì trên Tivi tối nay và tôi cũng chẳng muốn quỳ trên sàn nhà. Tôi mở cửa sổ trèo xuống lối thoát hiểm hoả hoạn. Mặt trăng bạc như nụ cười hoạt hoạ lớn trên trời. Mọi điều sẽ ổn thoả tối nay.

Đèn căn hộ của M hầy còn sáng. Tivi cũng đang mở. Tôi nhanh chóng leo qua cửa sổ.

Bạn không thể cứ nghĩ ngợi về chuyện gì đó mãi. Sau cùng phải có gan để vượt qua giới hạn. Bạn phải giữ thể diện cho sự ham muốn bằng hành động. Hay ít nhất cũng bằng một cố gắng. Tôi tên Mitch và nàng tên M. Chúng tôi là M&M, đó là duyên số.

Đời tôi chưa hề có tiếng vọng. Sau cùng tôi cần những kết quả. Tôi cần chiếc gối và tấm gương. Mọi điều sẽ ổn thoả tối nay.

Căn hộ của nàng sạch bong. Nhờ tay đàn bà chạm vào, như thiên hạ vẫn nói. Chiếc áo thun trắng ném trên thành ghế. Tôi rùng mình lúc chạm vào. Cửa phòng tắm hé mở. Mùi thơm dễ chịu. Mùi xà phòng, dầu gội đầu và nước hoa. Tôi nghe tiếng vỗ nước. Thành linh nàng cất tiếng hát. Một điệu hát dân độn Broadway. Có ai thấy tôi trèo qua cửa sổ không? Tôi nghĩ không. Có lẽ không. Khẽ mở cánh cửa, tôi đang hắng. Giọng trầm xuống: “Melissa”?

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *The Fire Escape*)

Những Kẻ Không Còn
Ở Với Chúng Ta

Phòng khách sạn giống quán rượu phi trường: sự thiếu vắng lịch sử cá nhân, không khí thân mật giả tạo, và hứa hẹn mù mờ. Đêm đầu tiên trong khách sạn luôn hào hứng vì vừa thoát khỏi nhà. Đêm sau cũng hào hứng (tương đương) vì sắp trở về nhà. Bên cạnh những tiện nghi căn bản, giường êm, cầu giặt nước, người ta cũng chọn khách sạn căn cứ vào vẻ choáng ngợp hoặc kỳ quặc của phòng tiền sảnh, khung cảnh mê hồn từ cửa sổ phòng ngủ, một nhà hàng với thực đơn không hẳn quốc tế cũng không hẳn địa phương nhưng thật sự siêu việt. Cần tránh xa những khách sạn với nhân viên tiếp tân ngủ gật, thang máy kẹt, rệp, rết, ma quỷ, và những trò bịp bợm.

Trong khi một tay tiếp tân ngủ gật có thể được nhận diện lập tức khi ta bước vào tiền sảnh, thường thì mọi việc đã quá trễ khi ta khám phá ra đang thuê phòng trong khách sạn có ma. Ở trời, ở nước ta, tỉ lệ khách sạn bị ám bởi những-kẻ-không-còn-ở -với-chúng-ta không cao lắm. Trong tổng số 250.000 phòng khách sạn, tối đa chỉ khoảng 500 phòng bị ma ám. Trong khi chu du quanh đất nước vĩ đại, bé tẹo của chúng ta, tôi đã không tránh khỏi (và rõ ràng) trải qua vài đêm trong những khách sạn ma ám. Tuy khá đáng sợ vào lúc đó, những vụ này đã không gây tổn thương tâm sinh lý vĩnh viễn.

Kinh nghiệm đầu tiên của tôi với khách sạn ma ám xảy ra khá ôn hòa. Trong phòng ngủ tầng thượng một khách sạn lớn

và mắc tiền nhất Hà Nội, tôi bị ma cù suốt đêm. Cứ vừa chợp mắt là có người cù vào chân. Sáng hôm sau khi nghe than phiền chuyện này, thật ngạc nhiên, ban quản lý hoàn lại tôi toàn bộ tiền phòng. Tuy nhiên, họ yêu cầu tôi không bao giờ được nhắc đến tên khách sạn khi kể lại chuyện này. (Thậm chí họ đề nghị tôi nhận thêm tiền để rêu rao rằng sự việc xảy ra trong một khách sạn đối thủ). Khách sạn được xây với phí tổn khổng lồ, nhưng thường chỉ một phần tư số phòng có khách. Họ không muốn để xì chuyện khách sạn bị ma ám. Cách đây vài năm, một đứa trẻ té xuống lỗ thang máy dùng chuyển thức ăn trong khách sạn. Từ đó hồn đứa bé thường về cù chân khách mượn phòng.

Kinh nghiệm thứ hai xảy ra trong một khách sạn ở Pleiku. Chẳng có lý do gì khiến người ta phải mò lên Pleiku? Nhưng cũng chính vì không có lý do gì để đến Pleiku, tôi đã đi Pleiku. Tôi tin bất cứ nơi nào trên trái đất cũng đáng thăm ít nhất một lần. Sau cả ngày tham quan một nhà thờ tuyệt vời xoàng xĩnh, một ngôi chùa xoàng xĩnh tương đương, và một bưu điện trông giống cái lảng, tôi quay gót về khách sạn Hollywood. Lơ đãng rà qua cả bốn kênh tivi đều tường thuật cuộc họp Đảng ở Hà Nội, tôi quyết định đi ngủ sớm. Tôi chỉ mong rời thành phố sáng mai, hài lòng đã “xong chuyện” với Pleiku.

Khoảng ba giờ sáng, tôi bất ngờ bị dựng dậy bởi tiếng nhạc rock âm ỉ. Mặc dù không phải kẻ ái mộ văn hóa phổ thông Mỹ, tôi cũng đủ quen thuộc với nó để nhận ra giọng gào thét của Joe Cocker. Chắc từ phòng mấy tên Tây Ba Lô, tôi nghĩ. Tiếng nhạc to như thể đang có buổi trình diễn ngay trong phòng tôi. Sau Joe Cocker đến Janis Joplin. Rồi Jimi Hendrix. Rồi Jefferson Airplane. Tóm lại, như một Woodstock, nhưng tại một vùng sâu vùng xa Việt Nam. Sao chẳng ai than phiền? Sao quản lý khách sạn có thể chấp nhận sự quấy rối như vậy? Đành rằng cần ngoại tệ khách du lịch, nhưng không phải loại khách này. Tôi quyết định tự giải quyết. Tôi nhanh chóng mặc quần áo rồi mở cửa phòng, nhưng cửa đã khóa. Trong cơn bức bối tôi vừa đá cửa vừa lay giật nắm đấm. Vài

phút trôi qua cho đến khi cửa phòng mở bung. Tiếng nhạc bỗng ngưng bật. Nhân viên khách sạn đang đứng trong hành lang. Giận dữ và kinh ngạc, họ trừng trừng nhìn tôi như thằng điên.

Không, chẳng ai nghe rốc riết gì cả. Mấy vị Tây Ba Lô cư xử rất đứng đắn. Chỉ có ông, thưa ngài, đã không giữ được những chuẩn mực cư xử Xã Hội Chủ Nghĩa. Mà này, Jimi Hendrix là ai vậy?

Kinh nghiệm thứ ba của tôi về khách sạn ma ám xảy ra ở Vinh cũng liên quan đến thánh giá. Tôi đi Vinh tìm hiểu chuyện cái cây biết đi nổi tiếng. Cây xoài được truyền tụng đã sống cả ngàn năm. Một trong những nhánh cây sà xuống sát mặt đất, trở rễ, thành thân cây mới. Năm tháng qua đi, thân cây cũ co lại. Thế là sau ngàn năm cây xoài “bước đi” một thước.

Sau khi chụp một bức hình Polaroid cái cây biết đi, tôi thả bộ xuống phố, chẳng thấy gì hay, bèn rút về khách sạn *Ốc Đảo Ngôi Sao Phương Bắc*, một khách sạn hiện đại xây giống chiếc tàu chở khách bị lật nghiêng.

Trời chưa chạng vạng, tôi định nằm nghỉ một hai tiếng trước khi xuống ăn tối. Tôi muốn thử chuột đồng nướng, một món ngon địa phương. Thành phố này có đến thờ một con vật gặm nhấm khổng lồ bắt được cách đây hơn thế kỷ. Trong giấc ngủ ai đó gọi tên mình, tôi mở mắt trong căn phòng tối đen. Không biết đang ở đâu, tôi bắt đầu ú ớ. Tôi đang ở đâu? Một giọng nói không giới tính trả lời, dĩ nhiên người đang ở đây. Chẳng hiểu sao, câu trả lời này mang lại cho tôi nỗi buồn khôn tả. Thậm chí tôi bắt đầu khóc khi đèn trong phòng tự động sáng lên, lôi tôi ra khỏi cơn mê hoảng.

Chiếc bàn ngủ khiến tôi an lòng. Căn phòng vẫn y nguyên, với một tivi nhỏ trên nóc tủ lạnh nhỏ. Trên tường treo tấm lịch cảnh lâu đài bên bờ hồ Thụy Sĩ.

Tấm lịch cũ năm ngoái. Khi tôi thắc mắc chuyện này, người ta bảo đây là sáng kiến của viên quản lý, “để khách cảm thấy trẻ một tuổi”.

Kinh nghiệm thứ tư và cuối cùng của tôi về khách sạn ma liên hệ đến cả thính giác và xúc giác. Tôi là kẻ ghiền chơi trâu và sẵn sàng lặn lội cả ngàn cây số để được xem hai quái vật khổng lồ húc nhau cho đến chết. (Đá gà dành cho bọn ẻo lả sống trong những căn hộ nhỏ.) Đoàn ông đích thực đi đôi với những thú hoang thứ thiệt. dịp đó, tôi đến làng Thị Cầu dự hội chơi trâu hàng năm. Đỉnh cao của ngày hội là bữa tiệc thịt trâu bảy món. Say sưa và thỏa mãn, tôi quay về nhà trọ duy nhất trong thị xã, một nhà khách xơ xác mười phòng đối diện sân banh lồi lõm. Nệm ngủ lún sâu hứa hẹn tấm lưng ê ẩm vào buổi sáng.

Trong bóng tối, tôi nằm nghĩ lan man về vị trí đặc biệt của loài trâu trong tâm hồn chúng ta. Chúng ta nói chuyện với trâu như bạn bè và sáng tác hàng trăm bài thơ về trâu. Chúng ta yêu trâu thắm thiết đến độ tiếp tục dùng chúng cày bừa trong khi nông dân các nước khác đã chuyển sang máy kéo từ lâu. Những ý nghĩ của tôi bị cắt ngang bởi ba tiếng gõ cửa rụt rè. Đã quá nửa đêm. Tôi hỏi lớn, “Ai đó”? Không tiếng trả lời. Có lẽ vì rượu nên tôi cảm thấy hung hăng khác thường. Tên cứt nào gõ phòng lúc đêm hôm thế này? Bỗng tôi đoán ra có lẽ đây chỉ là một cô gái làng chơi. Rất có khả năng tay tiếp tân đã thông báo cho cô nàng có một tên đực đang trú trong nhà khách tối nay. Trong quá khứ, suốt mấy thế kỷ, nhiều cung nữ xuất thân từ làng Thị Cầu này.

Tôi không phải vua, dĩ nhiên, và đời sống đã đến lúc mà ý nghĩ tình dục thường hấp dẫn hơn hành động tình dục. Nhưng mặt khác, tôi nghĩ, làng này nghèo, có thể mình cũng nên tìm cách đóng góp vào kinh tế địa phương. Tiếng gõ cửa lại rụt rè vang lên. Mặc dù vẫn phân vân không rõ phải ứng xử thế nào với em-gái-bán-hoa-đêm đang đứng bên ngoài, tôi cũng ra mở cửa.

Người ta nói khi một con ma xuất hiện, nhiệt độ xung quanh sẽ giảm, kèm theo mùi hôi thối, tanh tưởi. Tôi mở cửa, mùi thối mục và luồng gió buốt phả vào mặt, như thoát ra từ máy lạnh. Tôi bước hẳn ra hành lang nhìn quanh. Một đầu hành lang tù mù là cây chổi và giỏ rác nhựa; đầu kia là bức tranh tường vẽ cảnh Bác Hồ đang cho kẹo một nữ thiếu niên tiền phong. Chẳng có ai

xung quanh. Phải thú nhận tôi rất thất vọng khi đóng cửa leo lên giường trở lại.

Sau khi những suy tư về trâu bò bị cắt ngang, tôi chẳng còn nghĩ được chuyện gì khác ngoài chuyện mà cách đây vài phút tôi đã được hứa hẹn. Để giải quyết nhu cầu, tôi có thể hồi tưởng lại vài kỷ niệm ân ái đáng nhớ trong cuộc đời dằng dặc của mình. Tôi nhận ra mùi mực thối đã tràn vào và căn phòng trở nên lạnh hơn. Tôi kéo mền lên cổ cố nhớ lại cô bồ đầu tiên, một cô bạn trung học thích nói chuyện kiểu trẻ con, rồi một người đàn bà lớn tuổi hơn đã dạy tôi về bần và ya-ua, rồi một em có tật hay hỏi, “Em có làm anh đau không” mỗi khi nhồi lên nhồi xuống. Trong khi tự làm nóng mình bằng hồi niệm, tôi linh cảm có sự hiện diện của một vật thể khác dưới mền. Có lẽ mình còn say, tôi lờ chuyện đó, tiếp tục điểm danh những cô bồ cũ.

Khi một chuyện xảy ra trong bóng tối, người ta có thể vờ như không có gì xảy ra. Nhưng trường hợp này khác. Vật thể dưới mền bắt đầu ôm choàng lấy tôi từ mọi phía. Tôi bị nuốt chửng bởi nó. Từng khoảng da thịt tôi bị một da thịt khác ép chặt vào. Bất kể tôi xoay sở thế nào, sự tiếp xúc toàn phần vẫn tiếp tục. Khối da thịt lạ không ấm mà lạnh, và không có bộ phận cơ thể. Không tay, chân, bụng, vú. Mùi tanh tưởi càng lúc càng nồng nặc, khiến tôi gần ngạt thở. Tuy tất cả giác quan gần như mù mẫn, nhưng tôi, không biết phải diễn tả thế nào, không phải không cảm thấy khoái lạc. Khi cuộc vật lộn đã đạt đến đỉnh điểm, tôi bị bỏ lại một mình.

Có lẽ tôi đã được cho cái mà tôi yêu cầu. Tôi cảm thấy tiêu hao và trống rỗng. Ánh trăng lọt vào phòng, tôi có thể nghe tiếng đế và ễnh ương ngoài cửa sổ. Tôi nhắm mắt nhưng suốt đêm không ngủ. Vụ này sẽ đi vào danh sách những cuộc phiêu lưu xác thịt của tôi, để sau này sẽ được hồi tưởng lại trong những khách sạn khác.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Those Who Are No Longer with Us*)

Thư Lạ

Tên tôi là Đinh Linh và tôi là một người Mỹ. (Ít nhất họ chiếu của tôi ghi như vậy). Tên vợ tôi là Bùi Diễm và nàng không phải người Mỹ. (Ít nhất chưa). Chúng tôi cưới nhau ngày 24 tháng 12 năm 2000 tại Sài Gòn, thành phố nơi tôi chào đời.

Tôi là một người Mỹ vì tôi đọc tử số bóng chày mỗi sáng, ăn khoai tây chiên thường xuyên, biết Buster Keaton là thiên tài. Tôi là người Việt vì tôi tóc đen, da vàng, và mang mặc cảm Napoléon.

Việt Kiều là giống người đặc biệt ở Việt Nam. Không giống người Mỹ rắc, hấn không phải kẻ hoàn toàn xa lạ. Hấn mang tin tức từ miền đất hứa, và đôi khi, có thể biến thành chiếc cầu dẫn đến miền đất ấy.

Chẳng bao lâu sau lễ cưới, vợ tôi nhận được bức thư lạ lùng từ người em họ, cô em mà nàng đã không gặp hay liên lạc gì suốt hơn một thập kỷ. Bức thư được viết bởi cô gái 23 tuổi:

Chị Diễm thương mến!

Chị có khỏe không? Em rất mừng cho chị. Chị thật may mắn.

Nhân dịp đám cưới của chị, em xin gửi đến chị và chồng chị lời chúc mừng đậm thắm và chân thật nhất cho tương lai hạnh phúc anh chị.

Má em cũng thường. Em cũng còn đi học. Em đang mập lên nên phải cỡ ăn.

Lâu lắm rồi chị chưa về Cần Thơ. Có lẽ chị cũng chẳng còn nhớ em. Em hãy còn nhớ như in những kỷ niệm về chị khi chị về đây năm 1989. Hồi đó gặp chị em mừng lắm vì nhà chỉ có mình em là gái. Lúc đó chị đã mô đen lắm rồi. Chị còn nhớ không? Hai chị em mình đi khắp Cần Thơ. Chị em mình ăn bắp nướng, chị dẫn em đi học, giúp em làm bài. Mình mượn phim Hồng Kông coi tới hai giờ khuya. Rồi mình chiêm trứng vịt với hành. Chị còn nhớ không?

Em rất ngại khi gửi thơ này cho chị. Em sợ chị hiểu lầm em. Tại sao trước giờ không liên lạc với chị? Tại sao giờ mới liên lạc? Có phải vì bây giờ chị có chồng giàu?

Chị Diễm thương mến!

Tại vì trước đây em chỉ là một con bé lo học và chơi suốt ngày, chẳng biết thư từ là gì. Em cũng không biết địa chỉ của chị. Dì Tám chẳng bao giờ cho em số điện thoại của chị. Em cũng không biết chị đã có điện thoại. Em chỉ biết chị ở gần cầu Phú Lâm, Sài Gòn. Chẳng lẽ em gửi thơ tới cây cầu? (Ha, ha, ha)

Nhưng mới đây khi chị gửi hình đám cưới cho dì Tám, em biết được địa chỉ của chị. Ý nghĩ đầu tiên của em là, chị thiệt là cô gái may mắn. Em thương chị lắm. Không phải bây giờ em nịnh chị vì chị có chồng giàu. Em không sống vậy đâu, em không ham tiền. Giống như ở đây người ta thường nói: đừng để mình bị lương tâm mọc răng cắn.

Sự thật là gia đình em rất nghèo. Nhưng đòi cho sạch rách cho thơm. Không phải mình nghèo mà phải nịnh bợ ai.

Nếu em mà được may mắn như chị thì em sẽ rất hạnh phúc. Em mơ ước được đi Mỹ từ lúc em mới mười tuổi, có lẽ trước đó nữa, nhưng giấc mơ suốt đời này chỉ toàn đem lại cho em những điều thất vọng. Bây giờ em không còn nghĩ đến nó nữa. Má em từng có một bà bạn thân ở Miami, thành phố ngay cạnh New York. Có lần bà qua nhà em khoe mấy tấm hình con trai bà, cũng cỡ tuổi em. Bà còn cho em giữ mấy tấm hình

nữa. Em cũng tặng bà mấy tấm hình của em. Cả nhà em cứ nghĩ bà này có ý định tốt gì đây, nhưng rồi chẳng nghe bà nói gì nữa. Sao lại chọc ghẹo người ta vậy chứ? Thậm chí lúc đó em đã chia tay với bạn trai em để chuẩn bị cho cuộc sống mới.

Có lẽ con trai bà thấy em không hấp dẫn. Hay tại em mặc bộ đồ kinh dị quá. Con gái nhà quê như em không biết mô đen mà. Nhưng nói thiệt với chị, mà chị đừng cười em ghen, em thấy con trai của bà cũng chẳng đẹp trai gì. Nó có vẻ cù lần. Thôi kệ tía nó!

Em muốn đi Mỹ là tại vì em muốn gửi tiền về mỗi tháng giúp đỡ má em.

Nói chung là em không được may mắn lắm. Không được như chị. Nhưng tại sao em lại làm cho chị chán vì chuyện buồn của em chứ? Em nên dừng đây cho chị khỏi buồn ngủ! Nhìn chị hạnh phúc em cũng hạnh phúc được một chút.

Thương chị nhiều.

Em họ của chị:

Trần Tú Ngọc

Tôi hỏi vợ về Trần Tú Ngọc và được biết gia đình Ngọc làm nghề buôn bán hàng điện tử. Họ có một căn lầu bốn tầng. Ngọc đã từng đi nghỉ mát ở sáu nước khác nhau.

Nói về đồ điện tử, suốt 24 năm sống ở Mỹ, tôi chưa bao giờ sở hữu tivi, máy nghe CD, hay máy điều hòa. Tôi chưa bao giờ có sổ ngân hàng. Chiếc xe duy nhất tôi từng mua là một chiếc Mustang cũ, bị đánh cắp chưa tới một năm sau đó.

Có lần trong chợ tôi trả tiền cho một gói mì ăn liền bằng 28 đồng một xu. Một lần khác tôi trả tiền cho một hộp thịt bằng 159 đồng một xu. Đợi cho đến khi không còn ai trong hàng tôi mới tiến đến quầy tính tiền, nhưng trong lúc tôi đếm những đồng một xu trước người thu ngân đang nhe răng cười, trong lúc bấy ra mười sáu chồng những đồng tiền gần như vô

giá trị, được đúc ra để trang trí những đáy hồ trong khu mua sắm, hàng người đã dài lên sau lưng.

Một lần trong quán rượu rẻ tiền nhất Philadelphia, tôi đã trả cốc bia Rolling Rock bằng 60 đồng một xu và được bảo phải rút khỏi đấy ngay.

“Mày phải lấy tiền này! Đây là tiền thật”.

“Xéo mẹ mày ra ngay”!

Đây là ngụ ý của bức thư lạ lùng trên: chồng chị chắc phải có bạn Việt Kiều muốn một cô gái quê như em.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *A Strange Letter*)

Saigon Pull

Ngay trung tâm Hà Nội, cách nhà chỉ một mặt hồ hẹp là khách sạn Saigon Pull xấu xí. Xây cách đây bốn năm, khách sạn gồm một sàn disco nổi, một sà-lan lờ loẹt, chớp nháy, ngày nào cũng mở nhạc âm ỉ đến ba giờ sáng. Mặc dù tôi đã thử nhét giấy vào tai, tiếng thình thình đều đặn vẫn lọt vào. Có lần tôi thậm chí thử quấn băng kín đầu.

Dù sao, bên cạnh những bức mình, vũ trường này cũng có lợi. Con gái duy nhất của tôi làm tiếp viên ở đó. Nó mang về trung bình đến mười lăm đô la mỗi đêm, bằng nửa tháng lương thầy giáo.

Với khoảng thu nhập này tôi không phải bước chân ra khỏi nhà. Lúc trước, khi Lài chưa đi làm, tôi nuôi cả gia đình bằng nghề bán bật lửa Zippo cộng với khoản lương hưu còm cõi.

Tôi có vài mẫu mã để khắc lên bật lửa Zippo. Tôi thích nhất câu này, “When I Die Burry Me Upside Down So The World Can Kiss My Ass”.

Có thể dịch ra thế này: “Khi Tôi Chết Hãy Chôn Tôi Chổng Ngược Để Thế Giới Có Thể Hôn Đít Tôi”.

Tôi thường ngồi lê đường đối diện khách sạn Metropole, với sáu bật lửa Zippo bày lên chiếc khăn tắm. (Thêm một tá trong cặp). Không nên bày ra tất cả. Như vậy hàng trông mới hiếm. Tôi bán khoảng năm, có khi sáu đô một chiếc.

Có lần một ông khách với vẻ xúc động cực độ, nước mắt lưng tròng, đã đưa tôi hai mươi đô la mặc dù tôi ra giá chỉ mười đô.

Tôi có thể khắc lên đủ loại vật dụng, giá cả thỏa thuận, khi thì một bức tranh nhiệt đới, khi thì một họ tên, một câu chào đơn giản tiếng Anh tiếng Pháp. Chẳng hạn cứ nhìn chiếc bút nhựa rẻ tiền này: một cây dừa trĩu quả, mặt trời lặn xuống biển và phía trên là câu: “Good night, My Love”!

Bây giờ tôi ở nhà cả ngày săn sóc Tuấn, thằng cháu ngoại ba tuổi. Gia đình tôi gồm ba người: tôi, Lài, và Tuấn.

Tuấn là đứa bé to xương và khôn trước tuổi. Nó đã có thể đọc thuộc bảng chữ cái, ngược và xuôi, rồi đếm đến một trăm. Tôi dạy Tuấn vài từ độc đáo. Có lần lão Trương hàng xóm sang chỗ tôi uống bia, tôi bảo: “Tuấn, nói ông Trương nghe xem, trong cơ thể người có gì nào”?

Tuấn nhìn tôi ngơ ngác. Tôi động viên: “Nói đi, cái gì rất nhỏ mà không ai thấy được đấy”.

Nó vẫn chưa đoán ra. Tôi gợi ý: “VVVVV!VVVVVVVVVV”!

“Vi trùng”?

“Đấy”. Tôi nhìn lão Trương, “nó biết cả từ “vi trùng” cơ đấy”!

Lão Trương cười ngặt nghẽo. Con mắt độc nhất hí lại, kéo dài trên sống mũi. Miệng lão gần như cắt khuôn mặt: “Thằng bé con nói tiếng Việt xuất sắc”.

Được thế, tôi chỉ vào bức ảnh trên tường: “Ai đấy”?

“Bác Hồ”!

“Bác Hồ thế nào”?

“Bác Hồ yêu các cháu thiếu nhi”!

Lão Trương về rồi, tôi thấy vui vì lão có vẻ thật lòng thích thằng cháu tôi và trước mặt tôi không bao giờ đưa ra nhận xét dở hơi về màu da của Tuấn.

Duy chỉ một lần, thấy Tuấn đá tung quả bóng nhựa, lão đưa tay lên trời hét: “Pêlê”!

Thật ra lão Trương thích so sánh những chuyện xa vời. Lão nói Hà Nội ngày càng giống New York. (Lão chưa bao giờ đến gần New York, đúng ra thì chưa bao giờ ra khỏi Việt

Nam). Lão gọi Lài là “diễn viên nổi tiếng” và tôi là “ông tướng”. Lão bảo: “Trông ông cứ như Võ Nguyên Giáp”. So sánh ngớ ngẩn, phi lý. Như có thể thấy trong tất cả các bức ảnh, thậm chí tôi đã từng gặp con người vĩ đại này, có ảnh trong bóp làm chứng hẳn hoi, tướng Giáp có khuôn mặt tròn, kiểu mặt cóc, trong khi mặt tôi gầy, chẳng có tí thịt nào và mắt hơi lồi. Tôi có râu mép rậm trong khi tướng Giáp không râu. Tuy mũi tướng Giáp trông như bị đập giập phẳng lì, dù sao nó vẫn là một món phụ tùng trên mặt, trong khi tôi, xin lỗi, *excusez-moi*, đã bị bay mất mũi. Thêm nữa, ai cũng biết tướng Giáp chỉ cao một mét tư, một trong những người lùn nhất thế giới, trong khi tôi, nói có trời đất, rất cao ráo. Có thể lão Trương có ý bảo tôi giống tướng Giáp vì cái phần người bé tẹo còn lại của tôi hiện nay.

Tôi quyết định không gọi Tuấn đến trường. Tại sao bắt nó trở thành đối tượng cho sự tàn nhẫn của bọn trẻ. Tôi bàn với Lài. Đến khi Lài thôi làm tiếp viên thì cũng đã hai mươi lăm tuổi và có thể mở thẩm mỹ viện. Chúng tôi sẽ đặt tên tiệm là “Paris By Night”. Nhổ lông mày, nhuộm sậy, làm móng tay. Lớn chút nữa Tuấn có thể giúp việc vặt trong tiệm, lớn hẳn thì làm chuyên gia thẩm mỹ.

Mỗi đêm trước khi ngủ, tôi xoa lòng trứng lên tóc Tuấn để đuổi thẳng ra. Tôi chả rõ làm thế có tác dụng gì không, nhưng cứ thử. Tôi cũng thường bảo cháu xoa bóp mũi để kéo cao lên.

“Làm hai mươi lần, Tuấn”.

“Để làm gì thế ông”?

“Tốt cho mũi cháu”! Cứ sau mỗi buổi tập mũi, tôi cho Tuấn một nắm to kẹo M&M. Hàng nhập, cực đắt.

Bà Bưởi bán hàng rong ở phố bảo tôi ca sĩ Mỹ, Michael Jackson, ngày nào cũng ngâm sữa tươi để làm trắng da. Sữa đặc không tác dụng, bà nói thêm.

Một mục nhà quê dốt nát, bà Bưởi nên tập trung vào việc bán dồi lợn hơn là ban phát những lời khuyên tân kỳ về khoa học và thẩm mỹ. Hơn nữa, bình sữa tươi đến hơn đô la. Không

thể tiêu toàn bộ số tiền Lài kiếm được vào sữa tươi. Tôi đã nghĩ đến chuyện chỉ mua ít sữa rồi dùng khăn lau lên da Tuấn những chỗ quan trọng, có lẽ chỉ cần tay và mặt. Nhưng nếu áp dụng cách trị liệu này không khéo, có khả năng lớn lên Tuấn sẽ lên loang lổ như con nhái hay nạn nhân bom Na-pan. Không đáng liêu thế.

Nhưng tôi là gì mà dám gọi bà Bưởi là nhà quê dốt nát? Vênh váo quá. Tôi nên gãi những vết sẹo trên mặt đến rớm máu để tạ lỗi vì đã phát biểu thế. Hãy chỉ cho tôi xem một người Việt, thậm chí những kẻ quý tộc nhất, au corant, c'est moi, có ai cách đây một thế hệ, cùng lắm là hai, mà không là dân quê dốt nát?

Đấy, chính các vị có thể cũng chỉ là thứ nhà quê dốt nát. Có lẽ mới sáng nay còn chống mông cấy lúa, bùn ngập tận gối. Chẳng có gì phải xấu hổ cả. Chưa bao giờ xơi kẹo M&M hay mua giấy đi cầu cũng chả sao.

Phải tự hào mình là con người tự nhiên, *au naturel, parlez-vous Francais*, bỏ quá cho tiếng Tây của tôi, như một con diệc hay con trâu. Phải tự hào mình là cả kho tàng ca dao tục ngữ mà dân thành phố chả biết gì. (Nói như lão Trương, Hà Nội ngày càng giống New York và khác với phần còn lại của Việt Nam). Nếu tôi coi các vị không ra gì, các vị có thể thử tôi một bụng đầy ốc sên hay đặt cả con vịt sống vào đấy. Giang nắng cả ngày, chống mông cấy lúa, thì phải trắng kiện, khùng khùng một chút, da rám đen. Theo kinh nghiệm của tôi, màu da không bất biến mà thay đổi. Màu da là cái quái gì nếu không phải chỉ là những con vi khuẩn có thể tẩy sạch bằng hóa chất thích hợp?

Khi tôi đề nghị mở thẩm mỹ viện, Lài có vẻ cực kỳ bối rối, thậm chí hoang mang. Khi bức mình điều gì, môi Lài hơi trề ra như thể sắp phải hôn người nó không thích. Nó ngửa đầu, mắt chớp nhanh. Ôi *jolie laid*, Lài của bố. Tôi trấn an: “Đừng lo, đừng lo, bố hứa sẽ chẳng bao giờ chường mặt ra tiệm đâu”.

“Bố nói gì thế”? Nó phản đối, ngửa đầu, mắt chớp nhanh.

“Ấy, thì đấy là thẩm mỹ viện. Ai lại muốn trông thấy một con quái vật xấu xí?”

Sự thật là thế hệ trẻ rất ít khoan dung với những gì xấu xí, tồi tàn, thương tật hay không ăn ảnh. Tất cả những nhắc nhở về chiến tranh chỉ khiến chúng bối rối. Bản thân cuộc chiến đã đáng xấu hổ. Một tính toán sai lầm khổng lồ, chúng nghĩ thế. (Và dĩ nhiên chúng đúng, nhưng ai lại đi trách người như tôi vì tham dự chiến tranh, cứ như thể chúng tôi đã chọn lựa). Bây giờ chúng thấy người Mỹ thân thiện rủng rỉnh tiền bạc trên đường phố và không thể hình dung tại sao chúng tôi đã từng chiến đấu chống Mỹ.

Đêm đêm mất ngủ nằm trong mừng cạnh thằng cháu, tôi nhớ lại quãng đời tâm thương nhưng đau đớn của mình. Đến lúc này, năm mươi ba tuổi, tôi mới biết thế nào là đơn điệu, cũng là một thứ bình yên, nếu không muốn nói hạnh phúc. Tôi nhớ vợ tôi, nhớ bốn đêm ăn nằm. Có những người đàn ông được số phận giành cho vô số đêm yêu đương. Số phận của tôi là bốn đêm yêu đương. Thịt đâm vào thịt nhớ nhau suốt đời, thiên hạ bảo thế. Mỗi đêm mỗi khác. Một cách nào đó, việc Thế Uyển, người vợ mà tôi chẳng biết bao nhiêu, qua đời hai năm trước ngày tôi trở về từ cuộc chiến lại là điều may. Tôi đã bị hủy hoại, vô dụng, trở nên phiền toái.

Đôi lúc tôi nhớ lại những ngày ngắn ngủi ở Huế, thành phố duy nhất ngoài Hà Nội mà tôi biết; hay về vụ tôi ba hoa với một nhà báo Quân Đội Nhân Dân, bịa chuyện tôi đã dồn một xe tăng ngụy đâm vào chính lô cốt của chúng thế nào - “Ôi, giá mà cô nghe được tiếng chúng kêu thét lên”; hay vụ chúng tôi phát hiện một xe nhà binh Mỹ lật bên vệ đường với tên tài xế đã chết, và nổi vui mừng khi phát hiện thùng xe đầy thịt hộp, trái cây; hay lần tôi dẫm lên tên lính Mỹ nhưng đã không bắn nó, và chuyện đó làm tôi mất ăn mất ngủ mấy tuần liền; hay chuyện kết whisky tiểu đoàn tôi tìm được trong một căn cứ quân ngụy bị đánh chiếm.

Lúc mới ra trận, có lần tôi tưởng một dải thông lòng vắt vẻo trên cây là ruột người. Xám hồng và rỉ rỉ máu. Tôi hoảng

sợ đến nôn thốc. Khi tôi thuật lại với đồng đội, cả bọn cười âm: “Đấy là con rắn, thằng đàn”!

Thường thì đến tám giờ sáng hôm sau Lài mới về nhà. Người nước ngoài và Việt kiều thích ngủ trễ, nó bảo. Phần lớn thích trò chuyện chút đỉnh khi thức dậy, dù phải trả thêm tiền, nó nói thêm.

Dĩ nhiên tôi chẳng bao giờ hỏi Lài về công việc của nó, mặc dù đôi khi nó kể tôi nghe. Chúng tôi đã thỏa thuận là Lài không bao giờ tiếp khách ở nhà. (Có mặt Tuấn, đó là điều vô đạo đức).

Tuy vậy một đêm nhằm ngày Lài nghỉ làm, một gã Việt kiều mò đến khẩn khoản xin vào nhà. Mặc dù rất say, gã trai trẻ không tỏ vẻ thô lỗ hay hung hăng. Bàn bạc một lúc, chúng tôi quyết định, thôi, cứ cho thằng con hoang khốn khổ vào.

“Cám ơn bác, cám ơn bác lắm”, gã Việt kiều nói giọng Quảng Ngãi đặc sệt, cúi rạp như con rối, hai bàn tay múp míp chấp trước ngực.

“Chưa phải Tết, miễn lạy”!

“Cám ơn bác”!

“Cứ xem chúng tôi như người nhà”!

Thế, bốn mạng người ngủ trên hai chiếc giường trong căn nhà một phòng. Gã Việt kiều, quần áo nguyên trên người, nằm ôm Lài như thể Lài là chiếc phao cuối cùng bập bềnh trên biển Hải Nam. Cá mập trắng đang bơi lội dưới gầm giường. Hắn lằm rằm kể lể chuyện đời mình, một chuyên gia chất thải ở Miami, rồi ra đi trước lúc rạng sáng.

Gã Việt kiều đi rồi, thằng ranh con Tuấn bảo: “Bác ấy là bố con đúng không”?

Mặc dù Saigon Pull cách nhà chúng tôi đúng một sải ném đá, thường thì Lài phải mất mười lăm phút vòng quanh hồ trên chiếc Dream. Tôi luôn nhận ra nó qua tiếng sửa cuống cuống của con chó cái Pekinese nhà lão Trương. Lài thường mang về món gì đó mua ở chợ, khi thì xôi lạp xưởng, bánh mì pa-tê, khi thì bún thịt nướng. Thỉnh thoảng nó mang về tờ báo hay tạp chí ngoại quốc.

Mặc dù thích tất cả những bức ảnh tạp chí, thậm chí những bức ảnh kỳ quặc - như ảnh một phòng tắm trong quảng cáo xà phòng, hay ảnh một đầu hươu lông lá treo bên trên lò sưởi - hấp dẫn tôi nhất vẫn là những bức ảnh thẩm họa: ảnh chiếc xe đua bốc cháy, cuộc nổi loạn, một người bị còng tay. Thế mới biết người ngoại quốc cũng đau khổ, ngay trên đất nước họ, không như những người ngoại quốc đến đây, năm 1995, không biết đau khổ là gì.

Trên bìa tờ *Bangkok Post* tuần trước có tấm ảnh chụp người đàn ông đội beret đỏ, quần khaki, áo thun trắng, chĩa khẩu SA-93 của Bulgary vào một người đàn ông khác nằm trên đất, trần truồng, chỉ mang đôi tất xanh. Tôi đã nhìn thấy chiến tranh, nhưng chưa bao giờ thấy một hoạt cảnh trần trụi đến thế. Chẳng rõ ở nước nào. Cả hai người đàn ông đều da đen nên có lẽ ở Phi châu. Người đàn ông trần truồng che hạ bộ bằng một tay, tay kia cố gắng ngăn cái chết không tránh được. Một chiếc tất tuột lủng lẳng nơi chân. Cạnh đó, năm thiếu niên núp sau bức tường chứng kiến màn trình diễn công cộng với những đôi mắt dè chừng.

Tôi chỉ giáp mặt người da đen duy nhất một lần. Trong cánh rừng gần Pleiku. Chúng tôi vừa phục kích một toán tuần tra Mỹ và đang thu gom chiến lợi phẩm từ những xác chết trước khi trực thăng đến. Tôi dẫm lên một khúc cây đổ bên trên vật gì mềm mềm. Một cái gì rên rỉ dưới chân. Đó là một tên lính da đen bị thương khá nặng, máu me đầm đìa nhưng còn tỉnh táo, cánh tay phải đã văng mất. Đến tận bây giờ tôi vẫn còn nhớ khuôn mặt tên lính: hấn có những mụn nhỏ kỳ quặc phía dưới má và chòm râu dê thưa thớt. Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt đang nhìn tôi trừng trừng. Không có ai gần đó. Tôi tiếp tục bước đi.

Khi Tuấn sinh ra, tôi lập tức nghĩ đến tên da đen tôi đã không giết. Trò đùa luân hồi: mày đã thích thằng da đen trước kia, thì đây, giờ cho thêm một đứa. Tôi cười như điên trong bệnh viện đến nỗi mọi người tưởng tôi điên.

Chuyện đó làm phiền tôi suốt mấy tuần, chuyện tôi đã không, không thể, bắn tên lính. Tôi là một thằng lính thế nào khi không kết liễu kẻ thù?

Nhưng khuôn mặt đó cứ trở đi trở lại, khuôn mặt không biểu hiện sợ hãi hay thách thức, với những mụn nhỏ dưới má và chòm râu dê lưa thưa. Nếu có biểu hiện nào, chỉ là sự bối rối. Như thể hắn vừa thức giấc và ngạc nhiên thấy tôi đứng bên cạnh. Một phản ứng khá nữ tính, tôi kết luận, để cảm thấy bối rối sau khi bị xâm phạm. Rõ ràng hắn đã bị tôi bắt gặp trong tình trạng tổn thương, nhưng tôi cũng vậy. Như thể bước vào nhà xí không gõ cửa và bắt gặp hắn đang ngồi chồm hổm trên lỗ xi măng. “Xin thứ lỗi, thưa ông”. Nhưng tại sao hai chúng tôi đã ở trong cánh rừng tan hoang đầy muỗi vào một buổi chiều mùa hè nóng không tưởng tượng được? Hắn với một cánh tay đã mất và người vùi trong bùn? Còn tôi với hai chân sắp sửa bị thổi bay đi mãi mãi?

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Saigon Pull*)

Thị Trấn Cổ Quan Tài Bí Ẩn

Châu thổ sông Hồng là một trong những khu vực có mật độ dân số cao nhất thế giới: suốt hàng trăm dặm vuông làng mạc san sát, thị trấn nối tiếp nhau, mỗi mẫu đất hiện hữu (và không hiện hữu) đều được cấy cấy. Lý do đó càng khiến Nội Yên là một chốn kỳ lạ. Nằm ngay trung tâm châu thổ sông Hồng, cách Hà Nội đúng 50 dặm, phố huyện này gần như hoàn toàn bị bỏ hoang. Tôi đi qua Nội Yên một lần, vào tháng Chín hay tháng Mười năm 1998, và không bao giờ muốn trở lại.

Rời thị trấn đông đúc, phát đạt Hùng Chấn, vượt qua con sông hẹp hôi thối, tôi kinh ngạc khi lần đầu tiên giáp mặt sự vắng vẻ, hoang phế của đường phố Nội Yên. Toàn bộ những ngôi nhà và cửa hiệu đều đóng cửa. Nhiều ngôi nhà có vẻ bị phá phách và bỏ hoang, không người ở, một hiện tượng chưa từng nghe nói đến ở Việt Nam, nơi thậm chí những lô cốt xây từ thời Pháp cách đây nửa thế kỷ cũng biến thành chỗ cư ngụ. Dấu hiệu sự sống duy nhất ở “phố chợ” Nội Yên là khoảng một tá ăn mày và người bán hàng rong, hầu như chẳng bán gì cả, tụm lại trong bóng râm trước nhà bưu điện không bao giờ mở cửa. Trong số họ, một đứa bé khoảng mười tuổi, cố gắng đuổi theo xe chúng tôi, tay vẫy vẫy nắm vé số. Chúng tôi bỏ nó lại phía sau trong đám bụi mù.

Ra khỏi phố chính, tôi càng kinh ngạc vì vẻ hoang hoá của những cánh đồng. Suốt hàng dặm đường, không hề thấy bóng trâu bò, gà chó, hay chim chóc. Những cánh đồng bỏ

mặc cho cỏ và hoa dại, cách vài thước lại có một hố đất đào xới cầu thả. Hàng trăm hố như vậy. “Chỗ này trước kia là bãi chiến trường à”? tôi hỏi tay tài xế, rồi nhận ra đó là câu hỏi thừa, vì suốt đời tôi chưa bao giờ thật sự thấy bãi chiến trường. “Không”, tay tài xế trả lời ngắn gọn, nhấn ga vọt nhanh. Thấy tôi có vẻ hơi bức, y nhanh chóng nói thêm: “Tôi sẽ kể anh nghe về Nội Yên khi chúng ta tới thị trấn kế tiếp”.

Tối đó, trong bữa ăn và sau khoảng hơn một tá chai bia Hà Nội, hấn giải thích: “Nội Yên bị bỏ hoang cả chục năm nay. Không ai sống ở thị trấn bị ếm đó. Có nhiều giải thích, nhưng giải thích thuyết phục nhất, và vì thế có tính sự thật cao nhất, là câu chuyện về một cỗ quan tài rỗng”.

“Quan tài rỗng”?!

“Vâng. Khoảng mười lăm năm trước, một vụ xung đột xảy ra giữa Nội Yên và Hùng Chấn, và người Hùng Chấn đã ếm đất Nội Yên, vì vậy ngày nay không ai sống ở đấy nữa”.

“Xung đột vì chuyện gì”?

“Tôi cũng không rõ, hình như một gã trai Nội Yên hiếp dâm một cô gái Hùng Chấn, hay ai đã làm nhục ai đấy, hay người ta thiếu nợ không trả, mà cũng có thể vì Nội Yên đã thắng Hùng Chấn một trận bóng bằng cách hối lộ trọng tài”.

Sự lơ mờ của nguyên nhân vụ xung đột khiến tôi khá bức mình, nhưng tự nhủ cũng chẳng quan trọng gì. Có quá nhiều lý do, tất cả đều hợp lý, dĩ nhiên, khiến người ta quyết định trả thù nhau.

Gã tài xế nói tiếp: “Khi vụ xung đột giữa hai làng bắt đầu, xảy ra hàng loạt cái chết kỳ lạ ở Nội Yên. Người ta cứ lần lượt ra chết trong khi đang làm việc. Như tôi đang ngồi trong quán trò chuyện với anh đây, không báo trước gì, cứ thế lần ra đất chết tốt”.

“Có bao nhiêu cái chết kỳ lạ như thế”?

“Hàng trăm”!

Tôi liếc tay tài xế nghi ngờ. Cùng lắm là bốn năm trường hợp đau tim, động kinh, hay ngộ độc. Sao người mình thích phóng đại thế.

Nói về chuyện ngộ độc thực phẩm, tôi nhớ tối hôm đó đồ ăn cũng thật đáng sợ. Chúng tôi gọi mì, tôi mì hải sản, gã tài xế mì gà. Cô phục vụ mỉm cười vui vẻ, vào bếp, vài phút sau trở ra với hai tô mì giống hệt nhau lồng bóng mấy miếng thịt lợn thiu thái mỏng. Đó là chuyện thường gặp khi du lịch đến những nơi khỉ ho cò gáy: hoặc sẽ được ngạc nhiên với những đặc sản địa phương giá rẻ như cho, hoặc phải trả giá đắt cho những thứ rác rưởi.

Gã tài xế nốc cạn ly bia, bọt dính đầy mép, nói tiếp:”Vâng, hàng trăm người chết mỗi tháng, mỗi ngày có đến chục đám tang, chẳng ai chứng minh được là người ta chết vì Hùng Chấn đã bị ếm. Nhưng cũng chẳng có giải thích nào hợp lý hơn. Trước vụ xung đột, chẳng ai chết cả”.

Gã tài xế tạm dừng để tìm một chai bia khác trong thùng nước đá, có lẽ chai thứ tám hay chín:”Người Nội Yên biết là có một vụ ếm, nhưng không biết rõ ếm thế nào, nên không tìm được cách giải. Nhưng rồi có lẽ vì lòng thương hại, cuối cùng có người Hùng Chấn mách là người ta đã chôn một cỗ quan tài rỗng ở Nội Yên. Vì thế mà nhiều người chết. Cỗ quan tài cần xác chết, và chừng nào chưa có một cái xác thật đặt vào đấy, người Nội Yên sẽ tiếp tục lăn ra chết”.

“Thì ra có nhiều hố đào trên đồng là vậy”?

“Vâng, vâng. Người Nội Yên biết là có một cỗ quan tài rỗng trong vùng, nhưng không biết đích xác chỗ nào, nên cứ phải đào xới tung lên”.

Câu chuyện cũng có lý, tôi nghĩ. Ai cũng biết khi ế ẩm, để bán được hàng, chủ nhà hòm thường chui vào ngủ bên trong cỗ quan tài như để đề nghị một cái chết đến quỷ thần. Rõ ràng cỗ quan tài khi ở trên mặt đất chỉ là cỗ quan tài, nhưng khi được chôn xuống đất nó cần xác chết.

“Thế họ không tìm được cỗ quan tài à”?

“Tất nhiên là không. Thế nên họ mới phải bỏ thị trấn ra đi. Bí quá, người ta thậm chí đã mời một ông sư nổi tiếng tận Hà Nội về tìm cỗ quan tài, nhưng không ăn thua. Ông sư tuyên bố cỗ quan tài lẫn tránh ông ta”.

“Anh bảo ‘lẩn tránh’ nghĩa là sao”?

“Cỗ quan tài di chuyển dưới đất để tránh bị phát hiện”!

“Thế mà tôi cứ tưởng cỗ quan tài mong được phát hiện, để người ta cho nó một cái xác”.

Gã tài xế im lặng vài giây. Có lẽ sau cùng tôi đã bắt bí được hắn, tôi nghĩ. Nhưng gã tài xế nói tiếp: “Anh biết nhé, một cỗ quan tài cũng không khác một ả đàn bà lấm đầu. Nó muốn thân xác đàn ông nhưng lại làm ra vẻ không muốn. Nó không muốn có thai”!

“Ông sư nói thế à”?

“Không, tất nhiên sư thì biết gì về đàn bà. Là tôi suy ra thế”.

Vâng, một cỗ quan tài giống cái, đóng bằng gỗ rẻ tiền tại nhà, một cách bí mật và vội vã, đã được chôn xuống đất, khao khát cơ thể lạnh lẽo của bất cứ đàn ông, đàn bà hay con trẻ, nhưng lại từ chối lời tụng kinh được trả tiền của một thầy tu giả hiệu.

“Nhưng có thể đơn giản là chẳng có cỗ quan tài rỗng nào dưới đất cả”?

“Tất nhiên phải có. Đây là nguyên nhân khiến người ta chết”.

“Nhưng không phải ai cũng bỏ đi. Chúng ta thấy cả chục người gần nhà bưu điện sáng nay. Sao những người đó vẫn không chết”?

Gã tài xế nhìn tôi với đôi mắt vẫn đỏ những tia máu. Lúc này gã đã say khướt và sẽ đâm xe vào chiếc ô tô tải hay gốc cây đầu tiên nào ngay khi chúng tôi lên đường. Tôi biết hắn là tay nát rượu trước khi thuê, nhưng chiếc xe của hắn, một đồng sắt vụn Liên Xô, không thể kiếm đâu rẻ hơn được. Có vẻ như chúng tôi sẽ phải chen nhau một chỗ nằm trong cỗ quan tài rỗng tối nay.

“Thưa ngài, tôi không hề thấy bóng một người nào ở Nội Yên sáng nay. Thậm chí chó cũng sợ phải sống trên mảnh đất bị ếm đó. Những người đã bỏ đi thậm chí không dám quay lại quá nửa ngày để chăm sóc mồ mả thân nhân. Nếu anh thấy cả

chục người hôm nay thì đích thị họ là ma. Mà anh thấy họ đang làm gì”?

“Xin ăn và bán hàng rong”.

“Thế là rõ. Họ phải là ma, bởi vì chẳng ai lại điên đến nỗi ăn mày hay bán hàng rong trong một thị trấn bỏ hoang”.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *The Town of the Hidden Coffin*)

Tỉnh Trưởng Tỉnh Cực Bắc

Nếu quả thật tính cách quốc gia được thể hiện qua chính phủ, thì chúng tôi phải là những kẻ thiếu trung thực và trì độn nhất thế giới. Nói gì thì nói, chúng tôi là dân mê tín hạng nhất. Như những kẻ mê mông muội hoặc tâm thần phân liệt, chúng tôi nhìn thấy điềm báo khắp nơi. Chúng tôi tin rằng thế giới là một đàn xen của những nhân quả có thể được giải mã bằng phép thuật và trực giác. Giả dụ mười một đám mây giăng hàng trên trời và đội bóng của chúng tôi thắng trận, hai hiện tượng hiếm có này nhất định phải liên hệ với nhau. Chúng tôi nghi ngờ mọi khoa học.

Tuy vậy, vốn là người lý trí, một luật sư và môn đệ của Cicero, tôi có thể tách mình ra khỏi sự điên loạn chung của đồng bào tôi. Tôi không tin khi giết rắn, phải đập nát đầu rắn để khỏi bị cắn ba ngày sau. Tôi không tin khi khâm liệm, các nút áo phải được tháo ra để người chết có thể siêu thoát. Tôi cũng không tin làm tình bằng miệng sẽ khiến mất trí nhớ tạm thời. (Nghe nói gái làm tiền xứ tôi không ngại “thối kèn” vì họ muốn tạm thời mất trí nhớ). Dù sao người ta cũng không thể hoàn toàn thoát khỏi những đặc tính dân tộc. Vài trường hợp xảy ra đã cho tôi thấy quả có những sự kỳ bí. Ví dụ chuyện này. Xảy ra cách đây chín năm:

Trong một tiệm ăn Tàu dưới phố tên Thanh Phong, sau bữa ăn, tôi mở tờ báo và nhìn thấy khuôn mặt mỉm cười của ba tôi. Trong bộ đồ vét may vụng, ông đang chuẩn bị cắt băng

khánh thành tại buổi lễ nào đó. Liếc qua hàng chữ chú thích, tôi nhận ra đây là viên tỉnh trưởng một tỉnh cực bắc. Tuy vậy, ông ta giống ba tôi một cách kỳ lạ, đến nỗi tôi quyết định cắt tấm hình để tối về khoe ba tôi. Hành động này khẩn thiết đến độ bằng một giọng thô lỗ, tôi yêu cầu người bồi mang ngay cho tôi chiếc kéo.

Khuôn mặt viên tỉnh trưởng giống ba tôi từng chi tiết, từ chiếc răng mẻ đến hàng chân mày mọc lệch. Ông thậm chí mang cùng chiếc cà-vạt điểm hoa mà ba tôi yêu thích. Cha con tôi sẽ tha hồ cười vì tấm hình này, tôi nghĩ, trong khi sốt ruột đợi người bồi mang ra chiếc kéo.

Mặc dù không phải lúc nào quan hệ cũng nồng ấm, cha con tôi khá hòa thuận và thương yêu nhau. Tôi trở nên rộng lượng hơn khi ông ngày càng phụ thuộc vào tôi. Dần dà tôi học cách tha thứ tất cả những cay nghiệt mà ông đã làm chúng tôi tổn thương khi còn là chủ gia đình. Ông từng bắt vợ con ăn chay trường cho đến khi ông quyết định ăn thịt. Rồi thì tối nào ông cũng bắt chúng tôi ăn thịt heo. Ông cấm tôi có bạn gái cho đến năm tôi hai mươi một tuổi. Tôi thậm chí cố quên rằng ba tôi từng có nhiều bồ bịch, chuyện làm mẹ tôi rất nhục nhã khi còn sống.

Ba tôi cũng đã không ngừng nhồi sọ chúng tôi bằng cả triệu thông tin vô dụng. Mỗi khi cả nhà ngồi lại, ba tôi thốt ra những câu kỳ quặc: “tụi mày có biết là Leonardo da Vinci viết ngược không”?, hoặc, “lông voi có thể làm tấm xà răng đó”!, hoặc, “nếu gấu trúc sinh hai con, nó sẽ nuôi một con, bỏ một con cho chết”, hoặc, “cờ của Indonesia và Monaco y hệt nhau”. Ông đơn giản cho rằng tất cả những gì ông biết hoặc quan tâm đều ăn nhập đến hạnh phúc người khác. Thói tự phụ đó có lẽ cũng thường tình.

Nhưng như tôi đã nói, chúng tôi hòa thuận và thương yêu nhau. Chúng tôi cũng có vài sở thích chung. Cả hai đều ghiền bóng đá và có mặt ở sân vận động không sót trận quan trọng nào. Ba tôi như một tay thợ chữ hay chế ra những câu đáng nhớ mô tả các cầu thủ yêu thích. Một trung vệ được ông cho

là “lầm lì mơ mộng như người chạy marathon”. Ông khen tay thủ môn quốc gia “chăm chú lắm bầm như thằng cử tạ”. Còn với đội khách, ông thích la ó giễu cợt.

Thỉnh thoảng chúng tôi cũng đánh cờ hoặc nhấm nháp chút cognac buổi tối.

Điểm mà chúng tôi không có gì chung là vẻ bề ngoài. Vài người bà con thậm chí nghi ngờ tôi là con hoang. Đồn đại ngờ ngẩn. Mẹ tôi là người tuyệt đối chung thủy.

Lúc người bồi trở ra, tôi nôn nóng giằng chiếc kéo từ tay hắn. Bất chấp vẻ khó chịu của tôi, tay trẻ tuổi không bỏ đi mà đứng nhìn tôi cắt tấm hình. Hắn thậm chí hỏi, “ông biết người này, thưa ông”?

Có thể vì đang bị quan sát, tay tôi run run khi cắt tấm hình. Tôi cảm thấy hơi nhức đầu và mờ mắt. Tay bồi bàn có vẻ khoái trá vì vẻ bồn chồn của tôi, hắn thậm chí bắt đầu huýt sáo. Ngay khi cắt xong tấm hình, tôi nhận ra điều này: bằng cách cắt phiên bản ba tôi từ tờ báo, tôi đã mang ông ra khỏi thế giới. Tôi vừa phạm tội giết cha. Tay bồi chộp chiếc kéo trong tay tôi quay ngoắt đi. Trong một thoáng, tôi nghĩ hắn sẽ gọi cảnh sát. Về đến nhà, quả nhiên tôi tìm thấy ba tôi nằm chết trên ghế sofa.

Nhân viên điều tra kết luận ba tôi chết trong khoảng từ năm đến sáu giờ chiều, đúng thời điểm tôi ngồi trong tiệm ăn. Trong thăm sâu, tôi biết tôi là kẻ giết người. Nhiều năm sau, tôi vẫn thường mơ thấy bị cột vào ghế điện. Tôi cũng mơ thấy ba tôi bước qua cánh cửa xoay, hay ngồi ở phòng đợi sân bay, hút xì-gà. Nhưng làm thế nào tôi có thể cưỡng lại được ý muốn cắt tấm hình ra khỏi tờ báo khi chính nhân vật trong tấm hình đã gợi ý tôi làm chuyện đó bằng cách cầm một chiếc kéo?

Trong cơn tuyệt vọng cố gắng xóa bỏ mặc cảm tội lỗi, tôi nghĩ ra cách giải thích khác: vì một người không thể ở hai nơi cùng lúc, ba tôi phải chết trước khi tôi cho ông xem tấm hình. Ngược lại, nếu tôi cho viên tỉnh trưởng xem hình của ba tôi, ông tỉnh trưởng sẽ phải chết.

Sau cùng, tôi quyết định, cái chết của ba tôi không phải một vụ giết người, mà là tự tử, hay ít nhất tự tử được trợ giúp. Chán chường, say sưa, và đau yếu, ông muốn chết nhưng không đủ can đảm tự kết thúc. Ông cần tôi giúp. Nhưng vì không thể trực tiếp yêu cầu tôi chuyện này, ông đã làm cho bức ảnh viên tỉnh trưởng tỉnh cực bắc xuất hiện trên trang báo, nhằm dụ dỗ tôi giết ông.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Our Northernmost Governor*)

555

Gói 555 trên bàn tổ giác tất cả.

“Tao mời tay đó một ly, Fergie”, tôi nói, chỉ tay về phía người đàn ông cau có đang ngồi cạnh máy tính tiền, gói 555 trước mặt. Đó là một chiều thứ Bảy mùa hè, phần lớn mười người khách trong bar đang hướng mặt lên tivi. Lenny Dykstra đấu với Maddux, 2-2. Hiệp ba chưa có điểm. Cả ba góc còn trống.

Suốt mười lăm năm lui tới McGlinchey, đây là lần thứ ba hay thứ tư gì đó tôi thấy người Việt. Đại Hàn có, Tàu có, nhưng hầu như không bao giờ gặp Việt Nam. Tôi bước về cuối quầy rượu ngồi xuống cạnh người đàn ông. Tôi mở lời, bằng tiếng Việt: “Tôi tên Bùi”.

“Tôi là Thanh

“Anh tới đây lần đầu hả”?

“Ừ”.

“Ở đây bán rượu khá rẻ”.

“Vấn đề không phải chỗ đó”, người đàn ông trả lời, hơi kỳ quặc. Y khoảng bốn lăm, da nâu sậm, chắc nịch, mắt nháy liên tục, tương phản với vẻ tập trung cứng đờ.

“Làm một ly”? Tôi hỏi.

“Ừ”.

“Anh uống gì”?

“Gì cũng được”.

“Anh mới uống gì xong”? Tôi chỉ vào chiếc ly thủy tinh thấp trước mặt.

“Tui không biết”

“Vậy sao anh gọi rượu được”?

“Thì tui chỉ vô ông già ngồi bên kia rồi kêu: “Giống vậy””!

“Cho hai ly Jamersons, Fergie”.

Thanh nhìn tôi, nhấp nháy. “Cậu ở đây bao lâu rồi”?

“Hồi mười một tuổi”, tôi nói, “từ 1975. Còn anh”?

“Bảy tháng”.

“Bảy tháng”!

“Nhìn nè”, anh ta há miệng, “không còn cái răng nào”.

Thật vậy.

“Sao thế”?

“Ở tù”.

“Bị rụng răng”?

“Không, bị đánh”!

“Việt Cộng”?

“Việt Cộng”.

Tôi cảm thấy buồn cười, rồi xấu hổ. Để xua đuổi cảm giác đó, tôi mời, “làm hai ly nữa nhé”?

“Lần này tôi trả tiền”.

“Hai ly nữa, Fergie”.

Tôi từng gặp một người đàn ông sau chiến tranh bị giam mười ba tháng trong cái lỗ dưới đất. Ông chui đít bằng những sợi vải rút ra từ áo khoác. Fergie quay lại, Thanh cho hắn năm đô la tiền boa.

“Vậy nhiều quá”, tôi thì thầm khi tay bồi rượu đi khỏi.

“Đã chơi thì tiền bạc không thành vấn đề”, Thanh lạnh lùng nói. Y dụi điều thuốc, đốt điều khác. Y đưa tôi một đô.

“Bỏ vô máy nghe nhạc giùm được không”?

“Anh thích nhạc gì”?

“Gì cũng được”.

Tôi bước đến máy chơi nhạc bấm Nina Simone, Patsy Cline, Sam Cooke, Dylan, bỏ qua loại nhạc grunge. Lúc quay lại, y nói với tôi: “Bữa nay mới chơi đĩ”.

“Cái gì”?

“Chơi đi ở phố Tàu”.

“Ồ”.

“Có một tiệm mát-xa ngay góc đường Eleventh và Arch. Bốn chục đô mát-xa, thêm hai mươi đô thổi kèn, hoặc năm mươi đô thay nhốt”.

“Cái gì”?

“Thay nhốt. Cậu xa Việt Nam lâu quá”.

Có lần ở Washington tôi đã trả tiền một em tóc đỏ. “Bữa nay chơi sao”?

“Tôi không chơi. Chọn trúng con nhỏ người Việt, nhưng lúc đầu không biết”.

“Thường mấy con nhỏ ở đó đâu phải người Việt”?

“Đúng vậy, toàn Đại Hàn. Vài đứa Tàu, không có Việt Nam. Mỗi tháng lãnh lương hai lần, tôi tới thăm một lần, đã năm tháng nay rồi. Mấy con nhỏ không đẹp, nhưng vui vẻ, chỗ đó cũng sạch sẽ”.

Chỗ đó sạch sẽ và em út vui vẻ. Phải dò hỏi mới tìm ra. Trên tầng hai và ba một văn phòng du lịch với những tấm posters sau cửa kính in hình Hongkong, Seoul, Ho Chi Minh city. Kế bên là một tiệm Quảng Đông có bán tẩm sấm sáng Chủ Nhật. Tầng dưới, phía trên cánh cửa kính bản thủ, bảng đèn hiệu chỉ treo một chữ Tàu màu đỏ: Phòng Tập. Sau cửa kính, chẳng thấy gì ngoài cầu thang lót thảm xanh lục. Một camera gắn trên trụ sắt nhìn dọa nạt. Bấm chuông, tay Đại Hàn canh gác sẽ nhấn nút mở cửa.

Thanh ngồi trên ghế sofa màu xanh, bồn chồn với lon nước ngọt miễn phí lùn tịt. Đang giữa trưa, nhưng cửa sổ sơn kín khiến bên trong lúc nào cũng như đêm. Ba cô gái hở hang, vừa xuống nhà sau một đợt phục vụ, dàn quân trên những chiếc ghế xếp dựa tường đối diện. Một cô che miệng ngáp. Làm việc suốt đêm, họ chỉ đợi một tiếng nữa để về nhà. Tay canh cửa Đại Hàn vạm vỡ, đồng bạc cật nhét tai, miệng nhai tằm, ngồi ở quầy lau đi lau lại khẩu 22 ly. Thanh không

hài lòng với hàng họ trước mặt, hai người khách bên cạnh cũng vậy. Ngồi cùng sofa với Thanh là tay đầu bếp tiệm Ho Sai Sai, đồng phục trắng ố vàng vệt dầu mỡ. Trên ghế mềm bên trái, một tay có khuôn mặt trẻ con, khá điển trai, khoảng hai mươi hai. Hắn không dựa ra sau mà gập người về trước, cánh tay đặt trên đùi. Thỉnh thoảng hắn hít hít, quẹt mũi bằng mu bàn tay. Người hắn toát mùi bia. Thanh tự hỏi, *sao một thằng nhóc như vậy phải mò vô động trả cả trăm đô để chơi? Sao nó không tìm được bồ?* Một cô gái bước vào: thấp, vú nhỏ, khuôn mặt hồng ngây thơ, mặc váy ngủ lụa xanh. Cô mỉm cười. Trong khi tay đầu bếp và thằng mặt trẻ còn do dự, Thanh đứng dậy, gật đầu, tiến lại quây. Y móc ra bốn mươi đô, cởi giày, theo cô gái lên lầu. Cô gái dẫn y qua hành lang, dừng ngang tủ đựng khăn, nhặt một khăn tắm trắng. Những động tác diễn ra lặng lẽ, gần như không đối thoại, rất hợp ý Thanh. Y không bao giờ chọn một cô gái hai lần. Ý tưởng chơi một cô gái hoàn toàn xa lạ có vẻ hợp đạo đức. Không cần vờ vĩnh – y thích điều đó - chỉ chung đụng.

Căn phòng gồm giường nệm lớn và chiếc ghế dùng vắt quần áo, thấp sáng bởi bóng đèn đỏ. Có vòi sen, nhưng không có bồn cầu. Thanh nhanh chóng cởi áo thun, quần jeans, bước vào phòng tắm. Cô gái thử tay dưới vòi nước nóng, xoay nút điều chỉnh. Nước hơi nóng quá, nhưng y chẳng nói gì. Vẫn mặc váy ngủ và quần lót, cô gái đứng né sang bên chà xà bông lên thân thể ướt nước của Thanh. Cô gái kỳ cọ Thanh bằng một miếng bọt biển lớn, dừng lại lâu hơn quanh bộ phận sinh dục. Cô ta làm việc này hiệu năng và máy móc, như người ta rửa xe, như mẹ tắm con, Thanh thật sự cảm động vì sự chăm sóc. Y ngắm cơ thể nhỏ bé, và nhớ lại chuyện xảy ra tối qua: ai đó trên một chiếc xe chạy ngang đã ném trứng vào y. Quả trứng rơi ngay chân, lòng trứng văng đầy giấy. Y chỉ kịp nhìn thấy đứa con gái tóc vàng trong xe. Nó la to câu gì đó.

Cô gái tắt nước, lau khô người Thanh, cầm tay y dẫn lại giường. “Phải ngủ chút”, cô nói. “Thức cả đêm qua. Ngủ năm phút rồi làm”.

Cô nằm úp người, nhắm mắt, mặt quay vào trong. Thanh cương cứng, nằm xuống bên cạnh. Y muốn gỡ tóc cô gái nhưng không dám. Y nhìn chăm chú chiếc quần lót trắng chuyển màu hồng dưới ánh đèn, rồi quyết định lột nó xuống. Cô gái giằng lại. “Lạnh đấy”!

“Đụ mẹ”, Thanh chửi.

Cô gái quay người, cau mặt, “Anh người Việt”! Cô nói tiếng Việt.

“Cô cũng vậy”.

Y quơ chiếc khăn che hạ bộ vừa bắt ngờ xù xuống.

“Anh tên gì”?

“Thanh”.

“Còn em”?

“Hương”.

“Tên thật là gì”?

“Thì tên thật đó”.

Cả hai cười. Mặt cô gái sáng lên.

“Em mấy tuổi Hương”?

“Tại sao tui phải trả lời”?

Hương trông khoảng mười bảy. Thanh nói: “Còn đi học không”?

Hương gật đầu.

“Em làm gì ở đây”?

“Chớ anh nghĩ tui đang làm gì”?

“Em nên ở nhà đi học”.

Hương nhìn Thanh, không biểu lộ cảm xúc. Bằng hai động tác nhanh nhẹn, cô cởi áo ngủ, tụt quần lót. “Làm cho xong đi”, cô nói, “tui còn phải về”.

Thanh vẫn bất động, khăn tắm che hạ bộ. “Em học môn gì”?

Hương bắt đầu khó chịu: “Năm phút nữa tui phải xuống nhà dưới”.

“Anh không muốn chơi”, Thanh nói, “nhưng sẽ trả em tiền giờ”.

Hương tươi tỉnh. “Tui học lịch sử, sinh vật, Anh văn, Pháp văn”.

“Chia động từ *être* nghe coi”.

“Bộ anh tưởng tui ngu sao”.

“Anh cho thêm năm chục đô nếu em chia được động từ *être*”.

Hương mím môi kinh ngạc. Cô suy nghĩ một lúc rồi nói, “tui sẽ chia động từ *être* nếu anh hứa không bao giờ tới đây nữa”.

“Tại sao”?

“Tại tui không bao giờ muốn gặp lại anh”.

“Được rồi”.

“Je suis”, Hương thốt ra, bực bội, nhấn từng trọng âm, “*Tu es. Il est. Elle est. Nous sommes. Vous êtes. Ils sont. Elles sont*”.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh 555)

Tới Nơi Đã Ngủ

Tôi khoái kẹp khẩu M16 dưới nách nhả đạn vào kẻ thù. Tôi thấy chúng ngã ngửa, như đang chiếu chậm, hất khỏi mặt đất, dưới lực đẩy của đạn. Chết, Việt Cộng, chết! Ngày nào tôi cũng thấy chúng trên báo, đặt nằm sắp lớp, vài tên quần áo tả tơi, chân tay vắt vẻo kỳ cục. Tôi nhìn phần háng lộ ra, nhìn những chân trần (Tôi không thể làm khác hơn: mỗi lần thấy hình hở hang, tôi nhìn háng trước, rồi mới đến mặt, nếu muốn nhìn mặt.) Vũ khí tịch thu được xếp ngay ngắn bên cạnh. Lính mình đứng nghiêm chỉnh phía sau, quần áo thẳng nếp, mang giày. Tôi ước có đôi giày đen cao cổ. Quốc ca chúng tôi bắt đầu thế này:

*Này công dân ơi, quốc gia đến ngày giải phóng
Đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì xương máu...*

Tôi sẵn sàng hy sinh xương máu cho tự do dân chủ.

Bố tôi là đại tá cảnh sát. Ông chỉ trình diện trước tổng thống Thiệu, phó tổng thống Kỳ, thủ tướng Khiêm, và xếp trực tiếp của ông là tướng Loan. (Phải, tướng Loan người bắn tên Việt Cộng trên Tivi. Tên Việt Cộng nằm vùng đã giết nhiều người ngày hôm đó. Hắn mặc áo ca-rô.) Tướng Loan là nhân vật nổi tiếng bên Mỹ và bên Tây. Tôi hãnh diện bố tôi có một ông xếp lừng danh như vậy.

Việt Cộng giết hai chú bác tôi: chú Bảo và bác Hiệp. Họ giết ông ngoại tôi. Họ chỉ biết giết. Giết! Giết! Giết! Họ sinh ra để giết. Tổng thống Thiệu nói: “Đừng nghe những gì Cộng Sản nói, hãy nhìn những gì Cộng Sản làm”.

Bố tôi xuất thân nông dân. Ông quen kiểu quê mùa. Mặc dù nhà có cầu tiêu giạt nước, ông thường quên đóng cửa mỗi khi đi cầu. Nếu ai bất ngờ vào nhà, có thể bắt gặp ông trong tình trạng ngồi ỉa cửa mở toang hoác.

Bố tôi khuyến khích tôi vẽ. Ông nói, “Vẽ đi, khá đấy”! Ông đưa tôi bao thư lớn màu nâu, “Nhớ cất mấy bức tranh vào đây”.

Tôi vẽ đi vẽ lại vài thứ. Mấy tháng trước tôi vẽ cạp. Tôi vẽ đi vẽ lại cạp. Rồi tôi vẽ cao bồi mang súng, mặc áo ca-cô, áo khoác da. Tôi vẽ xe tăng, chiếc này qua chiếc khác. Tôi vẽ tàu thủy.

Một chiếc tàu lớn mắc cạn ở Vũng Tàu, mũi đâm vô cát, đuôi chống ra biển. Trong bụng con tàu mắc cạn khổng lồ, phải có cả ngàn con cá chui vào qua những lỗ rỉ giờ đây kẹt không thoát ra được.

Lần nào nhìn biển tôi cũng nghĩ, *Đó, chỉ cần quá tầm nhìn là nước Mỹ. Nếu trái đất không tròn, thế nào mình cũng thấy nó.*

Trái đất chia làm hai mươi bốn múi giờ.

Đi về hướng đông, mất giờ. Đi về hướng tây, thêm giờ.

Đi hướng đông thiệt xa, mất nguyên ngày. Đi hướng tây thiệt xa, được thêm nguyên ngày.

Tiếp tục đi về hướng tây sẽ trở lại điểm khởi hành hôm qua.

Chúng tôi có vài tên cho nước Mỹ, nước đẹp. Chúng tôi gọi nó là “Xứ cờ hoa”, là “Hiệp chủng quốc”.

Ngôi nhà cao nhất Sài Gòn nằm trên đường Nguyễn Huệ. Tôi thấy nó hoài. Tôi đếm: một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một, mười hai! Hết: mười hai. Ngôi nhà cao nhất Việt Nam mười hai tầng.

Tôi biết năm thứ tiếng. Ngoài tiếng Việt, tôi biết tiếng Pháp: “Foo? Shoo tit shoo? Lơ, La, Lơ, La”!; tiếng Tàu: “Xí xon, Xón xì”!; tiếng Anh: “Well well”?

Từ khó phát âm nhất trong tiếng Anh là “the”.

Khi người ta nói “tôi đi mua một căn nhà”, nó có nghĩa gì? Ý tôi muốn nói, làm gì có tiệm lớn đủ chứa mấy căn nhà? Thậm chí một nhà? Và mua rồi thì làm sao mang nhà về nhà?

Mặc dù rồng có bốn chân, thỉnh thoảng tôi vẽ thêm hai chân.

Tam vô của Cộng Sản là: Vô thần! Vô tổ quốc! Vô gia đình!

Khi bố tôi và tôi bước vào tiệm ăn Tàu – tiệm sang trọng có bán heo sữa và súp yến - chúng tôi thấy mẹ tôi đang đi ra với chồng mới của bà. Ý tôi là, bố tôi vừa mở cửa kính, thấy ngay mẹ tôi đứng đó, với ông chồng mới.

Trong xóm có một ông trung niên người Anh. Ông hay đi lòng vòng, lưng hơi gù – khi mình cao quá, phải gù một chút – mặc áo vải xanh nhạt (bốn túi), quần xám, cặp da. Mắt ông sâu hoắm màu nâu lục, mũi như vây cá mập. Ông lấy vợ Tàu và không nói được tiếng Việt. Mỗi lần gặp ông, tôi nói, “Well well”?

Nếu không có Việt Cộng, chắc chúng tôi nhắm bắn người Tàu. Xóm tôi nhiều Tàu. Họ có trường riêng và thích chơi bóng rổ. Có bài hát này:

*Lõ dít ba Tàu thằng nào cũng như thằng nấy
Thằng nào dơ dáy tổng cổ nó đi về Tàu.*

Phim Tàu số một. Tôi khoái Hiệp Sĩ Mù. Y mù và đánh nhau bằng cây kiếm giống con dao chặt thịt. Thật ra chỉ nửa cây kiếm. Không thành vấn đề: nếu có tài, mình có thể giết khối người bằng nửa cây kiếm, kể cả khi mù.

Trong một cuộn phim, Lý Tiểu Long đấu với tay da đen khổng lồ tên Kem Chà Và. Tôi nghĩ, xạo quá. Thần tượng của tôi, Lý Tiểu Long, không thể với tới để đâm vào mặt thằng này được.

Khi vẽ, tôi thường tuân theo chủ nghĩa hiện thực tuyệt đối.

Phim Mỹ tôi thích nhất là Hành Tinh Đười ươi.

Băng nhạc Mỹ hay nhất là Bee Gees. Băng nhạc Mỹ hay nhì là Beatles.

Tụi nhà quê không biết nghe nhạc Mỹ. Chúng mắc cỡ. Sợ hãi. Chỉ cần bấm nút lên là tụi nó ngơ ngác. Tụi nhà quê chỉ biết nghe cải lương.

Muốn đá đế phải làm thế này. Nhắc nó lên bằng một cọng râu, quay vòng vòng một lúc. Như vậy nó sẽ “say”. Cũng có thể giữ đế trong lòng bàn tay rồi thổi vào mặt nó.

Nhiều cây già đến nỗi cành lá trĩ xuống, trĩ mãi chạm đất nẩy thành cây mới. Những cây này, đến lượt cũng sẽ già đi,

cành lá trĩ xuống, trĩ mãi chạm đất nảy thành cây mới. Cuối cùng, người ta có cả cánh rừng kết nhau trên ngọn, cánh rừng lộn ngược, bao quanh cây đầu tiên.

Đạo Chúa số một. Những người quan trọng đều đạo Chúa. Giáo Hoàng đạo Chúa. Tổng thống đạo Chúa. Bố tôi đạo Chúa. Tất cả các thánh đều đạo Chúa. Trong trường tôi, trường Công Giáo, có nhiều đứa đạo Phật. Nếu trường tụi nó ngon, sao tụi nó học trường Công Giáo?

Phật là gì?

Tôi học trường nam Lasan Taberd, gần nhà thờ Đức Bà và quảng trường JFK, dạy bởi các cha dòng Tên. Trên quảng trường có tượng đức mẹ đồng trinh Mary tay bưng quả cầu cấm cây thánh giá nhỏ.

Tuần trước tôi lỡ làm đổ hộp viết chì màu và cha Tuấn, thầy của chúng tôi, đánh thước kẻ lên đầu tôi.

Tôi thích cha Tuấn. Có lần trước lớp cha gọi tôi là Đinh Bộ Lĩnh. (Tên tôi là Đinh Hoàng Linh.)

Đinh Bộ Lĩnh trị vì từ năm 968 đến 979. Ông là một du đảng tỉnh lẻ trước khi làm tướng, làm vua. Người ta gọi ông là Đinh Tiên Hoàng.

Phía Bắc là Tàu – nhà Tống. Phía Nam là Chiêm Thành – mọi. Trước sân điện có vạt dầu. Tội phạm bị quăng vào đấy.

Ông bị giết như sau: Đỗ Thích, một viên quan, nằm mơ thấy sao rơi vào miệng. Ông nghĩ đây là điềm mình làm vua.

Một đêm, lúc Đinh Bộ Lĩnh và con trai, Đinh Liễn, uống rượu gục say ngoài vườn. Đỗ Thích cắt cổ họ.

Quân lính đi tìm, Đỗ Thích núp trên mái nhà ba ngày đến lúc khát quá phải leo xuống kiếm nước uống.

Một nàng hầu trông thấy đi báo với tướng Nguyễn Bặc, Đỗ Thích bị đem xử tử. Xác Đỗ Thích bị chặt thành mảnh nhỏ chia cho dân chúng thủ đô.

Thủ đô là Hoa Lư.

Mọi người yêu mến Đinh Bộ Lĩnh. Có một bài thơ về Đỗ Thích:

*Ếch ngồi bờ ao
Mộng ước thành sao*

Tôi kể chuyện này với thằng bạn thân, Trường, nó nói, “Ăn luôn tót hả”?

“Có lẽ không”.

“Xương thì sao”?

“Ăn xương nhỏ thôi”.

“Sao ăn được”.

“Chặt thiệt nhỏ đem nấu hai mươi bốn tiếng đồng hồ”.

Trường cười khúc khích: “Còn cu thì sao”?

“Chắc chắn ăn luôn”.

“Mày xạo”.

Trường nói, “Con cu nhìn xấu xí, gớm quá, không tự nhiên. Sao tụi mình có cu”?

Tôi nói, “Nó xấu nhưng đàn bà khoái nhìn”.

“Không, đời nào”!

“Mấy bà khoái rờ nó nữa”.

“Ai bảo mày”?!

“Mấy bà thích bỏ nó vào miệng”.

“Mày bệnh hoạn”!

“Tao rành chuyện này”.

“Đàn bà thấy cu là gớm”.

“Mày là thằng đần”.

Trong lớp, Trường ngồi sau lưng tôi. Một lần nó nói, “Mày mới địt phải không”?

“Đâu có”.

“Sao tao ngửi thấy”?

“Mày ngửi gì kệ mày. Tao không thấy thấy”.

Một thằng trong lớp tôi có bàn tay mất hai ngón giữa. Không biết tại sao. Có đứa nói tại nó cầm lựu đạn của ba nó, lựu đạn nổ banh tay. Có đứa nói nó bị xe đụng. Có thể nó sinh ra như vậy. Mỗi lần thấy nó từ xa – ví dụ bên kia đường – chúng tôi đưa tay lên chào bằng ngón trỏ và ngón út.

Có một thằng kinh dị khác trong lớp. Da mặt thằng này giống vỏ cây và nó không thể khép miệng lại. Chúng tôi gọi nó là “Hành Tinh Đười Ừi”.

Người Mỹ đã chế một loại bom đặc biệt gọi là “bom ban”. Như đổ dầu đang sôi từ trời xuống.

Ở trường, giờ ra chơi, chúng tôi chia phe đánh lộn. Tôi có ngón độc chiêu: nhử tay phải, quay 360 độ, bất ngờ tay trái đang quay giông thẳng vào mặt đối phương – bùm! Tôi đã giông ba thằng. Tôi giông thằng Hùng mạnh đến nỗi nó bật ngửa đập đầu xuống đất – rầm! Ha, ha! Máu mũi xị ra. Người ta bế nó lên xích lô chở vô bệnh viện, nhưng tới nơi thì đã ngủm.

Chẳng bao lâu mấy thằng khác bắt chước ngón này, tôi phải chế ra ngón khác.

Quan trọng là làm sao hết dốt: chị bếp, mù chữ, có lần nói với tôi, ăn uống mỗi ngày được một giọt máu. “Nếu không”, chị nói, “máu đi đâu cho hết”?

Chị này tuy dần nhưng nấu ăn ngon. Chị biết chiên trứng trộn thịt heo, miến và hành. Người chị có mùi nước dừa. Thỉnh thoảng khi chị ngồi chồm hóm lật cải trong bếp, tôi đứng cạnh nghĩa vô ngực áo chị.

Tôi xuống nhà ăn thấy chị Lan - tên chị bếp - ngồi một mình. Chị lau mắt bằng chiếc khăn tay rồi cười với tôi. Mắt chị đỏ au. Tôi nói, “Chị đang khóc”!

“Không, không? Đâu có”.

“Mất chị đồ kia”!

“Tại tui xất hành”!

Tôi chạy ra khỏi phòng ăn, la lớn, “Chị Lan khóc! Chị Lan khóc”!

Tôi mét bà nội, bà nói, “Nó nhớ bồ đấy mà”.

Có lần khi thay đồ đi nhà thờ da cu của tôi bị kẹt vào phéc-mơ-tuya. Tôi hét, “Bà nội! Bà nội”! Bà nội chạy đến kéo phéc-mơ-tuya xuống. Đau gấp hai lần lúc kẹt cu.

Bà nội tôi ngoan đạo. Bà đi đi lại lại trong phòng khách tay lần tràng hạt lẩm bầm cầu nguyện - mấy trăm lần kinh lạy cha mấy ngàn lần kinh kính mừng - nhanh tối đa.

Tôi chỉ cầu nguyện khi bị mất đồ. Có lần tôi mất cuốn truyện tranh - cuốn Tintin - và Chúa giúp tôi tìm lại được. Chúa không nói, “Đấy, sách của con chỗ đấy”, nhưng vừa cầu nguyện xong, tôi biết ngay cuốn truyện của tôi nằm dưới chõng báo trong phòng khách.

Bà nội đi nhà thờ ngày hai lần, năm giờ sáng và ba giờ chiều. Thỉnh thoảng bà bắt tôi đi theo.

Phần chán nhất khi đi nhà thờ là nghe cha giảng đạo. Chỉ nghe vài giây là hết theo kịp. Nhà thờ cực nóng. Nhìn quanh thấy ai cũng quạt, nhiều người nhắm mắt.

Cha Dương luôn lải nhải: “Nhân đức là chính, lạc đà không thể chui vào... Ba mươi lạc đà sữa với mười lạc đà con, bốn mươi bò cái với mười bò đực, bốn mươi lừa cái và mười lừa con... Thượng Đế sẽ cho các người những trái tim bồi hồi, những bàn chân không được nghỉ... Còn nhiều trâu bò thì sao”?

Cá voi phun Jonah vào sa mạc. Giữa trưa. Mặt trời chói chang.

Jesus thương hại Jonah bèn cho ông ta giàn bầu che nắng. Jonah ngủ dưới bóng mát.

Khi Jonah tỉnh dậy, thấy mình nằm ngoài bóng mát vì mặt trời đã di chuyển.

Khi Jonah tức giận, Chúa nói, “Còn nhiều trâu bò thì sao?”

Cuối bài giảng, Cha Dương luôn nói, “Lạy Cha lòng lành, xin mang hòa bình đến mảnh đất khốn khó này”. Tôi biết sắp được về nhà.

Cha Dương đi dần đến cửa, tay lắc chiếc bình sắt vào mọi người. Đó là “nước thánh”.

Thánh hộ mạng của tôi là Martin de Porres, người da đen.

Ngoài cửa nhà thờ có nhiều ăn mày. Có lần tôi thấy bà nội bỏ tờ 200 đồng vào chiếc mũ lật ngửa của một người mù, rồi sờ soạng tự thổi lại 150 đồng.

Tôi thường nghĩ đến cưới vợ mỗi lần đi nhà thờ. Nghĩ đến chuyện bước đi giữa hai hàng ghế trước mặt mọi người. Không biết có làm nổi không. Ý tôi muốn nói, lỡ trượt té lúc đang đi thì sao?

Hôn con gái giống ăn kem. Môi nó lạnh. Răng nó lạnh.

Hôn con gái giống ăn kem với dâu tươi, hột dâu dính kẽ răng.

Bố tôi nói, “Đàn bà chẳng khác gì khi. Mình tốt với họ, họ trèo lên đầu mình”.

Có câu nói: “Ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhật, đi xe Mỹ”.

Bà nội kể đi kể lại chuyện này (thường mỗi khi chúng tôi ăn món cá): rằng thời nạn đói 1940, Nhật đang chiếm đóng,

dân làng Bùi Chu quê bà đến bữa ăn đặt một con cá gổ lên bàn, “ăn nhìn”.

Bà nội điếc một tai vì hồi nhỏ, có lần kiến bò vào tai, bà dùng que chọc thủng màng nhĩ.

Bà nội nói, “Lớn lên con sẽ làm linh mục phải không”?

Bà nội dạy tôi cột dây giày. Chuyện khó nhất trên đời là cột dây giày. Tôi không sao học được. Bố tôi quát, mặt đỏ kè, “Thằng đần! Thằng đần”!

Tôi nghĩ đến chuyện bắn bố tôi, rồi miễn cưỡng nghĩ, *Tôi không muốn bắn bố tôi*, rồi lại nghĩ, lần nữa, chuyện bắn bố tôi, rồi miễn cưỡng nghĩ, *Tôi không muốn bắn bố tôi*.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Dead on Arrival*)

Động Vật Học

Một chiều Chủ Nhật nắng đẹp, tôi và vợ ở trong sở thú. Thành phố đông đúc này không có nhiều công viên. Sở thú của chúng ta từng nổi tiếng khắp thế giới, giờ đây rất điêu tàn. Sư tử và voi đã biến mất. Hươu cao cổ đã ra đi. Hà mã cũng vậy. Chúng tôi lần lượt đi qua những dãy chuồng trống rỗng, không còn lại gì ngoài mùi đất bùn ẩm ướt. Thân đi nhưng mùi còn. Làm thế nào mùi hôi thối vẫn vương lại rất lâu sau khi những con thú đã biến mất?

Hãy nhìn con linh dương. Trông nó thật buồn bã. Xương sườn lộ ra và những vết phân dính ở chân sau. Hãy nhìn con gấu ngựa chỉ to bằng con nhím. Và cá sấu trông như cây xương rồng bị đốt cháy. Những con thú này thà chết đi còn hơn.

Nhưng chúng tôi đến đây chủ yếu vì những con đười ươi. Những con đười ươi của chúng ta vẫn rất phong độ. Lông dài rậm và óng mượt. Nhiều khách viếng thăm cho chúng chuối. Vợ tôi đặc biệt gắn bó với một con đười ươi. Nó có bộ lông màu cam sáng và khuôn mặt đen bé nhỏ. Vợ tôi quả quyết con đười ươi này khôn hơn tất cả những con khác. Trong khi vợ tôi ném chuối vào cái chuồng hôi hám, tôi ngồi cách đó vài thước trên băng ghế bê-tông đọc báo. Như bạn biết, đười ươi thường nổi khùng trước cảnh nam nữ âu yếm nhau. Ghen tương vượt chủng loại. Một lần tôi đã chọc giận con đười ươi màu cam bằng cách hôn vợ tôi trước mặt nó.

Vợ tôi yêu thích những chuyến thăm sở thú. Nó là điểm điểm mỗi tuần của nàng. Nàng trẻ con vậy đấy. Mặc dù lấy

nhau đã mười năm, chúng tôi không có con. Không như những người đàn ông khác, tôi không tìm thấy niềm an ủi trong ý nghĩ rằng đời tôi sẽ được tiếp diễn qua con cái. Tiếng lạch bạch bàn chân con trẻ không đem lại cho tôi sự thoải mái.

Nhiều người đàn ông trở thành con của vợ họ, nhưng tôi có thể cam đoan tôi là bố của vợ tôi. Xuất phát từ một tình thần trách nhiệm khá kỳ quặc, tôi khuyến khích vợ tôi đọc sách báo để trở nên tò mò hơn trước thế giới rộng lớn, nhưng nàng đã quá già để thay đổi. Vợ tôi không bao giờ chịu đọc. Ngược lại, tôi đọc cả chục tờ báo mỗi ngày. Tôi đọc báo tìm tin tội ác. Những tin tức tội ác cung cấp một thư mục về tâm lý con người, tôi tin vậy.

Một thiếu niên giết mẹ để miễn cho bà nỗi buồn phiền khi đọc học bạ của nó. Một người đàn bà ném đứa con qua cửa sổ lầu ba rồi giải thích với cảnh sát rằng, “ít nhất một lần trong đời, tôi muốn hành động dứt khoát”. Một người đàn ông giết xếp của y vì người xếp này đã tăng lương cho y quá nhiều. Gã giết người than phiền số tiền tăng lương sẽ xáo trộn sự hài hòa đời sống gia đình. “Sự thăng bằng và yên ổn là những gì tôi quý nhất”, y tuyên bố trước tòa.

Tôi muốn chia sẻ những tin tức kinh ngạc như vậy với vợ, nhưng nàng luôn ngắt lời tôi bằng những câu chuyện từ chuyến viếng thăm sở thú gần đây nhất. Một chuyện mà nàng rất quan tâm là ma cà rồng. Có nhiều lời đồn đại về ma cà rồng cái sống trên núi. Quan sát kỹ hơn người ta sẽ nhận ra ma cà rồng này thật ra chỉ là những người đàn bà có thai tâm thần hoảng loạn, ăn thần lẫn và ếch sống, sâu bọ lớn và thú vật nhỏ. Rốt cuộc chỉ vì thiếu dinh dưỡng ở vùng núi.

Trước khi bị té thang lầu, vợ tôi cũng có những biểu hiện kỳ quặc lúc mang thai. Nàng không ăn thần lẫn hay ếch nhái nhưng luôn gây sự với tôi. Nàng ném những tờ báo đi trước khi tôi kịp đọc. Nàng buộc tội tôi phát xít hay cộng sản, những khái niệm chính trị mà trí óc trẻ con của nàng không hiểu nổi. Khi trông thấy vợ nằm lẳng dưới chân cầu thang và chảy máu, tôi biết cái bào thai đã chết nhưng vợ tôi chưa chết. Nếu một

đứa con gái được sinh ra, vợ tôi sẽ đặt tên Annie. Nếu là một đứa con trai: Donny.

Mọi chuyện như vậy cũng tốt, tôi nghĩ. Trái đất này đã quá tã tời vì nạn nhân mãn. Một người nữ tu được tìm thấy trần truồng và chảy máu trong con hẻm sau tiệm thức ăn nhanh. Bà ta khai với nhân viên điều tra rằng bị hãm hiếp và bạo dâm, nhưng người ta khám phá ra bà đã tự lột quần rồi rạch mình bằng một chai vỡ.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Zoology*)

Tên Tù Với Cuốn Tự Điển

Và thế là gã trai trẻ bị ném vào tù tìm thấy trong xà-lim rỗng một cuốn tự điển nước ngoài. Thoạt tiên, trong căn phòng tối tăm, hắn không nhận ra cuốn tự điển. Hắn không thuộc thành phần trí thức và suốt đời chưa bao giờ sở hữu tự điển. Nhưng cũng không hắn dấn độn, đầu óc hắn đủ khôi hài để nặn ra những câu đùa ngay trong tình huống bi đát nhất. Hắn cũng có thể tỉnh quái đối với một số phụ nữ. Dù sao hắn không biết phải làm gì với cuốn sách gần như vô giá trị ngoài việc dùng làm ghế và gối. Thỉnh thoảng xé vài tờ chùi dít. Tuy vậy vì quá buồn chán, chẳng bao lâu, hắn quyết định giở cuốn tự điển ra xem. Giờ đây mắt đã quen với thứ ánh sáng lờ mờ lưu cữu, hắn có thể nhận mặt chữ khá dễ dàng. Tuy mù ngoại ngữ và không biết cuốn tự điển tiếng gì, đột nhiên hắn khao khát muốn học. Sự cao quý và nguyên rửa của đời hắn là khi đã định làm việc gì, hắn sẽ theo đuổi đến cùng. Cuốn sách này sẽ là thách thức cuối cùng và duy nhất mà hắn chinh phục. Tên tù bắt đầu nhặt nhạnh các từ và nghiên cứu định nghĩa. Dĩ nhiên, mỗi từ được định nghĩa bằng hàng loạt những từ mà hắn không biết. Không nản lòng, hắn mò định nghĩa những từ mới, chỉ để vấp phải những từ mù mờ hơn. Ví dụ để hiểu nghĩa từ “người”, hắn phải tìm nghĩa không chỉ của từ “nhân loại” và “nhân vật”, mà còn của “khả năng cầm nắm” và “ngón cái”. Để hiểu nghĩa “ngón cái” hắn phải tìm định nghĩa không chỉ của “ngấn” và “ngón”, mà còn của “dày”, “về”, “một” và

“cái”. Để hiểu nghĩa “cái”, hẳn lại phải mò định nghĩa của “đó”, “một”, “đồ” và “nhóm”. Suốt ngày một mình trong xà-lim yên tĩnh, tên tù học với sự tập trung cao độ và chẳng bao lâu có thể nghĩ nhớ hàng trăm nghĩa đối chiếu. Cuốn tự điển dày hơn ngàn trang nhưng tên tù quyết tâm thuộc lòng định nghĩa tất cả các từ. Hẳn bấn loạn nhớ lại việc đã xé một số trang chùi dít. Những trang đó sẽ là lỗi hổng kiến thức sau này. Vì những trang này đã vĩnh viễn tiêu hủy, hẳn sẽ chẳng bao giờ học được toàn bộ các từ của ngôn ngữ mới. Dù sao, mỗi sáng thức dậy hẳn lại háo hức ngấu nghiến từ vựng với niềm hân hoan gần như điên dại. Như nhiều người, hẳn đánh đồng việc sở hữu từ ngữ với kiến thức, thậm chí trí tuệ, và vì thế mỗi ngày, thậm chí mỗi phút giây, cảm thấy mình trở nên quan trọng hơn. Mặc dầu không hiểu nghĩa chỉ định của các từ trong thực tế, hẳn tự cho đã hiểu chúng qua định nghĩa. Và bởi vì đang tồn tại bên trong ngôn ngữ, như một bào thai quấy đạp tử cung, có lúc hẳn tự tin có thể đoán được nghĩa chỉ định của các từ, tối thiểu là một động vật hay loại cây, một ý nghĩa tích cực hay tiêu cực. Các phán đoán của hẳn luôn sai, dĩ nhiên. Chẳng hạn từ “bàng quang” với âm thanh gợi cảm giác mệnh mông, mơ hồ khiến hẳn đoán là từ chỉ điều gì đó trong thiên nhiên, như thời tiết, gió cuốn, mưa rào hay sấm chớp. Từ “cha” với âm sắc cô độc, trầm trọng khiến tên tù nghĩ đến chết chóc, mục nát: một xác người hay đồng rác. Hẳn đoán “giết người” là tên một loài hoa. Hẳn đoán “tháng Bảy” là “tháng Tám”. Tên tù hãnh diện một cách chính đáng khả năng phát âm của mình, mạnh mẽ tự tin, âm nhấn thường xuyên đúng chỗ. Nghe hẳn trên điện thoại, người ta có thể lầm tưởng hẳn là dân bản xứ, tuy thuộc tầng lớp hạ đẳng. Trong khi tên tù chắc mẩm đang dần sở hữu một ngôn ngữ mới, thật ra mỗi ngày hẳn đang đánh mất một ngôn ngữ khác, vì vào thời điểm này, hẳn quên gần hết tiếng mẹ đẻ. Hẳn không gọi được tên những bộ phận cơ thể, ngay cả những bộ phận căn bản nhất như tay, mũi, mặt, miệng, vân vân, và vì thế cơ thể dần trở nên một tồn tại lơ mờ, phi cá thể, không thực. Mặc dù đang bị

bủa vây bởi sự bản thủ, hấn không còn khả năng liên tưởng đến từ “bản thủ”. Từ duy nhất cuối cùng sẵn sàng bật ra đầu lưỡi hấn là “nhà tù”, bởi đó là từ hấn nghĩ đến sau cùng trước khi ngủ và đầu tiên khi thức dậy. Những giấc mơ của hấn không còn chứa đựng đối thoại hay ý nghĩ. Thường chúng chỉ là chuỗi hình ảnh hay mảng màu trừu tượng. Đôi khi chỉ gồm âm thanh, giọng chối tai của chính hấn đang đọc to các định nghĩa. Thậm chí trong ác mộng hấn không thể gọi “mẹ ơi” bằng tiếng mẹ đẻ. Nhưng sự mất mát này chẳng đáng bận tâm, hấn ít khi để ý, vì luôn cho rằng đang đổi mới bản thân. Trong khi bị đẩy ra khỏi thế giới, cái thế giới duy nhất được phép tồn tại, hấn lại cho rằng mình đang tiến vào một vũ trụ khác. Có lẽ trong khi tự xa rời tiếng mẹ đẻ, tên tù cố gắng một cách vô thức thoát khỏi quá khứ tồi tệ, bởi vì thật ra chẳng có từ nào trong tiếng mẹ đẻ của hấn lại không gợi nhớ những kinh nghiệm kinh hoàng và nhục nhã. Có lẽ hấn cho rằng tiếng mẹ đẻ là nguyên nhân cuộc đời chó chết của hấn. Nhưng đây chỉ là phỏng đoán, không ai biết chắc. Dù sao, ngày đêm tên tù tiếp tục đọc to các định nghĩa. Nửa đêm áp tai vào cửa xà-lim sắt dày, người sẽ nghe những câu đại loại như: “một loài vật đuôi mảnh và dài thường phá hoại các toà nhà”. Hoặc, “một cảm giác nhẹ nhàng sâu lắng cho kẻ thù quái quỷ”. Hoặc, “một nỗi sợ rừng mình và kinh tởm theo sau bởi cảm giác tự ghét bỏ”. Với vô số từ vựng và định nghĩa tích lũy mỗi ngày, nhất định người ta phải đạt được kiến thức hoặc khám phá điều gì đó? Thật ra khám phá là gì, nếu không phải là kết quả của một đầu óc ngoại hạng làm việc hết công suất? Tên tù thầm cảm ơn cơ hội được yên thân tập trung đầu óc trong thời gian dài. Hấn cảm thấy chiến thắng: vượt lên sự trống rỗng của lao tù và bị tước đoạt đời sống, bằng một hành động anh hùng của ý chí, hấn đã tái tạo thế giới mới. Hấn đã sở hữu (gần như) tất cả vì đã học được (gần như) tất cả từ vựng của một ngôn ngữ. Sự thật thì tên tù chẳng học được gì. Hấn nghĩ vậy vì đó là cách duy nhất hấn có thể tư duy. Sau hàng chục năm lao lực trí não, hoa quả duy nhất mà tên tù thật sự gặt hái được,

từ duy nhất hấn thật sự hiểu, là từ “tự điển”, đơn giản vì từ này được in trên bìa cuốn sách mà hấn biết chắc là tự điển. Thậm chí khi đụng phải từ “người tù” và học thuộc định nghĩa của nó, tên tù cũng không biết rằng đang đọc về chính mình.

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh *Prisoner with a Dictionary*)

Đinh Từ Bích Thúy

BẠT

*Tên say #2: Nhà văn phải biết xào nấu những câu chuyện
Khai vị về bọn người cận thị
Với cái nhìn mơ hồ về hạnh phúc
(Cùng lý do không ai trong chúng ta có).*

*Drunk #2: Writers should learn how to dish up
Small tales about myopic people
With a dim view of happiness
(And how come none of us has it).*

*Đinh Linh, Có Điều Gì Sai Lạc về Văn Chương Hoa Kỳ
(What's Wrong with American Literature?)¹*

Trong tuyển tập *Thư Lạ*, phần lớn những truyện của Đinh Linh nói lên ý niệm mù: mù lòa trong nghĩa đen như một khiếm khuyết của giác quan; mù lòa như một tình trạng lưu đày, tù tội; mù lòa như sự mê tít; mù lòa như những mập mờ về ngôn ngữ, bản sắc, văn hóa và lịch sử; mù lòa như một trạng thái duy ngã; mù lòa như một cách trốn tránh trách nhiệm và sự thật. Trong truyền thống văn chương khai phá, Đinh Linh, cận thị, đã nối gót James Joyce và Jorge Luis Borges. James Joyce bị bệnh tăng nhãn áp (glaucoma) và đục thể thủy tinh (cataract), đã có hơn 12 lần mổ mắt trước khi chết. Borges than văn bị lưu đày trong mê lộ đen kịt của bệnh mù

gia truyền cùng lúc nhà văn được ủy phong chức quản lý thư viện quốc gia của Argentina: “Tôi được món quà của gần một triệu cuốn sách đúng lúc mắt tôi không còn đọc được những tựa đề ngay trên gáy sách.”² Tuy nhiên, Borges đã kết luận,

Nếu nói đến trách nhiệm của người nghệ sĩ, sự đui mù không phải là một bất hạnh hoàn toàn Một người cầm bút, hoặc bất cứ một người nào đi nữa, cần phải tin rằng bất cứ những gì xảy ra cho họ là một phương cách Mọi thứ đã xảy ra vì một mục đích nào đó . . . để giúp chúng ta chế biến những thảm trạng khốn cùng của đời sống thành những điều vĩnh cửu, hoặc hướng về vĩnh cửu. Nếu một người mù nghĩ như vậy, hắn sẽ được cứu rỗi.”³

Thảm trạng bị mờ mắt kinh niên hình như đã làm Joyce thành một nhà văn ... nổi loạn tiền phong. Không chịu được sự đè nén ngột thở của ý thức hệ gia đình, quốc gia và tôn giáo, Joyce chối bỏ quê quán làm nhà văn tha hương chuyên nghiệp, tá túc ở Zurich, Trieste, Rome và Paris. Stephen Dedalus, hiện thân của Joyce, đã cao ngạo tuyên bố trong tiểu thuyết *Chân Dung Người Nghệ Sĩ* (*Portrait of the Artist as a Young Man*), “tôi muốn rèn luyện trong lò rèn của tâm hồn ý thức chưa thành hình về chủng tộc tôi.”⁴ Cũng có thể so sánh, trong những tác phẩm văn xuôi (và cả thơ) của Đinh Linh, ý niệm mù vừa được dùng như một ẩn dụ trong văn chương, vừa như một đe dọa trừu tượng nhưng liên tục trong đời sống người cầm bút có chút ý thức hệ về lịch sử, xã hội và chính trị. Trong cách phanh phui những trạng thái mù, Đinh Linh, như Joyce, như Borges, như nhà tiên tri mù lưỡng tính Tiresias trong bài thơ *Đất Hoang* của T.S. Eliot, đã cho người đọc dần thấy một hiện thực “toàn diện” trong vô số những vụn vỡ và phức tạp của tư tưởng, ngôn ngữ, và đời sống.

Trong “Tôi Nơi Đã Ngủm,” một truyện có thể được coi như “tự truyện” của tác giả, Đinh Linh đề cập thẳng đến sự khiếm khuyết - một trạng thái mù, hoặc “chết yếu”- trong

lịch sử cá nhân của chính anh: trong một xã hội chiến tranh, anh đã bị mất đi lăng kính trong veo của hạnh phúc tuổi thơ và nền tảng giáo dục căn bản. Với bố mẹ ly dị, “cậu bé” Đinh Hoàng Linh đã mất đi cột trụ gia đình. Nhà thờ cũng không phải là nơi trú ngụ lý tưởng, mà ngược lại là luyện ngục nóng bức, với những bài giảng buồn ngủ và vô nghĩa về ... trâu bò và những con lạc đà không thể chui qua lỗ kim vào thiên đàng. Nhà trường là bãi chiến trường thử nghiệm của bạo lực: một thứ bạo lực được hun đúc trong đám học trò con trai bởi yếu tố lịch sử đầy những chuyện giết người cướp ngôi và cùng lúc yếu tố thời sự—những hình ảnh chết chóc trên báo hàng ngày, hay những cảnh đâm chém ngoạn mục của ... hiệp sĩ Mù trong những phim chưởng thịnh hành ở Sài Gòn trước 1975. Xã hội lai căng chỉ dạy cho thằng bé một ngôn ngữ tàn tật, phản ánh thành kiến của truyền thống văn hóa thực dân: “Tôi biết năm thứ tiếng. Ngoài tiếng Việt, tôi biết tiếng Pháp: ‘ Foo? Shoo tit shoo? Lơ, La, Lơ, La!’ tiếng Tàu ‘ Xí xon, xon xì!;’ tiếng Anh: ‘ Well well?’ “

Là một nhà văn sáng tác trong cả hai ngôn ngữ Anh, Việt, và trong bảy năm qua đã sinh sống ở Việt Nam, Ý, và Anh, Đinh Linh hiểu được những *điểm mù* trong ngôn ngữ. Anh đã dùng tâm trạng “Tên Tù với Cuốn Tự Điển” để nói về hiện tượng của con người sáng tạo mất căn bản ngôn ngữ mẹ đẻ—sự đui mù như một lưu đầy ra khỏi ngôn ngữ và văn hóa bẩm sinh, giam hãm người nghệ sĩ trong những tương đối chênh vênh bất tận:

Mặc dầu không hiểu nghĩa chỉ định của các từ trong thực tế, hẳn tự cho đã hiểu chúng qua định nghĩa. Và bởi vì đang tồn tại bên trong ngôn ngữ, như một bào thai quấy đạp tử cung, có lúc hẳn tự tin có thể đoán được nghĩa chỉ định của các từ, tối thiểu là một động vật hay loại cây, một ý nghĩa tích cực hay tiêu cực. Các phán đoán của hẳn luôn sai, dĩ nhiên. Chẳng hạn từ “bàng quang” với âm thanh

gợi cảm giác mênh mông, mơ hồ khiến hần đoán là từ chỉ điều gì đó trong thiên nhiên, như thời tiết, gió cuốn, mưa rào hay sấm chớp. Từ “cha” với âm sắc cô độc, trầm trọng khiến tên tù nghĩ đến chết chóc, mục nát: một xác người hay đồng rác. Hần đoán “giết người” là tên một loài hoa. Hần đoán “tháng Bảy” là “tháng Tám.”

Sự khiếm khuyết trong ngôn ngữ và văn hóa làm cho người ta có những cái nhìn sai lệch về đối tượng, dần dà xói mòn biên giới giữa thật và giả (*ngụy*). Trong “Cảnh Đẹp Cali,” một thanh niên Việt Nam chủ quan đã tưởng mình được gián tiếp làm “Việt Kiều” khi hần bận áo Ralph Lauren “hàng nhập Trung Quốc,” quần jeans “Levy’s” được trả giá rẻ; đi ăn tiệm “Cảnh Đẹp Cali” có “[Pi-dà]với lát thịt [pepperoni] trông thật nhưng pho-mát là đồ dỏm;” mua tiểu thuyết dịch của Sydney Sheldon và nhạc CD của Trịnh Nam Sơn.

Sự mập mờ giữa thực và hư cũng là đề tài của “Thư Lại,” một “tự truyện” khác của Đinh Linh. Tác giả phân tách những nghịch lý về bản sắc và quốc tịch, thế nào là “người Việt”? Thế nào là “người Mỹ”? Có phải sự khác biệt không phải ở yếu tố ngôn ngữ, lãnh thổ, hoặc kinh tế, mà chỉ hoàn toàn trên phương diện giấy tờ—một mảnh hộ chiếu chứng minh quốc tịch Hoa Kỳ. Nhưng bằng chứng hộ tịch này liệu có cung cấp tức thời “độc lập tự do và hạnh phúc”? Cùng lúc, sự *đui mù* của hoài vọng muốn thay đổi vận mệnh đã được thể hiện qua “lá thư lại” của người em họ bên nhà vợ.

Trạng thái mù lòa có lúc không phải là khiếm khuyết của số mệnh hay thời thế, mà chính là sự chối bỏ quá khứ, xóa trắng những mất mát chiến tranh, và kiểm duyệt lịch sử. Sự mù lòa, qua chính sách mị dân, cũng được coi như một nỗ lực hướng về hạnh phúc vĩnh cửu, vì người dân mù trong một xã hội mù, như những nhân vật trong tiểu thuyết *Mù Lòa* (*Blindness*) của nhà văn Bồ Đào Nha José Saramago, sẽ chẳng

bao giờ nhìn thấy sự xấu xa của chính họ hay những chuyện xấu xa bản thủ chung quanh họ. Trong “Saigon Pull,” nhân vật chính, một thương binh Việt Nam về hưu, đã suy ngẫm,

Sự thật là thế hệ trẻ rất ít khoan dung với những gì xấu xí, tồi tàn, thương tật hay không ăn ảnh. Tất cả những nhắc nhở về chiến tranh chỉ khiến chúng bối rối. Bản thân cuộc chiến đã đáng xấu hổ. Một tính toán sai lầm khổng lồ, chúng nghĩ thế. (Và dĩ nhiên chúng đúng, nhưng ai lại đi trách người như tôi vì tham dự chiến tranh, cứ như thể chúng tôi đã chọn lựa). Bây giờ chúng thấy người Mỹ thân thiện rủng rỉnh tiền bạc trên đường phố và không thể hình dung tại sao chúng tôi đã từng chiến đấu chống Mỹ.

Jacques Derrida, trong *Hồi Ký của Người Mù (Memoirs of the Blind)*, đã đi xa hơn Borges, không coi trạng thái mù như một “tai nạn may mắn,” mà là một ý thức trừu tượng nhưng hiện hữu trong giá trị của một tác phẩm nghệ thuật. Một họa sĩ vẽ theo bản năng hội họa là một họa sĩ vẽ ... mù, vì hành động vẽ không hệ thuộc vào nhãn quan mà đã dựa trên ký ức và hoài bão của y. Hành động vẽ của họa sĩ thay thế một cách nhìn trực tiếp với cách nhìn gián tiếp. Hành động vẽ, cũng như hành động viết, trở thành một dẫn giải riêng tư của người sáng tạo, thay vì là một sao chép thẳng từ thế giới vật thể. Đinh Linh đã là một họa sĩ trước khi trở thành nhà văn và nhà thơ. Hội họa—trong thể châm biếm—có lẽ cũng ảnh hưởng đến quá trình sáng tác văn chương của anh. (“Chợ” nên được coi như một bài thơ văn xuôi, hay một bức tranh cấu tạo bằng ngôn ngữ với sắc thái lấm láp thập cẩm của Hieronymus Bosch). Nếu ta áp dụng ý niệm mâu thuẫn về sự mù lòa của Derrida vào văn chương của Đinh Linh, thì để “nhìn rõ” văn của Đinh Linh, đọc giả, như họa sĩ vẽ mù, cũng phải đọc mù.

Như những đường vẽ sẽ mãi mãi bấp bênh ở tư thế trừu tượng qua ánh nhìn của người xem tranh nếu họ không trở

thành “họa sĩ,” những *điểm mù*—những tình trạng thiếu ổn định về ngôn ngữ, vật thể, bản sắc, địa thế, lịch sử, xã hội—trong thế giới của Đinh Linh cần sự soi sáng từ người đọc để phát hiện toàn diện. Trong quá trình tìm ẩn dụ, người đọc trở nên người du hành trên phi cơ của “Một Chuyến Bay.” Như Đấng Sáng Tạo, người đọc chỉ có một ánh nhìn bao quát từ trên cao khi đã thu nhập tất cả những hẻm hóc và trở trêu của đời sống: người kể chuyện trong “Hai Nhà Vua” có lẽ chỉ am hiểu được bản chất của một lãnh tụ Việt Nam khi đã nhận thấy sự lầm lẫn của chính hắn về hình diện của người đàn ông mà hắn đã tưởng là một hoàng đế; vì không thể thoát ra ngoài giới hạn của lịch sử, ông chủ đồn điền Stewart Crenshaw và người nô lệ da đen Moses bị tù túng trong vai trò “giải phóng” trao đổi tài sản và vị trí quyền lực xã hội. Crenshaw và Moses không thể hiểu được tầm mức lớn lao của cuộc trao đổi này khi còn sống trong thời đại của họ mà tưởng rằng “đời mỗi người hoàn toàn vô định, và không biểu tượng điều gì,” Skinny và Dercum, đôi bạn đồng tình luyến ái trong “Nhạc Tây,” sẽ mãi mãi như hồn ma của người lính Mỹ ...mất chân vì họ không thể vượt qua bản chất duy ngã của chính họ. Trong quá trình đi tìm “thiên đường,” Skinny và Dercum không thành những nhà thám hiểm mà đã bị lưu đầy trong trạng thái vị kỷ của đám người du lịch, vì họ đã không nhìn thấy những di tích chiến tranh, những bàn thờ người vong trận ở những địa danh mà họ đã đi qua; tương tự, trong “Thị Trấn Cổ Quan Tài Bí Ẩn,” sự lãnh đạm của xã hội trước thảm trạng nghèo đói của một vùng quê đã được “giải đáp” bằng một truyện mê tín hoang đường của một quan tài đi “lùng” xác chết; trong “Cảnh Đẹp Cali,” người thanh niên muốn trút bỏ mặc cảm tự ti về văn hóa, nhưng không khác Lọ Lem ... hoàn diện Lọ Lem sau buổi dạ vũ, hắn chui xuống gầm bàn “tìm mãi tìm mãi nhưng chẳng thấy vật muốn tìm.”

Cuối cùng, có lẽ chân lý của đời sống sáng tác là sự đạt thành của “Ông Nội Ngoại Hạng,” người đã nhìn thấy tất cả

và đã thấm hiểu sự bình đẳng hiện sinh của kiếp người, “Tất cả lão già đều giống hệt nhau, kinh tởm và bị kinh tởm.” Cuối cùng, có lẽ Borges, một nhà văn mù thật sự, chứ không phải Derrida, một triết gia bị bệnh không chớp được mi mắt trong một thời gian ngắn, là người chính xác hơn. Tác động nghệ thuật chính nó không phải là tác động trừu tượng, mà là một tác động tự nhiên, từ ý chí được bảo tồn, để gây dựng lại một tân thế giới hoàn hảo và bất diệt—vượt qua hết những bế tắc giữa cá nhân và tập thể, như Hồ Mười đã kết luận, trong “!”:

Khởi đầu mọi sự có vẻ hỗn loạn, nhưng chẳng có gì hỗn loạn cả Người ta có thể tưởng mình đang vẽ tranh trừu tượng, nhưng chẳng có tranh trừu tượng nào, chỉ có những hình thể được (hay bị) trừu tượng hoá. Mỗi mặt phẳng nằm ngang là một phong cảnh bởi vì chúng biểu lộ chân trời. Mỗi màu sắc đều có những liên hệ chung và riêng. Màu đỏ có thể gọi kinh hoàng trong nền văn hóa này, hay một hứng khởi trong nền văn hóa khác, nhưng màu đỏ vẫn là màu đỏ, vẫn là máu. Màu xanh lục luôn gợi đến hình ảnh cây lá và áo dài xanh xinh đẹp.

Trước thế giới “có vẻ hỗn loạn” của Đinh Linh, người đọc đã được mở mắt vĩnh viễn.

Hoa Thịnh Đốn, 6-4-07

¹*American Tatts* (Chax Press: 2005), p. 88. (Đinh từ Bích Thúy trích dịch đoạn thơ của Đinh Linh và những đoạn về Borges và Joyce đề cập trong chú thích dưới đây.)

²Virginia Stem Owens, *Led by the Blind*, trong tạp chí Books & Culture (May/June 2003).

³ Như trên.

⁴ Như trên.

